

PHÍA BÊN KIA
CUỘC CÁCH MẠNG 1945:
ĐẾ QUỐC VIỆT NAM (3-8/1945)
[The Other Side of the 1945 Revolution: The Empire
of Viet-Nam (March-August 1945)]
Vũ Ngự Chiêu (*)

Giai đoạn ngắn ngủi từ ngày 9-10/3/1945, khi Nhật chấm dứt chính quyền Bảo hộ Pháp tại Đông Dương bằng chiến dịch **Meigo**, tới ngày 21/8/1945, khi guồng máy quân sự Nhật bị sụp đổ là một trong những thời kỳ quan trọng trong lịch sử cận đại. Trong giai đoạn này, hai chính phủ “độc lập” ra đời, chấm dứt hơn tám mươi năm Pháp xâm chiếm, và kích động một cuộc cách mạng xã hội mà đặc điểm là hiện tượng *Việt-Nam-Hóa* [*Vietnamization*] tất cả các cấu trúc xã hội. (1)

Thuật ngữ *Việt Nam hoá* được dùng để mô tả những diễn biến thu nhập và thực thi những biến đổi xã hội, kinh tế, văn hoá và chính trị do chế độ bảo hộ Pháp cưỡng bách áp đặt từ 1861 tới 1945, sau khi chế độ thực dân Pháp bị soi mòn dần từ năm 1940-1941 rồi cuối cùng bị xóa bỏ vào tháng 3/1945. Nó khởi đầu bằng việc chấp nhận quốc hiệu Việt Nam mà Hoàng đế Mãn Châu Ngung Diễm đã ban cho Nguyễn Phước Chung năm 1804. Dù trong Anh ngữ, từ này còn một hàm ý khác— như chính sách Việt nam hóa cuộc chiến tranh Việt Nam của Liên bang Mỹ (1967-1973)— chúng tôi nghĩ thuật ngữ Việt Nam hoá chính xác hơn. Đây là một chu trình liên lũy từ thời hoang sơ của Bách Việt, tới thời Hai Bà Trưng (40-43)-bà Triệu (248), Ngô Quyền (938-944), rồi Đinh Bộ Lĩnh (?968-979), Lê Hoàn (980-1005), qua nhà Lý (21/11/1009-10 [20]/1/1226), nhà Trần (10 [20]/1/1226-23/3/1400), nhà Hậu Lê (29/4/1428-12/7/1527, [1533] 1593-1/2/1789), Nguyễn Tây Sơn ([1778] 22/12/1788-16/7/1802), rồi nhà Nguyễn (1/6/1802-25/8/1945). Nó bao

gồm cả những cuộc thay đổi triều đại và ý thức hệ mà nhiều người cho là “cách mạng,” và sự phá hủy, sửa đổi để hình thành những cơ cấu xã hội, kinh tế, văn hóa (phong tục) mới dài theo chu trình toàn cầu hoá của nhân loại từ năm 1945 tới hiện tại—nhưng thời gian lại ngược xoáy trở lại tình trạng nửa chur hầu, phụ thuộc và ký sinh vào lân bang phía Bắc, giống như thời kỳ tự chủ lần thứ hai, từ 1428 tới 1884.¹

Trong khối văn chương cổ điển về thời kỳ này—đặc biệt những tác phẩm xuất hiện trước 1991—các tác giả chỉ chú trọng đến biến cố gọi là “cuộc đảo chánh Nhật ngày 9/3/1945,” hay việc đoạt chính quyền của Mặt Trận Việt Nam Độc Lập Đồng Minh [Việt Minh], do Đảng Cộng Sản Đông Dương [ĐCSĐD] lãnh đạo, với sự yểm trợ của viên chức Sở Hành Động Chiến Lược [Office of Strategic Services, OSS] Mỹ tại Hoa Nam, được xưng tụng như “cách mạng Tháng Tám 1945.” Không được tiếp cận các tư liệu gốc, chỉ sao chép lại cả những lỗi lầm của người đi trước trong “nghiên cứu” của mình, và đôi khi không có kiến thức cơ bản về xã hội Việt Nam dưới thời Pháp thuộc, một số tác giả tảng lờ hay tìm cách hạ giá chế độ được phe thua trận Nhật bảo trợ, tức “tân” Đế quốc Việt Nam (11/3-25/8/1945). Đó là chưa kể quan điểm khẳng quyết [determinist] giáo điều, giành độc quyền cách mạng hay yêu nước một cách Trung Cổ cho một giai tầng nào đó các nhà truyền giáo và “sứ gia nhân dân,” và qui luật cung văn-đào mộ của các cán bộ **agitprop** phụ trách tuyên truyền đại diện bằng Trần Huy Liệu hay Trần Văn Giàu. Vài trường hợp ngoại lệ là bài viết của Ralph B.

¹Ba tác phẩm hiện đại nhất về lịch sử Việt Nam, dựa trên ngày tháng Tây lịch, và phương pháp ti đối các tư liệu văn khố Đông-Tây là Vũ Ngự Chiêu, *Petrus Key Trương Vĩnh Ký & Cuộc Xâm Lăng Của Pháp*, 2 tập (Fountain Valley, CA: Hợp Lưu, 2019), (*Lulu.com* phát hành); và Vũ Ngự Chiêu & Hoàng Đỗ Vũ, *Viết Từ Chân Đền Hùng* (Fountain Valley, CA: Hợp Lưu, 2016), *Idem., Nhục Hận Biển Đông Nam Á: Kiện Hay Không Kiện?*, 3 tập (Fountain Valley, CA: Hợp Lưu, 2015-2016), tập 2 & 3, bổ túc bản án Tòa Trọng Tài Thường Trực Quốc Tế [PCA], The Hague, ngày 12/7/2016. (*Amazon.com* phát hành).

Smith (1978) và Masaya Shiraishi (1982), và Kiyoko Kurusu Nitz (1983, 1984). Sử dụng tài liệu văn khố Nhật liên quan đến việc Nhật tước vũ khí quân Pháp trong tháng 3/1945 và tờ báo Pháp ngữ *L'Opinion-Impartial* [Trung Lập] xuất bản tại Sài Gòn, Smith thuật lại tỉ mỉ cuộc tấn kích quân sự (Chiến dịch MEIGO) để lật đổ chính quyền thực dân Pháp và sự thành lập chính phủ Trần Trọng Kim (17/4-25/8/1945) tại Thuận Hóa tức Huế. Được tham khảo các tài liệu tương tự, cộng thêm một số tài liệu Nhật và Việt ngữ, cùng những cuộc phỏng vấn một số tác nhân Nhật, Shiraishi ghi lại chi tiết cuộc thanh trừng của Nhật ngày 9/3/1945 và bí ẩn quanh việc Nhật lựa chọn các cộng sự viên Việt. Nitz cũng sử dụng nhiều tài liệu Nhật hiếm, quý.² Tuy nhiên, số lượng tư liệu văn khố Pháp dồi dào cùng những ấn phẩm định kỳ Nhật và Việt ngữ đương thời chưa được khai thác kỹ lưỡng, bởi thế các tác giả chưa tái tạo được đầy đủ giai đoạn chuyển tiếp trên, một khúc quanh quan trọng của lịch sử Việt Nam.

Năm 1995, David G Marr cũng công bố một nghiên cứu xuất sắc về cuộc cách mạng 1945, dưới tựa *Vietnam 1945: The Quest for Power [Việt Nam 1945: Đi Tìm Quyền Lực]*. Tổng hợp nhiều nghiên cứu cổ điển với những thông tin mới từ các văn khố nhiều nước, phỏng vấn tác

²Masaya Shiraishi, "La présence Japonaise en Indochine (1940-1945), in Paul Isoart (Ed), *L'indochine française (1940-1945)* (Paris: Plon, 1982), pp. 215-41; và Ralph B. Smith, "The Japanese Period in Indochina and the Coup of 9 March 1945;" *Journal of Southeast Asian Studies* [JSEAS] (Sept 1978), IX, 2: 208-301. Luận án năm 1981 của Murakami Sachiko. "Japan's Thrust into French Indochina, 1940-1945." Ph.D. Dissertation, tại New York University cũng cung cấp nhiều thông tin bổ ích. [sẽ dẫn Murakami, 1981]. Sau khi bàn thảo "The Other Side of the 1945 Vietnamese Revolution" được tạp chí *Journal of Asian Studies* [JAS] nhận in, chúng tôi còn được tham khảo thêm Kiyoko Kurusu Nitz, "Japanese Military Policy Toward French Indochina During the Second World War: The Road to the Meigo Sakusen (9 March 1945). *JSEAS* (Sept 1983), XIV: 328-53; & Idem, "Independence Without Nationalists? The Japanese and Vietnamese Nationalism during the Japanese Period, 1940-1945." *JSEAS* (War 1984), XV: 108-133.

nhân lịch sử Mỹ, Nhật, Việt và Pháp, nhưng Marr chưa sử dụng các thông tin hậu chiến tranh lạnh từ các văn khố Nga, Trung Hoa, Pháp và Việt Nam.³

Hai điểm tôi không đồng ý với Marr là trường hợp “**Nguyễn Văn Xuân**” trong chính phủ lâm thời ngày 28/8/1945 và Chi thị nổi dậy chống Pháp của “Hội nghị 7” tại Đình Bảng, Bắc Ninh. Vũ Trọng Khánh nhắc đến tên Nguyễn Văn Xuân ở Hải Phòng, trong kế hoạch trục xuất tàu Pháp. Báo *Độc Lập* ngày 4/9/1945 ghi Nguyễn Văn Xuân là *Việt Nam Quốc Dân Đảng*. Nhưng trong danh mục đại biểu Quốc Hội khoá I tại TTLTQG 3 (Hà Nội) chỉ có *Nguyễn Ngọc Xuân*. Trong tấm hình chụp sau phiên họp đầu tiên của chính phủ lâm thời cũng *không có* Nguyễn Văn Xuân. Nói cách khác, Nguyễn Văn Xuân cũng có thể đây tượng tượng như *Đảng Quốc Gia* của Hồ Chí Minh, *Văn Hóa Cứu Quốc* của Võ Giáp, v... Về chi thị nổi dậy ngày 20/11/1940, báo cáo của quan lại Việt là một chứng cứ. Nên lưu ý đến thói quen sửa lại tài liệu của Đảng CSĐD để biện minh cho các mục tiêu giai đoạn, như trong *Brisons nos fer [Phá Xiêng]* năm 1949, guồng máy tuyên truyền Việt Minh liệt kê Trần Trung Lập như một cán bộ Việt Minh.⁴

³David G. Marr, *Vietnam 1945: The Quest for Power* (Berkeley, CA: Berkeley Univ Press, 1995).

⁴Năm 2009, nhà xuất bản chính trị quốc gia Hà Nội còn phổ biến một nghiên cứu về chính phủ Trần Trọng Kim của Phạm Hồng Tung, nhưng thực chất chỉ là một tóm lược chưa hẳn đã chính xác khối văn sử đã xuất hiện bằng Anh ngữ, trợn lẩn với tài liệu tuyên truyền của Trần Huy Liệu, Trần Văn Giàu, v... Chẳng những không giới thiệu được tư liệu mới nào, có lẽ vì chưa làm việc tại các văn khố Pháp, như Fond Ecole coloniale tại Aix en-Provence, Chateaux de Vincennes, hay văn khố QTCS (vì không thấy ghi trong tài liệu tham khảo hay phụ chú văn bản), Phạm Hồng Tung còn gò ép cho bằng được “liên hệ giữa tình báo Nhật và Trần Trọng Kim,” hay lý do Nhật loại bỏ Ngô Đình Diệm-Cường Để. (2009:182-188) Tác giả chưa nghiên cứu kỹ, như chưa được tiếp cận hồi ký Nguyễn Xuân Chữ, xuất bản năm 1996 tại Mỹ, một năm sau ngày cuốn *Việt Nam 1945* của Marr ra đời. Muốn bài bác cuộc cách mạng từ bên trên năm 1945, tác giả phải giới thiệu những tư liệu mới, không thể phóng tượng như thói quen viết lịch sử tiểu thuyết. Cám ơn vợ chồng Vũ Thái Dũng giúp truy cập tập sách mới này.

Bài viết này trình bày đầy đủ hơn về chính phủ Trần Trọng Kim. Trước hết, bài viết sẽ giới thiệu một cách tổng quát Việt Nam trong giai đoạn kể trên làm nền tảng cho những điều thảo luận, rồi đi sâu vào nội tình Việt Nam, đặc biệt là những việc làm và tầm quan trọng của chính phủ Kim. Tôi tin rằng chính phủ Kim—trong thời khoảng vồn vẹn bốn [4] tháng và dưới những điều kiện cực kỳ khó khăn—đã khởi xuất những bước quan trọng về hướng nền độc lập của Việt Nam, kể cả việc *Việt-Nam-hóa* phần nào guồng máy hành chính bảo hộ Pháp, và đã thương thảo việc thống nhất lãnh thổ trước khi “Việt Minh đoạt chính quyền” vào tháng 8/1945—theo kết luận của Trường Chinh, trong xã luận “Cách Mạng hay đảo chính,” trên báo *Cờ Giải Phóng*, “Cơ quan tuyên truyền, cổ động trung ương của *Đảng Cộng Sản Đông Dương*” (số 16, 12/9/1945). Chính phủ Kim đã kích động sự tham gia chính trị của đám đông, cổ súy việc tách rời khỏi ảnh hưởng Pháp, rồi trao cho chế độ thù nghịch và kế vị, tức chế độ *Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa (VNDCCH)* của Hồ Chí Minh (1890-1969), bí danh của Nguyễn Sinh Côn (1892-2/9/1969), một thế hệ tuổi trẻ *có tổ chức và chính-trị-hóa*—nguồn tài nguyên quý báu cho cuộc cách mạng tháng 8/1945 và cuộc kháng chiến chống Pháp kế tiếp. Chính phủ Kim phát động cuộc cải cách giáo dục, kể cả việc chọn Việt ngữ dựa trên mẫu tự Latin làm quốc ngữ tại công sở và trường học, củng cố sự độc lập văn hóa với cường quốc thực dân phía bắc. Nếu không khảo sát kỹ những việc làm của chính phủ bị lãng quên này, tôi tin rằng sẽ chỉ trình diện cuộc cách mạng 1945 một cách phiến diện, và đồng thời đơn giản hóa những biến cố kế tiếp dẫn đến cuộc chiến tranh 30 năm (1945-1975).

Nguồn tư liệu của chúng tôi gồm hồ sơ Tòa Quân Sự Quốc Tế tại Viễn Đông [*the International Military Tribunal for the Far East*],⁵ những tập biên khảo do cựu sĩ quan Nhật

⁵*The Tokyo War Crimes Trial: The Complete Transcripts of the Proceedings of the International Military Tribunal for the Far East; Annotated, compiled and edited by R. John Pritchard and Sonia Magbanua Zaide, 22 vols (New York: Garland, 1981)*

thực hiện về hoạt động của Lộ quân Miền Nam [*War in Asia and the Pacific, 1937-1949*],⁶ tài liệu văn khố Pháp, Mỹ, Trung Hoa, Việt Nam,⁷ cùng các báo chí, ấn phẩm định kỳ xuất bản tại Đông Dương và Nhật.⁸

Một số học giả Nhật cho rằng những chứng từ tại Toà án quốc tế Tokyo thiếu vô tư—một việc khó tránh, như trường hợp cuộc thăm sát Nanking vào tháng 12/1937—nhưng chúng là những tư liệu đương thời quý báu, có thể sử dụng một cách hữu ích nếu tỉ đối với các chứng từ khác. Những tài liệu mới sử dụng thêm cho bản hiệu đính này gồm Kho Quốc Hội Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa [VNDCCH] (TTLTQG 3, Hà Nội) và Kho Phủ Tổng thống cùng Kho Thủ tướng Việt Nam Cộng Hòa [VNCH] (TTLTQG 2, TP/HCM), hồi ký hay nhật ký của một số Bộ trưởng đầu tiên của chính phủ [VNDCCH], đặc biệt là Vũ Đình Hoè, cùng những tư

⁶Donald S. Detwiler, Charles B. Burdick (Eds), *War in Asia and the Pacific, 1937-1949*, 15 vols (New York: Garland, 1980)..

⁷Tài liệu văn khố chúng tôi sử dụng gồm tư liệu văn khố trung ương Pháp và Bộ Ngoại Giao tại Paris, Bộ Pháp quốc Hải ngoại tại Aix-en-Provence, tư liệu văn khố Bộ binh và Hải quân Pháp tại Vincennes, tư liệu văn khố Mỹ, đặc biệt là Thư viện Lyndon B. Johnson, và Richard M. Nixon, văn khố Việt Nam tại Sài Gòn và Hà Nội, cùng tư liệu QTCS tại Nga do Anatoli Sokolov trao tặng. Theo qui luật của Văn khố Bộ binh Pháp, chúng tôi không thể nêu danh số các tư liệu, chỉ ghi 10H xxx. Trong hai năm 1985-1987, rồi nhiều chuyên du khảo khác tới năm 2000, chúng tôi nghiên cứu thêm tài liệu Lục Quân Mỹ tại Chateaux de Vincennes và các kho Cao Ủy Đông Dương [HCIF], Nha Kinh Tế [SE] tại văn khố Pháp quốc Hải Ngoại tại Aix-en-Provence, cùng Văn Khố Hội Truyền Giáo [AME] Paris.

⁸Hầu hết các tựa báo Pháp và Đông Dương lưu trữ tại Versailles đều đã chụp microfilm, hiện chuyển về Thư viện Quốc Gia, quận XIII (Paris). Những tựa báo chính chúng tôi tham khảo hơn 30 năm trước gồm *Cờ Giải Phóng, Cứu Quốc, Độc Lập, La République, L'Entente, Dân Mới, Hải Phòng, Ngày Nay, Thanh Nghị, Bình Minh, Trẻ Em, Tin Mới, Lục Tỉnh Tân Văn, Dân Báo, Sài Gòn, Tin Điện, Văn Lang, Tiếng Dân, Hưng Việt, Tiếng Súng Kháng Địch, L'Action, L'Opinion Impartial, L'Humanité, L'Indochine, v.. v..*

liệu khác thu thập được tại Việt Nam trong chuyến du khảo năm 2004-2005.⁹

TÂN ĐÔNG DƯƠNG CỦA NHẬT

Sau gần 54 tháng sử dụng chính quyền Pháp thân Vichy ở Đông Dương như một công cụ hành chính— hoặc cố đồng viên thứ hạng [*junior partner*], nếu muốn— để khai thác tối đa phần đóng góp của Đông Dương vào cuộc chiến Đại Đông Á, ngày 9-10/3/1945, người Nhật chấm dứt cuộc hợp tác lưỡng lợi này.¹⁰

Tối đó, tại Dinh Norodom [sau đổi thành Độc Lập, và từ 1975 mang tên Thống Nhất] ở Sài Gòn, Đại sứ Matsumoto Shunichi trao cho Toàn quyền/Thượng sứ Jean Decoux (20/7/1940-9/3/1945) của chế độ Vichy một tối hậu thư, đòi kiểm soát trực tiếp Đông Dương, tước

⁹Nguyễn Xuân Chữ, *Hồi ký*, Nguyễn Xuân Phác và Chính Đạo hiệu đính (Houston: Văn Hoá, 1996), Vũ Đình Hoè, *Hồi ký Vũ Đình Hoè* (Hà Nội: Hội Nhà Văn, 2004), tr. 176 [Dụ số 1 của Bảo Đại; và phê bình của Luật sư Bùi Tường Chiêu]; Lê Văn Hiến, *Nhật Ký một Bộ trưởng*, 2 tập (Đà Nẵng: 2004), Phụ Bản: “Năm đầu tiên của giấy bạc cụ Hồ,” II:617-623. và *Văn Kiện Đảng Toàn Tập*, do Bà Trần Thị Nga gửi tặng. Đa tạ Giáo sư Hoè đã dành cho chúng tôi những cuộc phỏng vấn bổ ích trong niên khoá 2004-2005 tại Thủ Đức (Q. 9, TP/HCM).

¹⁰Vu Ngu Chieu/Chieu Ngu Vu, "Political and Social Change in Viet-Nam Between 1940 and 1946." Unpublished Ph.D. Dissertation, under the supervision of Prof John R W Smail, Univ of Wisconsin-Madison (Dec 1984), chương 2, 5, và phần II; Jean Decoux, *A la barre de l'Indochine* (Paris: 1949), pp. 305-306; Claude de Boisanger, *On pouvait éviter la guerre d'Indochine: Souvenirs 1941-1945* (Paris: Maisonneuve, 1977), và Georges Gautier, *9 mars 1945. Hanoi au soleil de sang. La fin de l'Indochine française* (Paris: Société de production littéraire, 1978); báo cáo của Pereyra trong CAOM (Aix), Indochine Nouveaux Fonds [INF], carton [hộp] 133, document [hồ sơ] 1107; báo cáo của Sabattier trong *Ibid.*, Papiers d'Agent [PA] 14, hộp 1. Xem thêm *IMTFE*, Exhibits 661-663, Pritchard and Zaide, (1981); 3:7,168ff; *Nghiên cứu Nhật [JM]*, Tập số 25, Detwiler và Burdick 1980: tập 6, tr. 16; *L'Action*, 18, 19 & 21/3/1945; *Tin Mới* (Sai Gon), 11-19/3/1945. Xem thêm Daniel Gareth Porter, "Imperialism and Social Structure in Twentieth Century Vietnam." Unpublished Ph.D. dissertation, Cornell University (1976).

bỏ vũ khí của quân đội và cảnh sát Pháp, với thời hạn hai [2] giờ phải trả lời. Ngay sau khi tối-hậu-thư vừa hết hạn, khước từ lời xin tiếp tục thương thuyết, các tư lệnh Nhật tấn công mọi công sở và doanh trại Pháp từ nam chí bắc. Chưa đầy 48 tiếng đồng hồ, người Nhật hoàn toàn làm chủ tình hình. Decoux, những cộng sự viên, và hầu hết các tướng Pháp bị bắt giữ. Tướng Eugène Mordant (bí danh Narcisse), Tổng đại biểu của chính phủ lâm thời Charles de Gaulle, cũng bị bắt ở Hà Nội. Một số nhỏ sĩ quan ở Khu Quản đạo thứ 2 (Cao Bằng) và ít tàu thủy cùng thuyền buồm của Lực lượng Hải quân Bắc Kỳ thoát được qua Hoa Nam. Quan trọng nhất là khoảng 5,000 quân thuộc Sư đoàn Bắc Kỳ của Tướng Gabriel Sabattier và Trung đoàn Lê-dương ở Sơn Tây của Marcel Alessandri, thoát khỏi cuộc tổng tấn công chớp nhoáng này, rút lên rừng núi Lai Châu và Phong Saly gần biên giới Việt-Hoa.¹¹ Ngày 2/5/1945, toàn bộ quân Pháp rút chạy qua Vân Nam, và ngày này, Đông Dương bước vào một kỷ nguyên mới do Nhật trừ liệu.

Nước Nhật nhắm hai [2] mục tiêu khi quyết định thanh trừng chính quyền Decoux: Thứ nhất, để trung lập hóa quân đội Pháp, cảnh sát võ trang, và các cán bộ theo phe de Gaulle mà sự hiện diện tại Đông Dương sẽ tạo cho Nhật nhiều trở ngại nếu Đồng Minh đổ bộ lục địa Đông Á, một điều được tiên đoán rộng rãi sau khi Bộ Tư lệnh Lộ quân miền Nam di tản từ Manila về Đà Lạt.¹² Thứ hai, và quan trọng hơn, là tăng cường phòng

¹¹Trước Meigo, vùng biên giới Trung Hoa và Đông Dương chia làm 5 Quân Khu Quản Đạo [1, Móng Cái ; 2, Cao Bằng ; 3, Hà Giang ; 4, Lai Châu ; và, 5, Phong Saly (Bắc Lào)]. Tiếng « đạo » dùng để chỉ các vùng có dân thiểu số—như đạo Hà Tĩnh triều Nguyễn Phúc/Phước Thời (10/11/1847-19/3/1883), niên hiệu Tự Đức. Sử cũ chép Đinh Tiên Hoàng (?968-979) chia nước làm “10 đạo,” có lẽ đồng nghĩa với chữ đạo nói trên.

¹²Theo tài liệu Pháp, có khoảng 90,000 binh sĩ Pháp và bản xứ, gồm 40,000 chủ lực Pháp, mà khoảng 35,000 đồn trú tại Bắc Kỳ. “La resistance en Indochine après le 9 mars 1945;” SHAT (Vincennes), Indochine, 10H xxx [hộp 79 & 642]. Chia làm 3 đại đơn vị. Sư đoàn Bắc Kỳ của Sabattier gồm 3 trung đoàn : Âu châu [trắng], hỗn hợp và Trung đoàn bản xứ với cán bộ Pháp]. Lữ đoàn An Nam của

thủ Đông Dương (và Thái Lan) bằng cách trực tiếp kiểm soát toàn bán đảo, đồng thời kêu gọi sự yểm trợ của các sắc dân Đông Dương qua kế hoạch cho họ một *nền độc lập có điều kiện*.¹³

Sự thay đổi quan trọng nhất là việc thay thế các viên chức cao cấp trong chính phủ liên bang tại Hà Nội và năm [5] chính quyền bản xứ tại Căm Bốt [Kampuchea], Lào, Bắc, Trung và Nam Kỳ. Ngày 16/3/1945, Tướng Tsuchihashi Yuitsui, Tư lệnh Quân đoàn 38, tức Quân đoàn đồn trú ở Đông Dương, trở thành Toàn quyền Nhật thứ nhất, và duy nhất. Ít lâu sau, tháng 5/1945, Tsuchihashi đòi Tổng hành dinh từ Sài Gòn ra Hà Nội. Đại sứ Matsumoto trở thành Cố vấn chính trị của Toàn quyền; và sau đó Tsukamoto Takeshi lên thay, nhưng chỉ mang tước hiệu Tổng thư ký (thường được người Việt gọi tôn lên là Phó Toàn quyền). Các viên chức Nhật trực tiếp điều khiển mọi nha sở của chính phủ liên bang, đặc biệt là cảnh sát, tư pháp, tài chính, kinh tế, thanh niên và thể thao, và thông tin. Trong khi đó, Nam Kỳ có một Thống Đốc, Minoda Fujio, cựu Tổng lãnh sự Sài Gòn. Bắc Kỳ được một Quyền Thống Sứ, Nishimura Kumao, cho tới thượng tuần tháng 5/1945, khi Bắc Kỳ được sát nhập vào “tân” Đế quốc Việt Nam của Hoàng đế Nguyễn Phúc/Phước Đế, thường được biết qua niên hiệu Bảo Đại. Những xứ mới độc lập như An-Nam, Căm Bốt và Lào đều có một Cố vấn Tối cao hay Đại sứ.¹⁴

Turquin gồm hai Trung đoàn: 10 RMIC tăng và thiết giáp ở phía bắc, và 16 RIC [bộ binh thuộc địa] ở phía nam (Rhadé, v.. v..) Sư đoàn Nam Kỳ-Căm bốt của Delsuc gồm Trung đoàn 11 RIC, trung đoàn khố đỏ [Tirailleurs annamites], 1 Trung đoàn khố đỏ Khmer [RTC] ở Nam Vang, Trung đoàn 5 Pháo binh [RAC] ở Sài Gòn, cộng 1 tiểu đoàn lính thượng. SHAT (Vincennes), 10H xxx [642].

¹³SHAT (Vincennes), Indochine, 10H xxx [140]; *IMTFE*, Exhibit 661 (3:7,168).

¹⁴*L'Action*, 19/3 & 20/4/1945. Chúng tôi viết tên các tác nhân Nhật và Việt theo trật tự văn phạm của hai quốc gia này, tức họ trước, tên sau, khác với Tây phương, tên trước, họ sau.

Ngoại trừ những cuộc hành quân táo thanh—để truy lùng cảnh sát thân chế độ Vichy và gián điệp thuộc phe de Gaulle đã xâm nhập vùng duyên hải Bắc Bộ dưới sự bảo trợ của cơ quan tình báo chiến lược Mỹ [OSS]—cộng đồng Pháp kiều được đối đãi khá tử tế. Các viên chức Pháp hạng thấp và chuyên viên được phép tiếp tục làm việc. Thường dân Pháp mất ưu quyền của giai tầng thống trị, chịu một số biện pháp chế tài trong thời chiến như tịch thu vũ khí, máy thu thanh, máy chụp hình và máy đánh chữ, kiểm soát việc di chuyển và hội họp, và chỉ định cư trú. Với phần đông Pháp kiều, đời sống trở lại bình thường. Ngày 15/3, *Ngân Hàng Đông Dương* mở cửa trở lại. Báo tiếng Pháp tục bản ở Sài Gòn và Hà Nội, tức hai tờ *L'Opinion-Impartial [Trung Lập]* và *L'Action [Hành Động]*. Dù luận điệu của hai nhật báo trên thân Nhật, sự có mặt của chúng giúp minh bạch hóa chính sách của Nhật trước hệ thống tuyên truyền của Đồng Minh hay những lời đồn đãi vô căn—một đặc tính khó trộn lẫn của người Pháp cũng như Việt. Trường hợp bị dời chỗ ở, mỗi gia đình (hộ) được phép mang theo một người làm. Chính quyền Nhật cũng bảo đảm sự an toàn của thường dân Pháp.

Với dân Đông Dương, Tsuchihashi quyết định cải hóa càng nhiều cựu cộng sự viên với Pháp càng tốt. Vua Nguyễn Phước Điền của An-Nam, Norodom Sihanouk của Căm Bốt, và Srisavang-vong của Lào đều được khuyến khích tuyên bố độc lập với Pháp, và nhìn nhận Tuyên Cáo Chung của các nước Đại Đông Á. (*L'Action*, 19/3 & 15/4/1945). Thuộc hạ của họ, ngoại trừ những người mất lòng dân chúng và có lập trường thân Pháp, đều được giữ nguyên vị. Một số được đưa lên chức vụ cao hơn trước kia dành riêng cho Pháp kiều. (*L'Action*, 31/3/1945)

Tại Huế, theo người viết hồi ký cho Nguyễn Phước Điền, sau khi đã yêu cầu Nguyễn Phước Điền bỏ dở chuyến đi săn đêm ở phía bắc Quảng Trị đêm 8/3 và hộ tống phái đoàn vợ chồng nhà vua trở lại Hoàng thành vì lý do an ninh, sáng 11/3 Cố Vấn Tối Cao Yokoyama Masayuki—cựu Giám đốc Văn Hóa, nói thạo tiếng Pháp—đến thăm Nguyễn Phước Điền và, trái với nỗi lo

ngại của Nhật, thuyết phục được vua hợp tác.¹⁵ Mối lo sợ trên chẳng phải thiếu căn cứ. Sau này, Khâm sứ Vatican ở Huế là Giám mục Antonin Drapier tiết lộ với Linh mục/Cao Ủy Georges Thierry d'Argenlieu rằng thượng tuần tháng 3/1945 Nguyễn Phước Điền đã nhờ ông ta liên lạc với phe “Pháp tự do” [*France Libre*]. Drapier cũng tin rằng vợ chồng Nguyễn Phước Điền là gia đình thân Pháp bậc nhất ở An Nam.¹⁶ Chiều Chủ Nhật, 11/3/1945, vua họp nội các, và ai nấy đều ủng hộ tuyên cáo độc lập với Pháp.

Nhưng cựu Ngự tiền đồng lý văn phòng Phạm Khắc Hoè nhớ lại rằng Yokoyama cùng Phạm Quỳnh (1892-1945), Cơ Mật Viện trưởng kiêm giữ bộ Lại, đã gặp Nguyễn Phước Điền trước đó một ngày, tức khoảng 10 giờ sáng 10/3. Buổi chiều, Quỳnh gọi điện thoại triệu tập họp Cơ Mật vào sáng hôm sau, nhưng không thông báo với Hoè. 8 giờ sáng Chủ Nhật, 11/3 (tức 27 tháng Giêng Ất Dậu), vua họp với sáu [6] thượng thư tại điện Kiến Trung. Quỳnh được lệnh thông báo về chuyển viếng thăm chiều Thứ Bảy của Cố vấn Tối cao Nhật, rồi tuyên bố mục đích của phiên họp Cơ Mật Viện nhằm tuyên bố độc lập với Pháp. Cả nội các đều tán thành. Bùi Bằng Đoàn (bộ Hình) đề nghị phải tuyên bố hủy bỏ các hiệp ước với Pháp. Quỳnh cho biết đã soạn sẵn dự thảo, và

¹⁵Bao Dai, *Le Dragon d'Annam [Con Rồng An Nam]* (Paris: Pion, 1980), pp. 101-105; [sê dẫn, *Le Dragon*]; Kurakami, "Japan's Thrust," p. 517; Phạm Khắc Hoè, *Từ triều đình Huế đến chiến khu Việt Bắc [From the Hue Court to the Resistance Zone in North Viet Nam]* (Hanoi: 1983, Huế: 1987), tr. 14-19, [sê dẫn, *Tu trieu dinh*, 1987]; Idem, "Con Rồng An-Nam phun ra bản chất phản bội và tội ác tày trời của Bảo Đại [*Le Dragon d'Annam Lays Bare Bao Dai's Traitorous Nature and Towering Crimes*] in *Tap Chi Cong San [Review of Communism]*, vol. XXVII, No.11 (Nov 1982), pp. 59-61 [henceforth, "Bao Dai"].

¹⁶CAOM (Aix), HCFI, Conseiller Politique [CP], Carton 125. Nhưng thái độ của Nguyễn Phước Điền sau ngày từ chức khiến em cột chèo của vua—Pierre Didelot, chồng em gái Hoàng hậu Nam Phương—cho rằng cựu hoàng “hoàn toàn thiếu tư cách,” qua lời tuyên bố “Nhật “xạo” [blageurs], Mỹ chỉ biết đến mình, Bri-tên muốn thừa nước đục thả câu, và Tàu không muốn giúp gì cả.” CAOM (Aix), Affaires politiques [AP], carton 365.

chuyển cho mọi người đọc. Vừa đọc dự thảo này, Hồ Đắc Khải (Hộ) và Trương Như Đính (Công) vừa tấm tắc khen hay. Ứng Úy (Lễ), Trần Thanh Đạt (Học) không có ý kiến gì thêm. Sau khi Nguyễn Phước Điền và các thượng thư ký xong, Ứng Úy (Lễ) đề nghị ngày 14/3 [1/2 Ất Dậu] tiến hành lễ báo cáo độc lập với Liệt Thánh. (Phạm Khắc Hoè, 1987:14, 17-18)

Bản tuyên cáo độc lập ngày 11/3 có những điểm đáng chú ý đặc biệt. Trước hết, dù vô tình hay cố ý, nó chỉ nói đến An-Nam—một thuật ngữ có thể diễn dịch như An Nam (Trung Kỳ, từ Thanh Hóa vào Bình Thuận), hay vương quốc Đại Nam (gồm cả ba kỳ). Thứ hai, bản tuyên cáo chỉ hủy bỏ hòa ước 6/6/1884 về việc “bảo hộ” Trung và Bắc Kỳ, mà không đề cập đến các hòa ước 5/6/1862 và 15/3/1874 xác định nhượng đất Nam Kỳ, hay các qui ước 1887 và 1896 liên quan đến các nhượng địa Hà Nội, Hải Phòng và Đà Nẵng (Tourane). Thêm nữa, bản tuyên cáo độc lập với Pháp của Nguyễn Phước Điền đi kèm với lời tuyên bố phụ thuộc vào Nhật, hứa hẹn “Hợp tác toàn diện với Đế quốc Nhật trong niềm tin thành khẩn vào thiện ý của Nhật.”¹⁷

Như thế vai trò Nguyễn Phước Điền, trong kế hoạch sơ khởi của Nhật, cũng tương tự vai trò dưới thời Pháp thuộc—vua chỉ là vòng hoa vương giả mà không chút thực quyền ngoài “văn phòng phụ thuộc nhỏ” của Dinh Cố vấn Tối Cao. Mãi tới giữa tháng 5/1945, sau khi cho tái lập chức Khâm sai Bắc Kỳ theo ý muốn của phe đảng Khôi-Diệm, Tsuchihashi mới có thì giờ ghé thăm Huế, mang theo tân Khâm sai Bắc Kỳ Phan Kế Toại.¹⁸

¹⁷*Nippon Times* (Tokyo), 14 March 1945; Bao Dai, *Le Dragon* (1980), pp. 101-105. Theo tư liệu Nhật, tác giả tuyên cáo này là Yokoyama; Nitz "Meigo Sakusen," p 311-315. Điều này có lý vì các phóng viên chiến tranh Nhật gửi điện tín báo cáo vào ngày 11/3/1945. Nhưng theo Phạm Khắc Hoè, Quỳnh tự nhận đã thảo Tuyên ngôn này.

¹⁸*L'Action*, 18/5/1945; Vũ Ngự Chiêu, *Các vua cuối nhà Nguyễn*, 3 tập (Houston: Văn Hoá, 1999-2002), 3:775-881.

Hôm sau, ngày 12/3, Nguyễn Phước Điền sai Hoè thảo Dự cử Quỳnh làm đại diện liên lạc với Nhật. Hoè tìm cách dèm xiêm Quỳnh là “người xấu, bị mọi tầng lớp nhân dân oán ghét và giới nhân sĩ, trí thức khinh bỉ,” nhưng vua vẫn cho lệnh thi hành. Hoè bèn thảo một “Chỉ” [lệnh ở hàng thấp nhất, dưới Dự và Sắc], rồi âm mưu cùng nhóm “Nghệ An đồng châu phổ” làm một cuộc đảo chính cung đình, loại bỏ Quỳnh. (Bao Dai, *Le Dragon*, 1980:101; Phạm Khắc Hoè, 1987:14-19).

Để tạo một kích xúc tâm lý, ngày 17/3 Nguyễn Phước Điền được phép ra tuyên cáo (Dự số 1) là từ nay sẽ trực tiếp tham chính, trên nguyên tắc “Dân vi quý” — một lời dạy của Mạnh Kha. Theo Hoè, có thể Phụ Đạo Lê Nhữ Lâm hay Yokoyama đã mớm ý cho Nguyễn Phước Điền học thuyết “*Dân Vi Quý, Xã tắc thứ chi, quân vi khinh*” [Dân mới quý, miếu thờ sông núi chỉ phụ, vua nên coi nhẹ] của Mạnh Kha mà nhiều nho gia “tiến bộ” như Phan Chu Trinh, Phan Văn Trường yêu thích.¹⁹

Hoè còn tự nhận công lao trong việc từ chức tập thể của nội các Phạm Quỳnh: Ngày 14/3, Hoè đã bàn việc loại Quỳnh với Tôn Quang Phiệt (1900-1973), người cùng “Nghệ Tĩnh đồng châu phổ.” Phiệt là hiệu trưởng tư thực Thuận Hóa, từng thành lập tổ chức *Phục Việt* khi còn là sinh viên trường Cao Đẳng Sư Phạm Hà Nội, rồi năm 1928 trở thành Bí thư *Tân Việt Cách Mệnh Đảng [TVCMĐ]* ở miền bắc [Trí kỳ], và bí mật gia nhập Đảng CSĐD trước ngày TVCMĐ đổi tên thành *Đông Dương Cộng Sản Liên Đoàn [CSLD]* vào đầu năm 1930. Trong số các đảng viên Trung Kỳ [Nhân Kỳ], ngoài Tổng Thư Ký Đào Duy Anh, và Trần Mộng Bạch, có Nguyễn Thị Vịnh

¹⁹Ngày Nay (Hà Nội), 5/5/1945; Thanh Nghị (Hà Nội), 5/5/1945; trích dẫn Dự số 1 ngày 17/3/1945; và phê bình của Luật sư Bùi Tường Chiêu, trong Vũ Đình Hoè, *Hồi ký*, 2004, tr. 176-177. Tác giả thực sự của hồi ký Nguyễn Phước Điền bằng Pháp ngữ có lẽ nhầm lẫn khi ghi vua thông báo cho Quỳnh biết quyết định của mình sáng 19/3; Bao Dai, *Le Dragon*, 1980:106. Triều đình cũ xin từ chức ngày 19/3/1945; Phạm Khắc Hoè, 1987:22; *La Cloche Fêlée [Chuông Rạn]* (Sài Gòn), 26/12/1925.

tức Minh Khai, Ngô Đức Trì, Hà Huy Tập, Đặng Thái Mai, Nguyễn Quốc Túy, Trần Vĩ, Võ Liêm Sơn, Nguyễn Hữu Diếu, Trần Hữu Duân, Nguyễn Khoa Văn, Võ Giáp, v.. v...²⁰

Tối 17/3, Hoè thuyết phục được các Thượng thư đồng loạt từ chức, để Nguyễn Phước Điền tự do, với sự trợ giúp của Phiệt và Hoè, tìm “người tài đức” mới. 2 giờ chiều Thứ Hai, 19/3, trong khí thế cách mạng thay đổi nội các, Hoè nộp lên Nguyễn Phước Điền danh sách 14 “nhân sĩ” đã có sự bàn bạc của Bùi Bằng Đoàn, Ung Úy, Tạ Quang Bửu và Tôn Quang Phiệt. [1987:20]. Vua

²⁰Nguyễn Xuân Chũ, *Hồi ký*, 1996:142; CAOM (Aix), SLOTFOM, III, Carton 48; TTLTQG 3 (Hà Nội), Kho Quốc Hội [QH], Hồ sơ [HS] 5865); *Văn Kiện Đảng Toàn Tập [VKĐTT]*, vol I: 1924-1930, (Hà Nội: 2002), tr. 333-380, 401-405 [CSLD]; David G. Marr, *Vietnamese Tradition On Trial, 1925-1940* (Berkeley: Univ of California Press, 1981), tr. 41, 270n50; Chính Đạo, “Vô Nguyên Giáp (1912 [1911]-?): Nhìn Lại Lý Lịch Tự Khai;” [Vo Nguyen Giap (1912 [1911]-2013): Reviewing His Curriculum Vitae]; *Hợp Lưu* (Fountain Valley, CA), số 111, tháng 8-9/2010, tr. 111 [108-133].

Theo Đào Duy Anh, những thông tin trong tài liệu về *Tân Việt* của Louis Marty năm 1933, các lãnh tụ TVCMĐ đã ngầm bàn bạc để nguy tạo chứng từ. Tháng 7/1929, do lời khai của Tú Đan, Anh bị bắt ở Huế. Sau cái chết của Giải nguyên Lê Huân trong ngục Vinh, ngày 1/1/1930, TVCMĐ đổi tên thành *Đông Dương Cộng Sản Liên Đoàn [CSLD]*. Đào Duy Anh, *Nhớ Nghĩ Chiều Hôm* (Hà Nội: NXB Trẻ, 1989), tr. 44. Trong *Hồ Chí Minh: Con người & huyền thoại*, tập II, 1993, tr. 89, chúng tôi ghi theo báo cáo của an ninh Pháp Lý Thụy gửi Hà Huy Tập (Năm Nhỏ), Tổng thư ký Đảng CSĐD từ 1936 tới 1938, sang Nga. Văn khố Nga tiết lộ Tập cùng Trần Ngọc Dân [Ranh] tự động tiếp xúc lãnh sự quán Nga ở Dairen; Anatoli Sokolov, *Quốc Tế Cộng Sản và Việt Nam*, bản dịch Việt ngữ Đào Tuấn (Hà Nội:1999), tr: 275-277. Việc này, theo Tập, do quyết định của TVCMĐ, sau khi tách rời khỏi VNTNCMĐCH vào tháng 7/1928; “Một số tài liệu liên quan đến *Tân Việt Cách Mệnh Đảng*” (báo cáo của Hà Huy Tập ngày 4/10/1929, tại Mat-sco-va; *VKĐTT*, vol I: 1924-1930, (Hà Nội: 2002), tr 439-440 [433-459]. Có lẽ vì kinh nghiệm 4 lần thất bại hợp nhất với nhóm Thanh Niên, Cinitchkin Tập ra mặt chống đối và phê bình Nguyễn Ái Quốc là “cải lương” và “quốc gia,” rồi năm 1934-1935 tiết lộ Cô Vải hay Fan Lan Nguyễn Thị Vịnh là vợ Quốc [Linov]. Năm 1934, Fan Lan cũng khai chồng mình là Côn [Linov]. Đa tạ Sokolov đã tặng phóng ảnh Tờ Khai Lý Lịch [*Ankieta*] của Fan Lan, 1934-1937)

chọn tám [8] người mời về Huế tham khảo: Trần Đình Nam (Đà Nẵng), Hồ Tá Khanh (Sài Gòn/Phan Thiết?), Lưu Văn Lang (Sài Gòn), Hoàng Trọng Phu (Hà Đông), Trần Văn Thông (Hà Nội), Hoàng Xuân Hãn (Hà Nội), Vũ Văn Hiền (Hà Nội), hoặc Phan Anh (Hà Nội), tùy Hãn chọn. Trong số sáu [6] người không được mời có Huỳnh Thúc Kháng (Huế), Tôn Quang Phiệt (Huế), Lê Ấm (Qui Nhơn), Vương Quang Như (Sài Gòn), Ngô Đình Diệm (Sài Gòn/Vĩnh Long), Trịnh Văn Bính (Hà Nội/Hải Phòng), (Phạm Khắc Hoè, 1987:25-26). Trước đó, Nguyễn Phước Điện từng sai Hoè mời Huỳnh Thúc Kháng—cựu Chủ tịch Viện Dân Biểu An Nam—vào bài kiến, nhưng Kháng từ chối. (Phạm Khắc Hoè, 1987:21) Hoè có vẻ hàm ý rằng có thể Kháng chịu ảnh hưởng Ngô Đình Khôi, thuộc phe Cường Để.

Riêng nhóm ba trí thức trẻ Hãn, Hiền, Anh có thể do Nhật đề nghị, hoặc do liên hệ gia đình với Hoè, hay/và hào ý trọng những tài năng trẻ của Nguyễn Phước Điện—đã từng du học Pháp 10 năm và quen dùng tiếng Pháp hơn tiếng Việt. Vua thông minh hơn nhiều người cả đũa, và dưới sự giáo huấn nghiêm khắc của Jean Charles, trở thành một hình nhân giát vàng khuôn mẫu. Thuật ngữ “bù nhìn” [*puppet*] sính dùng thường khiến người ngoài, xa lạ với sân khấu quyền lực, khó tri nghiệm được khả năng của các vua chúa “bù nhìn.”

Tuyên cáo độc lập ngày 11/3 của Nguyễn Phước Điện, tưởng cần nhấn mạnh, chỉ liên quan đến An Nam (Trung) và Bắc Kỳ. Mặc dù nó mang lại cảm hứng và hy vọng được độc lập và thống nhất lãnh thổ, ở thời điểm này nó chẳng có hiệu lực gì với tình trạng chính trị tại Nam Kỳ. Thống đốc Minoda nhiều hơn một lần nhắc nhở những chính khách Việt quá xúc động là định nghĩa “độc lập” của Nhật rất giới hạn, nhất là không nên gọi lại thù oán cũ. Ngày 29/3/1945—trước ngày Trần Trọng Kim về nước cho Nhật tham khảo về lịch sử—Minoda nhấn mạnh rằng không ai có thể hiểu lầm sự kiện rằng Nam Kỳ thuộc quyền “chỉ huy quân sự” của Nhật, hay nền độc lập của Việt Nam tùy thuộc vào kết quả của cuộc chiến Đại Đông Á. (*L'Action*, 31/3/1945; Kim, 1969, tr. 44).

I. TÌNH TRẠNG VIỆT NAM, 3-4/1945:

Việt Nhật thanh trừng người Pháp và ban cho Nguyễn Phước Điền “*độc lập có điều kiện*” xảy ra trong một giai đoạn cực kỳ khó khăn, khiến sự ủng hộ của quốc dân bị giảm sút.

Thứ nhất, thật rõ ràng là Nhật đang thua trận. Sau này Hoàng Xuân Hãn nhớ lại rằng ngày ấy Hãn và thân hữu nghĩ Nhật ít nữa cũng cầm cự được khoảng một năm. Đề đốc Louis Mountbatten, Tư lệnh Mặt Trận Đông Nam Á của Bri-tên từ tháng 10/1944, cũng dự trừ đổ bộ lên Malaya vào tháng 9/1945, và chiếm Singapore vào cuối năm. Chính Josef Stalin cũng không ngờ Tổng thống Harry S Truman và Thủ tướng Winston S Churchill đã quyết định rút ngắn cuộc chiến bằng hai trái bom nguyên tử tại Hội nghị Potsdam. Tuy vậy viễn ảnh bại trận của Nhật—nhất là sau cái chết của Adolf Hitler ngày 1/5/1945 và sự đầu hàng của Germany [Đức] hôm sau—tạo nên thái độ bất hợp tác trong giai tầng có học, giai tầng cung cấp phần lớn những cộng sự viên của Nhật. Trong khi đó, chính phủ Charles de Gaulle tại Paris dồn mọi nỗ lực tái chiếm Đông Dương. Song song với nỗ lực trên bình diện quốc tế để giành “quyền sở hữu tối thượng” Đông Dương, Pháp gửi đặc công và gián điệp vào Việt Nam để thu lượm tin tức hay phá hoại. Cán bộ tuyên truyền Pháp rao giảng tuyên cáo ngày 24/3/1945, trong đó Pháp hứa hẹn sẽ cho năm [5] xứ Đông Dương nhiều tự trị hơn và sẽ thực hiện một số cải cách để nâng cao mức sống dân chúng, như thánh kinh Gaullist.²¹

Độc hiểm hơn, sau tuyên ngôn độc lập ngày 11/3 của Nguyễn Phước Điền, phe Gaullist mở một loạt chiến dịch tuyên truyền gây nghi ngờ và chia rẽ giữa các tổ chức chính trị và giai tầng xã hội Việt. Một trong những chiến dịch này là đánh bóng tên tuổi cựu hoàng “làm loạn” Nguyễn Phước Hoảng (5/9/1907-10/5/1916), tức

²¹Journal Officiel de l'Indochine Francaise [JOFI], 15/11/1945: 2-3; Sainteny 1953; SHAT (Vincenes), Indochine, 10 H xxx [79 và 85].

Duy Tân, người đã bị truất phế và lưu đày tới Réunion như Hoàng tử Vĩnh San, sau khi tham dự cuộc nổi dậy ngăn ngui tháng 5/1916 mà theo cựu hoàng Nguyễn Phước Chiêu (1/2/1889-3/9/1907), có lẽ là âm mưu của nhóm Nguyễn Hữu Bài nhằm đưa Hoàng tử Bửu Đảo lên ngôi, tức Nguyễn Phước Tuấn (18/5/1916-6/11/1925), niên hiệu Khải Định. Chiến dịch tuyên truyền này gia tăng cường độ trong mùa Hè 1945, khi Hoàng tử Vĩnh San được đưa từ Réunion qua Paris trong “kế hoạch bí mật” về Đông Dương của de Gaulle.²²

Trong khi đó, Việt Nam tiến gần hơn tình trạng vô chính phủ, nổi bật với ba hiện tượng là con số độc lập, nạn đói 1944-1945, và sự vượt thắng của Mặt trận Việt Minh dưới sự che chở của OSS Mỹ.

A. CON SỐT ĐỘC LẬP:

Một trong những biến chuyển quan trọng sau chiến dịch Meigo của Nhật ngày 9-10/3/1945 là sự bộc phát con sốt độc lập tại Việt Nam. Tiếng “độc lập” có một sức quyến rũ ảo thuật làm thay đổi nhiều người—dù ít người hiểu rõ ý nghĩa, hay những đặc tính của thuật ngữ này.

Tại Hà Nội, một ký giả ghi nhận,

Tiếng súng của quân đội Nhật Bản nổ đêm hôm 9/3/1945 ở dải đất này đã phá tan được đời nô lệ non một thế kỷ của chúng ta dưới cuộc đô hộ tàn bạo của Pháp. Từ đây, chúng ta mới thật được sống.²³

²²Charles de Gaulle, *Mémoires de guerre*, 3 vols. (Paris: Plon, 1956-1959), vol 3, pp. 230-231; Alain de Boissieu, *Pour combattre avec de Gaulle, 1940-1946* (Paris: Plon, 1981), pp. 308-311, 333-336; L'Institut Charles de Gaulle, *Le général de Gaulle et l'Indochine, 1940-1946* (Paris: Plon, 1982), pp. 174-180, 199-201; Vũ Ngự Chiêu, *Lá bài bí mật của de Gaulle: Hoàng tử Vĩnh San* (Houston: Văn Hóa, 1992); Idem., *Các Vua Cuối Nhà Nguyễn (1883-1945)*, 3 tập (Houston: Văn Hóa, 1999-2002), tập III, ch. 12; Đa tạ Tướng Boissieu, con rể Tổng Thống De Gaulle, đã dành cho tôi vài cuộc phỏng vấn năm 1985 tại Quận VII, Paris.

²³*Tiểu Thuyết Thứ Bảy [TTTB]* (Hà Nội), 5/5/1945.

Ngay cả những người trước kia tự nhận chế độ Pháp liên hệ chặt chẽ đến “bát com” của họ cũng thay đổi thái độ. Việc Nhật tiếp tục sử dụng Nguyễn Phước Điền giúp lôi kéo được sự ủng hộ của giới thượng lưu và các gia đình giàu có, thế lực. Hoàng Trọng Phu, nhân vật thân Pháp uy quyền nhất miền Bắc, tới Huế ngày 27-28/3 để cố vấn Nguyễn Phước Điền về chính phủ độc lập tương lai của “An Nam.” Vi Văn Định, lãnh đạo hàng đầu của dân Nùng tại vùng Lạng Sơn, đến Hà Nội để cố vấn Nishimura Kumao. (*L’Action*, 7/4/1945) Hồ Đắc Diễm, người được phe De Gaulle coi như một trong 17 đề cử viên có thể đưa ra khỏi nước để trở thành đại diện của Đông Dương tại Quốc Hội Lập Hiến Pháp, được tiếp tục giữ chức Tổng đốc Hà Đông, phía nam Hà Nội.²⁴

Ngay đến Phạm Quỳnh, đương kim Cơ Mật Viện trưởng—nổi tiếng về chính sách Pháp-Việt đề huề hay “Rồng Nam phun bạc, đánh đuổi Đức tặc,” mục tiêu đả kích của cả Cộng Sản lẫn phe Ki-tô giáo Ngô Đình Khôi-Ngô Đình Thục, và Huỳnh Thúc Kháng từ thập niên 1930, từng được Đại úy “Caille” [Paul Mus] dự định đưa sang India để “kháng chiến”—cũng có tin muốn hợp tác với Nhật. Ví thử Quỳnh có tâm ý chuyển buồm như Hoè tố cáo— suy diễn từ việc Quỳnh soạn sẵn tuyên ngôn độc lập ngày 11/3, và cùng Yokoyama vào thăm Nguyễn Phước Điền, không cho Hoè biết—chỉ là việc khó tránh của giới quan trường. Có lẽ Hoè không rõ cuộc tiếp xúc bí mật của Mus với Quỳnh nên việc đánh giá có phần vội vã. Hơn nữa, bản Tuyên Cáo độc lập với Pháp, so với Tầm Sự Vụ Lệnh cho Hoè rời Hỏa Lò Hà Nội vào Đà Lạt gặp Nam Phương Hoàng hậu năm 1947 của Phòng Nhì Pháp, cùng những cung văn Hồ Chí Minh như

²⁴CAOM (Aix), Affaires Politiques [AP], hộp 3448. Hà Đông là một tỉnh do Pháp đặt ra năm 1888; hai huyện Thọ Xương và Vĩnh Thuận đổi làm huyện Hoàn Long. Tỉnh lỵ Hà Đông đặt tại Cầu Đơ. Năm 1890, tách phủ Lí Nhân ra thành tỉnh Hà Nam. Năm 1909, tách châu Lục Thủy của Hoà Bình, đặt vào Hà Nam. *Đại Nam Nhất Thống Chí* [ĐNNTC], q. XIII, “Hà Nội,” bản dịch Phạm Trọng Diễm và Đào Duy Anh, 5 tập (Thuận Hóa: 1997), 3:162n1. Hiện nay, lãnh thổ Hà Đông chia vào Hà Nội và Hà Tây.

“Thánh Nam Đàn,” hay việc trình trọng đặt trái cam Hồ ban cho lên bàn thờ để kính báo tổ tiên, cùng lời nhục mạ chủ cũ tự chúng phản ánh đặc tính của giới quan lại nói chung, và cá nhân Hoè nói riêng.²⁵

Giới bị kích động mãnh liệt nhất thanh niên, sinh viên và trí thức trên dưới ba mươi. Phong trào “Cách Mạng quốc gia” của Decoux và các tổ chức Thanh Niên, thể dục và thể thao của Maurice Ducoroy – cùng phong trào Đại Đông Á, châu Á của người Á châu – tạo nên một bầu không khí sống khoẻ, sống hùng một cách lãng mạn trong giới trẻ và thị dân. Hầu hết các lãnh tụ thanh niên, học sinh, sinh viên trong giai đoạn 1940-1945 đều trở thành nòng cốt trong cuộc chiến 30 năm sắp tới – phe này, hoặc phe kia.

Tại miền bắc, các đảng phái không Cộng Sản được khuyến khích thành lập một mặt trận liên hiệp để cai quản Hà Nội, Hải Phòng cùng các tỉnh lỵ, thị trấn. Ngày 22/2/1945, tại Hà Nội, các nhóm Đại Việt bí mật thành lập *Đại Việt Quốc Gia Liên Minh*. Gồm có nhóm Nguyễn Xuân Tiếu (*Đại Việt Quốc Xã*), Nguyễn Tường Long (*Đại Việt Dân Chính*), Trương Tử Anh (*Đại Việt Quốc Dân Đảng*), Ngô Thúc Địch, Bùi Như Uyên, Nguyễn Thế Nghiệp, Nguyễn Ngọc Sơn, Nhưộng Tống (*Việt Nam Quốc Dân Đảng*), Nguyễn Đăng Đệ, Nguyễn Xuân Dương tức Lạc Long. Ngày Chủ Nhật, 11/3, báo *Tin Mới* đăng "Tuyên Cáo" của *Đại Việt Quốc Gia Liên Minh*. 5 giờ chiều, *Đại Việt Quốc Gia Cách Mệnh Ủy Viên Hội* ra mắt tại Bờ Hồ Hoàn Kiếm. Đây là tên mới của *ĐVQGLM*. Tuyên bố đã thành lập Ủy Hội Hành Chính Lâm Thời lúc 9 giờ sáng, sau đổi thành Ủy Ban Chính Trị Bắc Kỳ. Nhưng ngày 19/3/1945, Ủy Ban Chính Trị Bắc Kỳ, tức Ủy Hội Hành Chính Lâm Thời, mới thành lập tám ngày trước, tự giải tán. Nguyên văn "Tuyên Cáo Quốc Dân" trên như sau:

Chúng tôi thuộc đảng Quốc Gia Liên Minh, nhân lúc giao thời đã ra đảm nhận mấy công việc cần cấp như trật tự, cứu tế, v.. v... Nay tình thế đã tạm yên, chúng tôi tự thấy nhiệm vụ đã hết, xin tuyên bố giải tán, để nhường

²⁵GGI, *Souverains*, 1943:71-72; Phạm Khắc Hoè, 1982: 59-60.

các ngài có thực tài, thực đức ra cái đáng những công việc quan hệ hơn.²⁶

Các tổ chức thanh niên và võ thuật tại Hà Nội, Hà Đông, Hải Phòng—như *Thanh Niên Ái Quốc* của Võ Văn Cẩm, *Thanh Niên Cách Mạng Quốc Gia* của Lê Ngọc Vũ—cũng được tổ chức thành những toán cảm tử chịu trách nhiệm bảo vệ trật tự khi cuộc đảo chính bắt đầu. Vài ba lính “heiho” này bị thương vong khi tấn công trại binh Pháp ở Hà Nội đêm mùng 9 rạng 10/3/1945.

Nhóm Tự Lực Văn Đoàn cũng tham gia sinh hoạt chính trị, qua việc gia nhập *Đại Việt Quốc Gia Liên Minh* từ ngày 22/2/1945, tái bản báo *Ngày Nay Kỷ Nguyên Mới* từ ngày 5/5/1945. Nguyễn Tường Long và Nguyễn Tường Bạch [hay Bách] cùng Khái Hưng Trần Khánh Giu còn tham gia đảng cầm quyền *Tân Việt Nam Hội*. Nhóm *Thanh Nghị*—qui tụ một số luật gia và trí thức cấp tiến như Vũ Văn Hiến, Vũ Đình Hoè, Phan Anh, v.. v..—tích cực trong việc thành lập chính phủ độc lập đầu tiên, với khẩu hiệu “Dân Vi Quý,” rồi được giao hai ghế trong chính phủ Trần Trọng Kim, tái bản tạp chí *Thanh Nghị* từ ngày 5/5/1945 và vận động thành lập *Tân Việt Nam Hội*, để giữ gìn nền “độc lập từ trên gò rơi xuống.”²⁷

Những thành phần nổi danh thân Pháp trong Hội đồng Tư Vấn Bắc Kỳ và Hội đồng Nghị viên thành phố cũng khăn áo tề chỉnh tham dự những buổi họp do Thống sứ Nhật triệu tập. Luật sư Trần Văn Chương—có vợ là nhân vật giao du rộng rãi với các viên chức Pháp và Nhật, cũng như trí thức Việt—được cử làm Chủ tịch Tòa Kháng Án Bắc Kỳ.

Tại miền nam, nơi đặt Bộ Tư lệnh Lộ Quân miền Nam, các lãnh tụ phe nhóm thân Nhật cũng ráo riết hoạt động. Hồ Nhật Tân, đảng trưởng *Đảng Việt Nam Ái Quốc* (từ 1943) tuyên bố vào ngày 10/3:

²⁶*Tin Mới* (Hà Nội), 19/3/1945.

²⁷“Những điều kiện để xây dựng nền độc lập;” *Thanh Nghị*, đặc san chính trị (Hà Nội), 5/5/1945; Vũ Đình Hoè, *Hồi ký* (Hà Nội: Hội nhà văn, 2004), tr. 173-176.

Trong lãnh thổ rộng mông mênh của Đại Đông Á dưới sự lãnh đạo của Đại Nhật Bản, dân tộc Việt Nam sẽ tận lực xây dựng một quốc gia mới dựa trên nguyên tắc bình đẳng và tự do.²⁸

Như để thực hiện ước muốn này, ngày 10/3, Hồ Văn Ngà (1905-1945) cho ra mắt *Việt Nam Quốc Gia Đảng*, hậu thân *Việt Nam Độc Lập Đảng*. Tám ngày sau lại đổi tên thành *Việt Nam Quốc Gia Độc Lập Đảng*, qui tụ cựu đảng viên *Phục Quốc* từng hoạt động với Trần Văn Ân (1903-2002), và *Việt Nam Nhon Dân Thống Nhất Cách Mạng Đảng*, có chiều hướng khuynh tả—Trốt-kít, theo Mật thám Pháp—cùng *Việt Nam Quốc Gia Chánh Đảng*.²⁹

Các lãnh tụ tôn giáo cũng hoạt động mạnh. Cao Đài có nhóm Trần Quang Vinh (*Nghĩa Đạo Thực Hành Đoàn*), Trình Minh Thế, Cao Hoài Sang. Giáo chủ [Đức Thầy] Huỳnh Phú Sổ (1919-1947) qui tụ dưới trướng nhiều nhân vật chọc trời khuấy nước của Hòa Hảo như Lương Trọng Tường, Năm Lửa Trần Văn Soái, Nguyễn Giác Ngộ, Lâm Thành Nguyên, Ba Cụt Lê Quang Vinh. Nhóm *Bình Xuyên* của Lê Văn “Bảy” Viễn cũng xuất hiện bên tổ chức *Nhật-Việt Phòng Vệ Đoàn* của Nguyễn Hòa Hiệp, *Võ Sĩ Đoàn* của Đỗ Dư Ánh, *Thanh Niên Ái Quốc Đoàn* của Đinh Khắc Thiệt, *Hắc Long* của Huỳnh Chi (cha vợ Trần Phước An) và Huỳnh Khai, v.. v..³⁰

Từ tháng 5/1945, Lãnh sự Iida còn bảo trợ tổ chức *Thanh Niên Tiên Phong* của Phạm Ngọc Thạch, Kha Vạng Cân, Nguyễn Văn Thủ, Thái Văn Lung, Huỳnh Văn Tiêng, *Thanh Nữ Tiên Phong* của Hồ Vĩnh Ký, Nguyễn Thị Sương. Con số hơn 200,000 đoàn viên gia nhập TNTP sau ngày 1/7/1945 có lẽ đã được phóng đại, nhưng tinh thần *dấn thân phục vụ* đồng bào và cộng đồng là

²⁸*Tân Á [New Asia]*, số .53; dẫn trong Đoàn Thêm, *Hai Mươi Năm Qua*, tr. 4.

²⁹CAOM (Aix), 7F 27; *Dân Mới*, 6/6/1945; *TTTB*, 12/5-23/6/1945; Phạm Văn Liễu, *Trả Ta Sông Núi*, 3 tập (Houston: Văn Hóa, 2002-2004), I:58-63.

³⁰CAOM (Aix), HCFI, CP 191

những đặc tính có thể chứng thực. Các nhóm tự nhận là “Đệ tứ QTCS” hay “Trốt Kít” cũng thành hình, đòi hỏi “dân cày có ruộng.” giới lao động làm chủ xí nghiệp ở Sài Gòn và các thị trấn. Vì chỉ là thiểu số—suýt soát vài trăm người, bị nhóm Đệ Tam tìm đủ cách tận diệt trong dư luận cũng như thể xác—một số tìm cách liên kết để khuynh đảo các lực lượng giáo phái, nhưng chỉ thành công rất giới hạn.³¹

Tại Huế—sòng bạc quyền chức, danh lợi có nhiều thế kỷ tuổi đời—những mưu mẹo, tiểu xảo, phản trắc, lọc lừa lại thêm một lần mở chiếu bạc mới. Phạm Khắc Hoè—Ngự tiền đồng lý văn phòng Nguyễn Phước Điền, cựu Quán đạo Đà Lạt lưng danh với nghề vào luôn ra cúi, rất được lòng Nam Phương Hoàng hậu và Từ Cung Hoàng Thái hậu—âm mưu cùng phe Nghệ-Tĩnh đồng châu phổ muốn lũng đoạn triều đình. Như đã lược thuật, Hoè tiết lộ âm mưu với Trần Đình Nam và Tôn Quang Phiệt tìm cách loại Phạm Quỳnh—rời vào tháng 7/1945, đề nghị Nam tổng giam Quỳnh, nhưng Nguyễn Phước Điền không chấp thuận. Mặt khác, Nam và Hoè muốn lợi dụng thế lực Ki-tô giáo của họ Ngô, đưa Ngô Đình Diệm ra làm con cò thí ở thế cò tàn Đại Đông Á. Nhưng người Nhật có sẵn một kế hoạch khác mà những “siêu trí tuệ” của Nghệ-Tĩnh đồng châu phổ khó thể thấu đáo. Và anh em Diệm-Khôi từng được Nguyễn Hữu Châu, anh rể Lệ Xuân, xếp hạng là loại người “được chim, bẻ ná.” Những nỗ lực của nhóm Phiệt, Nam hay Hoè chẳng thay đổi gì được đại thế.

³¹Sự xuất hiện của nhóm cựu sinh viên du học Pháp trong thập niên 1920 tại Pháp, tự nhận tả khuynh, rồi Trốt-kit hay Đệ Tứ Cộng Sản; cùng khoảng 100 nhân công cao cấp, có nghề đã được trình bày trong các chương trước. Đây là sản phẩm của sinh hoạt chính trị tại các đô thị Pháp và thuộc địa. Sự thực phũ phàng là chủ thuyết “Communism” của Karl Marx (1818-1883) và Friedrich D Engels (1820-1895) đã bị nhóm Marxist-Leninist Trung Hoa như Trần Độc Tú, Lý Đại Chiêu, Mao Nhuận Chi, Lưu Thiếu Kỳ dịch và hiểu sai là **gongshan** hay **gongchang**, tức góp chung tài sản [pooling assets]. Xem Vũ Ngự Chiêu & Hoàng Đỗ Vũ, *Kiện hay Không Kiện*, 2016, tập 3, tr 7, 19-38.

Nói chung, sau khi loại bỏ khoảng 40,000 Pháp kiều trên đỉnh tháp xã hội, để đưa những người Việt lên thay thế, người Nhật biến những thuật ngữ như **Việt Nam, độc lập, bình quyền** trở thành thực đơn hàng bữa của mọi giai tầng thị dân. Một số cựu tù nhân được phóng thích hay tự động phá ngục—thuộc đủ khuynh hướng ý thức hệ—cũng thấp hồng ngọn lửa bạo lực. Sự thay đổi giai tầng thống trị này *tự nó là một cuộc cách mạng từ trên xuống*, lôi cuốn các giai tầng “tân sĩ phu,” thị dân và địa chủ vào một chuỗi phản ứng giây chuyền [chain reactions] chạy đua quyền lực, xóa bỏ những khuôn thước trật tự, an ninh và thế giá xã hội cũ. Bởi thế, các con đường dẫn về Huế bỗng tấp nập những nhân vật quan trọng trong Âu phục hay quan phục, được người Nhật mời hay tự mời, để giúp Việt Nam trở thành một nước độc lập trong khối **Thịnh Vượng Chung Đại Đông Á** của Nhật.

Từ miền nam, Tạ Thu Thâu (1906-1945) thuộc nhóm *La Lutte/Tranh Đấu* rời bỏ chỗ chỉ định cư trú ở Long Xuyên, ngược ra Huế và Bắc Bộ. Hồ Hữu Tường (1910-1982), tự nhận là Đệ tứ, cũng du thuyết từ trung ra bắc tìm đồng chí—phản ánh qua cuộc phiêu lưu của nhân vật “Phi Lạc sang Tàu” sau này. Có tin đồn Tường tiếp xúc cả với Chánh tổng Vũ Duy Đạo—một lãnh tụ *Đại Việt* nổi danh chống Cộng ở Bình Giang, Hải Dương, nhưng lại có cháu họ là một cán bộ tỉnh ủy Đảng CSDD. Phái đoàn Nguyễn Thị Thập của Xứ Ủy Nam Bộ Đảng CSDD trên đường ra họp Hội nghị Tân Trào—nhưng bị trễ—vẫn được Y sĩ Phan Huy Đán, chánh văn phòng Thủ tướng Kim—tiếp đãi ngày 23/8/1945.

Người duy nhất vắng bóng là Ngô Đình Diệm—nổi tiếng là “người của Nhật,” thân cận với Cường Để, thuộc một gia đình phong kiến, quan lại mới nổi, có “anh trai” làm Giám mục Vĩnh Long, Tiến sĩ Thần học ở Roma, cử nhân văn chương Pháp năm 1929 tại Đại học Sorbonne, Paris. Tuy nhiên, cha con Ngô Đình Khôi-Ngô Đình Huân công khai ra mặt ủng hộ Nhật và Cường Để, duy trì liên hệ tốt đẹp với *Kempeitai* và gián điệp Nhật từ năm 1943. Một trong những lý do khiến Khôi không được chức thượng thư hàm mà còn bị ép phải về hưu là Khôi

đã sử dụng tư dinh Tổng đốc Nam Ngãi để các em gặp gỡ những phần tử thân Nhật, đặc biệt là Trương Kế An và Phạm Đình Cương—mới được cử làm cố vấn cho các cựu tù nhân chính trị ở Hà Nội. Khoảng 50 thuộc hạ của Diệm trong *Đại Việt Phục Hưng Hội* bị bắt giữ từ mùa Hè 1944 cũng được phóng thích, tái bổ nhiệm vào ngạch quan lại, công chức hay quân đội. Tuần Vũ Trần Văn Lý được đặc cách lên kinh lược bốn tỉnh nam Trung Bộ, trị sở tại Đà Lạt. Phe đảng Ki-tô “6/6/1884” này rất tự hào về liên hệ chính thống với Nhật, qua Cường Để, ráo riết chuẩn bị cho Ủy Ban Kiến Quốc của Diệm lên cầm quyền, và tố cáo vai trò bù nhìn, tạm thời của Nguyễn Phước Điền cùng những “tài đức” mới. Một trong những lý do khiến Yokoyama có mặt ở Huế trước 9/3/1945 là mối lo ngại vua có thể không chịu hợp tác. Hơn nữa, không thể không đề phòng phản ứng của họ Ngô sau khi Cường Để và Diệm bị loại bỏ. Theo tình báo Pháp, hạ tuần tháng 8/1945, Diệm cũng lên đường ra Huế theo lời mời của Nguyễn Phước Điền và Kim. Sau đó, có thể Diệm đã tị nạn trong một tu viện Dòng Chúa Cứu Thế Canada ở Huế cho tới đầu năm 1947.³²

Tuy nhiên, cần nhấn mạnh, mặc dù Khôi từng nhờ Ngô Đình Nhu chuyển tới Paul Arnoux “lời thề trên thánh giá” là trung thành với “bol de riz” [bát gạo] Bảo hộ, anh em họ Ngô thực sự nương gió Nhật đối buồm đã lâu, không nằm trong nhóm chưa chịu đối buồm—như Nguyễn Văn Thịnh, Dương Văn Minh, Nguyễn Văn Tâm, Jean Leroy, v.. v... Dù rút vào bóng tối, hay tham gia các công tác xã hội cứu đói, giúp đỡ các nạn nhân bị phi cơ Đồng Minh oanh tạc, hoặc nghiên ngầm niềm bất mãn và hận thù trong các nhà tù và trại tập trung của Nhật, những người “Pháp mũi tẹt” như Dương Văn Minh, Nguyễn Văn Tâm, Nguyễn Văn Thịnh, André Trần Văn Đôn, Lê Văn Kim, âm thầm mong đợi ngày Nhật bại trận. Ngoài ra còn những người tiếp tục bị giam cầm tại các nhà tù, hay tụ họp tại các mật khu trong rừng núi hay hải ngoại, quyết không đội

³²SHAT (Vincennes), 10H xxx [4195]; Vu, “Social and Cultural Change,” 1984, chapts 6, 7-9.

trời chung với Nhật và/hay Pháp. Đó là Đảng CSĐĐ với cơ quan ngoại vi Mặt Trận Việt Minh, cùng một số lãnh tụ chống Cộng có khuynh hướng thân Hoa, hoạt động trong các toán tiền tiêu của các đơn vị “Hoa quân nhập Việt,” chuẩn bị cho ngày Đồng Minh đổ bộ. Đường ranh phân chia tim óc người Việt đã urom mằm và nảy nở liên lũy trước khi cuộc chiến tranh lạnh Tư Bản-“Cộng” Sản chính thức khởi đầu khởi đầu năm 1947. Cả hai phe đều tin ở sức mạnh của họng súng và thể chất—không ngừng gào thét đòi phanh thây, uống máu quân thù. Võ Giáp và các thành viên của Đoàn vũ trang tuyên truyền thành lập ngày 22/12/1944, hay các nhóm “Việt Hùng,” “xung phong, ám sát đoàn” đều mang theo họ những ngọn lửa hận thù mất cha mẹ, vợ con, anh em. Đáng lưu ý là hầu như đại đa số đều không phải là công nhân vô sản [proletariat]—mà chỉ những nông hay thị dân nghèo khổ, ăn bữa sáng, lo bữa tối—tự biến mình thành những âm binh chịu phù phép. Trong ống tay áo các tay phù thủy ngoại cường và tập đoàn cai thầu bản xứ. Một cấp chỉ huy OSS, Thiếu tá Allison Thomas, từng báo cáo rằng đại đa số bộ đội Việt Minh chưa nghe đến hay hiểu biết “Cộng Sản” là gì. Trong số những người chống Cộng như tín đồ Ki-tô và Hòa Hảo, họ chống bất cứ thứ gì liên hệ với “Cộng Sản” chỉ vì lệnh trên. Có những người tốt nghiệp Đại học Mỹ còn không hiểu nổi ý nghĩa và biên độ “chinh cán, chinh quân” của Mao Trạch Đông hay quyết tâm độc quyền yêu nước và cai trị của Marxist-Leninism trong khuôn khổ “mặt trận thống nhất” [united front] đầu thập niên 1950—kiến thức sử không quá số vốn lớp đồng ấu hay tiểu học. Chua chát và sắt máu hơn nữa là chứng bệnh “chụp mũ Cộng Sản” cho người khác thịnh hành ở Đông Dương từ thập niên 1920 đã được Dân Biểu Pháp Justin Godart và các nhà ngoại giao Mỹ đương thời ghi nhận.³³

³³Năm 1967, các ứng cử viên được Mỹ trợ cấp như Trần Văn Hương, Hà Thúc Ký cùng phe đảng hò hét tô cáo ứng cử viên Tổng thống Âu Trường Thanh là Cộng Sản.

B. NẠN ĐÓI ẤT DẬU:

Sự bùng nổ chính trị nói trên trùng hợp với nạn đói Ất Dậu (1945), một biến cố bi thảm tại Bắc và Bắc Trung Kỳ. Nạn đói đã khởi đầu từ năm 1944; đó là sự oà vỡ cuối cùng của sự căng thẳng kinh tế liên lũy gia tăng dưới thời Pháp thuộc; và, dân chúng ngày thêm nghèo khổ, quẫn bức dưới thời Nhật chiếm đóng. Thông thường, nông dân Bắc và Trung Kỳ chỉ sản xuất vừa đủ số gạo cần dùng. Trường hợp có thiên tai, họ cần được tiếp tế bằng gạo miền Nam. Tuy nhiên, từ vụ mùa năm 1943 (khoảng tháng 11-12), chính quyền Decoux đã cho lệnh nông dân Bắc và Trung Kỳ phải bán số “thóc thặng dư” cho nhà nước. Điều này có nghĩa mỗi dân làng phải bán cho nhà nước một số lượng thóc nhất định, bất kể thu gặt được bao nhiêu. Ngoài ra, giá chính thức thu mua của nhà nước thấp hơn giá thị trường. Cùng với sự lỏng lẻo quyền và âm mưu trục lợi của những đại lý thu mua thóc, chính sách trên vét sạch các vựa thóc dành dụm của nông dân, và khiến rất nhiều trung nông bị sạt nghiệp. Theo một ký giả, đại đa số từ 1 sào tới 5 mẫu: khổ nhất. Số vốn bỏ ra cấy cấy 1 sào là 42 đồng, thuế 12.\$20, 1 sào thu được 6 thúng thóc [120kg x 0.\$25 = 30\$]. Nếu phải vay ăn để cấy cấy: 50% lãi trong 4 tháng. Còn lấy cả thóc công điền, thần từ và Phật tự.³⁴

Trong khi đó các cuộc oanh tạc và phong tỏa hải lộ của Liên Bang Mỹ và Bri-tên cắt đứt hầu hết việc chuyển vận lúa gạo từ Nam ra Trung hay Bắc. Trong những công điện cuối cùng từ Đà Lạt gửi về Vichy ngày 5/8/1944, Decoux báo cáo tình hình kinh tế Đông Dương như sau: Thặng bằng về kinh tế còn duy trì được cho tới cuối năm 1943. Từ đầu năm 1944, mất quân bình vì sự gia tăng oanh tạc và phá hoại của tàu ngầm Đồng Minh. Các tàu vận tải của Đông Dương hầu như tê liệt. 7 trên 13 tàu chạy ven biển (caboteurs) bị đắm. Tàu đáng lẽ cập bến Hải Phòng phải lùi dần xuống phía Nam; Tourane, rồi Qui Nhơn; và, vào cuối tháng 8/1944, phải đổ hàng ở

³⁴Vũ Như Trác, “Để cứu đói cho dân: Chính phủ mới cần biết những hà chính của Pháp còn để lại;” *Tin Mới*, 1/6/1945.

Nha Trang (Cable 11,270). Từ đầu năm 1944, bắt đầu dùng thêm thuyền buồm. Từ ngày 1/1 tới ngày 1/7/1944, chở ra được miền Bắc 3,672 tấn gạo ăn; và 4,506 tấn gạo để chế cồn (Cable 11,272). Vận tải bằng đường bộ, đang từ 4,000 tấn vào tháng 1/1944, xuống còn 660 tấn vào tháng 2/1944, và 230 tấn trong tháng 3/1944. Từ Bắc chở vào Nam chỉ được 660 tấn trong tháng 4/1944 (Cable 11,273). Trù tính chở 2,500 tấn trong tháng 8/1944, nhưng cơn bão trong hai ngày 10-11/7/1944 phá hủy mất 600 tấn muối. Kho muối ở Bắc chỉ còn 18,000 tấn, cần 17,000 tấn dùng cho tới cuối năm, và 40,000 tấn để dùng cho tới mùa muối vào tháng 4/1945.³⁵

Số lượng thóc gạo chở được ra Bắc—25,884 tấn năm 1940, 118,752 tấn năm 1941, 110,000 tấn năm 1942, 99,099 tấn năm 1943, 68841 tấn năm 1944, 15222 tấn từ tháng 1 tới tháng 3/1945, và 7586 tấn từ tháng 4 tới tháng 8/1945—bị tồn kho để sử dụng tại các thành phố hay chế biến nhiên liệu cần thiết cho quân sự.³⁶

Từ vụ mùa năm 1943, nông dân miền Bắc và miền Trung phải trông cậy vào số thóc thu gặt mỗi mùa hoặc các loại hoa màu phụ mà họ có thể gieo trồng.³⁷ Tại miền nam, nhiều công xưởng phải dùng than được Cà Mau hay đốt thóc thay cho than đá miền bắc. Trong khi đó, ngày 28/9/1945, tổng số gạo Decoux tồn trữ kiểm kê được 230,000 tấn, tương đương với 391,000 tấn thóc.³⁸

Mùa Thu-Đông 1945-1946, khi chính phủ Việt Minh cấp báo về một nạn đói thứ hai ở miền bắc—do sự hiện diện của 152,000 quốc quân Trung Hoa—R. H. Smyth, đại diện Bri-tên trong Hội đồng Thực Phẩm [*Combined Food Board = CFB*] báo cáo số gạo tồn kho của dân sự Pháp

³⁵Cable 11,273; Tels 11,268-11,278, 5/8/44, Dalat gửi Colonies Vichy; CAOM (Aix), FOM, Carton 272, Dossier 451

³⁶Cable 11,273; Tels 11,268-11,278, 5/8/44, Dalat gửi Colonies Vichy; CAOM (Aix), FOM, Carton 272, d. 451; *Tân Dân*, 31/10/1946

³⁷France, DGER, BR, 10 Sept 1945, p. 12; CAOM (Aix), INF, carton 121, d. 1102; Liệu, Bích và Đạm 1957: tập II: 87-88.

³⁸CAOM (Aix), INF, carton 158, d 1362

được 12,000 tấn tại miền nam, và kho quân đội Nhật có 45,000 tấn. Ít tháng sau, Linh mục/Cao ủy Georges Thierry d'Argenlieu đồng ý gửi ra Bắc 5,000 tấn gạo để chứng tỏ thiện chí, hầu trao đổi với việc quốc quân Trung Hoa rút mau hơn khỏi miền Bắc vĩ tuyến 16, và đồng thời để đoàn tàu duyên hải 10 chiếc có cơ hội kiếm tiền kinh phí.³⁹

C. VIỆT MINH & ĐƯỜNG GIÂY OSS:

Chính phủ “quân sự chỉ huy” của Nhật, và lá bài vương giả bản xứ “độc lập” gặp sức chống đối mãnh liệt của *Đảng Cộng Sản Đông Dương [CSDD]*, dưới chiêu bài Mặt Trận Việt Minh. Khởi sự văn cổ điển cho rằng *Mặt Trận Việt Minh* xuất xứ từ tên *Việt Nam Độc Lập Đông Minh*, do Hồ Chí Minh, tức Nguyễn Sinh Côn, thành lập ngày 19/5/1941, tại Hội nghị trung ương “thứ 8” nhóm họp ở biên giới Cao Bằng và Quảng Tây. Sự thực, đây là một tổ chức “hồn Trương Ba, da hàng thịt,” do Côn tái sinh năm 1940-1941 tại Hoa Nam. Tổ chức này đã do nhóm Hồ Học Lãm, Nguyễn Hải Thần, Vi Chính Nam đăng ký tại Nam Kinh từ năm 1936, nhưng chỉ hoạt động được ít lâu rồi chìm vào quên lãng. Sau khi trực tiếp nắm Ban Chỉ Huy Ở Ngoài của Đảng CSDD ở Côn Minh, được tin Trương Phát Khuê giao cho Trương Bội Công tổ chức *Việt Nam Dân Tộc Giải Phóng Ủy viên hội* tại Liễu Châu [sau rời về Tĩnh Tây, gần biên giới Việt Nam hơn]; Côn cho Phạm Văn Đồng (1908-2000) tự xưng Phó Chủ tịch Việt Minh với hy vọng xâm nhập tổ chức Hoa quân nhập Việt của quan tướng Trung Hoa. Để tăng cường lực lượng, Côn cho lệnh Đặng Xuân Khu cùng khoảng 20 người (Hoàng Quốc Việt, etc) qua dự, biến thành *Việt Nam Dân Tộc Giải Phóng Đồng Minh*. Lý Quang Hoa (Hoan), Đồng, Giáp, lọt được vào Ban Chấp Hành. Trương Phát Khuê ở Đại Kiều, Lý Tế Thâm từ Quế Lâm (thủ phủ Quảng Tây) đều gửi điện chúc mừng. Nhưng do lời tố cáo của Nguyễn Hải Thần, Trương Bội

³⁹Tel No. 1016 (27/5/1946), Haussaire Indo Saigon gửi Comité Indochine; CAOM (Aix), AE, carton 14

Công, nhóm Hoan, Đồng, Giáp bị lộ mặt “Cộng Sản,” từ thù của Tưởng Giới Thạch và quân phiệt. Đồng và Giáp phải trốn chạy về vùng biên giới Cao Bằng. Tháng 5/1941, giữa lúc Đảng CSDD tại nội địa thêm một lần bị Pháp tẩm máu trong chiến dịch “khủng bố trắng” 1939-1941 mà Côn trực hay gián tiếp trách nhiệm—trong khi mở đường giây liên lạc với Ban Chấp Ủy Trung Ương ở Sài Gòn, sau khi rời Mat-sco-va về Trung Hoa—Côn và thuộc hạ chính thức cướp đoạt danh hiệu Việt Minh như một cơ quan ngoại vi, hay mặt trận thống nhất [*united front*] theo chỉ thị của QTCS.⁴⁰

Huỳnh Kim Khánh còn đi xa hơn nữa, cho rằng ngày 19/5 kết thúc Hội nghị 8 này sau được Hồ nhận làm sinh nhật của mình. Suy diễn trên có lẽ không đúng. Nếu muốn cho “Ngày sinh nhật 19/5” một kỷ niệm nhớ đời, ngày 19/5/1910 đáng ghi nhớ hơn nhiều—ngày này 35 năm trước, sau khi bị cách chức tri huyện Bình Khê, chờ tra cứu, Phó bảng Nguyễn Sanh Huy bị giáng 4 cấp, phạt 100 trượng, đầy 3000 lí vì tội “say sưa và tàn ác với dân chúng” (tra tấn một nông dân trong cơn say, khiến nạn

⁴⁰Mặc dù Hồ Chí Minh là trọng tâm của nhiều cung văn [hagiographies] và đạo mộ, cho tới năm 2010 mới tương đối có một sơ lược tiểu sử chính xác từ khi được nhận vào trường Quốc Học Huế ngày 7/8/1908. Xem, chẳng hạn, Vũ Ngự Chiêu, “Political and Social Change;” 1984, ch. 9; Idem., “Chuyến Cầu Viện Bí Mật 1950 của Hồ Chí Minh;” *Hợp Lưu Magazine* (Fountain Valley, CA, No. 109, Tháng 3-4/2010, tr. [5-25]; Chính Đạo, *Hồ Chí Minh (1892-1969): Con người & Huyền thoại*, 3 tập (Houston: Văn Hoá, 1993-1997); William Duiker, *Ho Chi Minh* (2000). “Notice... 2/1940;” CAOM [Aix], 7F 27; Về nguồn gốc tên Mặt trận Việt Minh, xem Hoàng Văn Hoan, “Một bước ngoặt lịch sử quan trọng;” trong Nguyễn Lương Bằng, et al. *Đầu Nguồn: Hồi ký về Bác Hồ [The Origin of the Streams: Memoirs on Uncle Ho]* (Hanoi: Văn Học, 1977), tr. 97, 109-110; Nguyễn Lương Bằng, *Ibid.*, 1977:34; Lê Tùng Sơn, *Nhật ký một chặng đường* (Hà Nội: Văn Học, 1978), tr. 57-58, 60-62; *VKĐTT*, 6, 2000:484-506; Kng C. Chen, *Vietnam and China*, 1969, tr. 47. Năm 1967, Sơn xuất hiện ở Burma như một lãnh sự của VNDCCH, ít nhiều tham dự những cuộc tiếp xúc ngầm Mỹ-VNDCCH..

nhân bị ốm chết), đưa đến cảnh anh em Côn phải bỏ học, rời Huế ra đi.⁴¹

Nhiều tác giả còn lầm lẫn cho Nguyễn Sinh Côn (mà họ ghi là Cung) vào trường Quốc Học trước khi xảy ra cuộc biểu tình chống sưu thuế ở Huế (tháng 4/1908), Ibid. I-29. Thực tế, mãi tới ngày 7/8/1908, ban giám đốc trường Quốc Học mới báo cho Phòng 2 Tòa Khâm sứ Huế là Nguyễn Sinh Côn, con Thừa biện bộ Lại Nguyễn Sinh Huy, được nhận vào trường QH niên khoá 1908-1909.⁴²

Gần sự thực hơn nữa là việc đón lễ sinh nhật 19/5/1946 của Hồ đi kèm lời kêu gọi dân chúng Hà Nội và khắp miền bắc vĩ tuyến 16 treo cờ đỏ, sao vàng trong thời gian Linh mục/Cao ủy d'Argenlieu ra thăm Hà Nội từ 18 tới 21/5/1946 (*Cứu Quốc* (Hanoi), 17/5/1946) – một danh dự lớn cho Linh mục/Cao Ủy Pháp tự do, để đáp lại chuyến mời Hồ và Nguyễn Tường Tam ra Vịnh Hạ Long gặp mặt thân hữu. Đồng thời cũng để biểu dương sức mạnh chính trị của Hồ.

Trước đó gần hai tháng, ngày Thứ Tư, 27/3/1946, sau buổi gặp mặt đầu tiên với Hồ, trên soái hạm *Emile Bertin* đưa d'Argenlieu từ Hạ Long về Nha Trang, D'Argenlieu ghi nhận về Hồ như sau:

Sinh năm 1889, 56 tuổi. Hiện nay chưa phải là nhà lãnh đạo quốc gia mà chỉ là một thủ lĩnh cách mạng Cộng Sản. Đây là một người tinh tuyền [pur], về đạo đức: không có sự đút lót [concussion] hay sai vạy [dérèglement] nào có thể khiến ông ta đáng bị chỉ trích [reprocher]. Về phương diện tri thức, ông ta thu thập được khá nhiều; ông ta biết cách làm mình nhỏ lại, khiêm tốn và ... người thích ca ngợi người khác [un flatteur]. Ông ta thật ảm áp. Ông ta bèn nhảy về vấn đề đối xử. Ông ta tự nguyện sử dụng những thuật ngữ tình cảm: tình bạn [amitié], tình hữu nghị [tình bác ái] [fraternité],

⁴¹"Biographie de Ho Chi Minh (1949);" CAOM (Aix), GGI, 19 PA, c. 4, d. 62 ; Trần Văn Giàu & Trần Bạch Đằng, *Vàng Trong Lửa* (TP/HCM : Ban KHXH Thành Ủy, 1990), tr. I-30.

⁴²CAOM (Aix), Annam, R-1 ; (Fountain Valley, CA), số 84, tháng 8-9/2005, tr. 193; Vũ Ngự Chiêu & Hoàng Đỗ Vũ, *Kiến hay Không Kiến*, (2015-2016), tập 3, tr 15 Ph bản Tài liệu 2].

chung thủy [loyauté], sự ngay thẳng [thật thà] [franchise], v.. v...

Nhưng ông ta biết rõ những gì mình muốn [*Mais, il sait ce qu'il veut*]. Ông ta muốn một qui chế biến Đại Nam thống nhất thành một dominion, theo trình độ tiến hóa hiện tại. Giáo điều và lý tưởng, ông ta không đo lường được nếu sự trưởng thành chính trị đã cho phép điều đó hay chưa.

Sức mạnh của ông ta là sự thành thật liên tục [*Sa grande force est la sincérité successive*].[239]

Có thể nào thay đổi ông ta mà ông ta không thấy đó là sự bội phản? Ông ta không tin tưởng ở ý định của chúng ta, dù ông ta ngưỡng mộ và chấp nhận sự ngay thẳng của chúng ta [la droiture de tel ou tel de nos].

Ông ta chỉ tin tưởng ở những gì phục vụ kế hoạch [*desseins*] của ông ta. Ông ta lắm mưu kế [*Il sait ruser*]. Ở lúc mà người ta ngỡ rằng có thể đạt thỏa thuận, ông ta khiến mọi sự trở lại từ đầu [*Remettre tout en cause quand l'on croit être arrivé à un accord*]. Ông ta không thể, ông ta không muốn hủy bỏ những điều có lợi của hiệp ước sơ bộ và phụ ước quân sự mà ông ta phải miễn cưỡng ký kết. Ông ta muốn rút ra từ nó nhiều hơn nữa. Giữ lại những gì ông ta thích, và quên lãng tất cả những thứ khác. Ông ta biết cách khéo léo ràng buộc những người thiếu thẩm quyền và không trách nhiệm hứa hẹn một cuộc thương thuyết ở Paris. Ông ta bám cứng vào đó [*Il s'y cramponne*].[239]

Ngày 24/3/1946, ông ta dường có vẻ đồng ý: một phái đoàn thiện chí của Quốc Hội; hội nghị trừ bị ở ...; kết thúc ở Paris.

Bản phản đề nghị [*Le contre-projet change, supprime, ajoute, modifie, etc.*] thay đổi, gạch bỏ, thêm, hiệu đính...[239]

Giấc mộng của ông ta là tiêu hủy Liên Bang Đông Dương [*Son rêve est d'escamoter l'organisation fédérale*] và nói chuyện trực tiếp giữa Hà Nội với Paris. Đó là lòng kiêu ngạo Á Đông. Không giành được tiếng độc lập, ông ta nỗ lực đạt được nó trong thời gian ngắn nhất.[240]

Chỉ đồng ý cho một phái đoàn thiện chí qua Pháp.

Phần cá nhân HCM, sở dĩ ông ta muốn qua Pháp để khuấy động giới tả phái Pháp và gây áp lực với chính

phủ lâm thời. Đó là cách vận động của lãnh tụ một đảng.⁴³

Dưới bảng hiệu mới là “đấu tranh chống Phát-xít Nhật và Đế quốc Pháp,” Mặt Trận Việt Minh nín thở qua sông trong giai đoạn cai trị gián tiếp của Nhật (9/1940-3/1945). Việt Minh thành lập được hai đội du kích ở Cao Bằng và Lạng Sơn, nhưng những nỗ lực tái lập Đảng tại đồng bằng miền Bắc và miền Trung rất hạn chế, trong khi mọi nỗ lực đánh thông liên lạc với Nam Kỳ trước Meigo đều thất bại.

Trong kế hoạch thanh niên vận và trí vận, từ mùa Hè 1944, Đảng CSĐD thành lập *Đảng Dân Chủ*, với Dương Đức Hiền làm Tổng Thư Ký, Hoàng Minh Chính Bí thư Đảng đoàn, để gia nhập Việt Minh [30/6/1944]. (Vũ Đình Hoè, 2004:821) Những người gốc nam quen biết Dương Đức Hiền cũng qui tụ quanh nhóm *Thanh Niên* của Huỳnh Tấn Phát, Mai Văn Bộ, Nguyễn Tự Do, sau này hóa thân thành *Đảng Tân Dân Chủ*, dưới ảnh hưởng và sự chỉ huy của Xứ Ủy Nam Kỳ gồm Trần Văn Giàu, Hà Huy Giáp, Nguyễn Văn Nguyễn, Nguyễn Văn “Bày” Trấn, v.. v.. Qua năm 1944, nhóm này hoạt động dưới bảng hiệu truyền bá chữ quốc ngữ để hoạt động trí vận tại Sài Gòn/Chợ Lớn và các thị trấn. Tuy nhiên, Ban Thường Vụ Trung ương Đảng CSĐD bị cắt đứt liên lạc với Huế và miền nam. Tới tháng 1/1945, Tố Hữu, Tôn Quang Phiệt, Hoàng Anh, v.. mới nhận được tài liệu cơ bản về Việt Minh. Xứ ủy Nam Kỳ cũng chia hai, mãi tới tháng 4/1945 mới liên lạc được với Trường Chinh.

Chiến dịch Meigo giúp Đảng CSĐD được tăng gia nhân sự từ các nhà giam và trại cải tạo, kể cả hơn 1,800 tù Côn Đảo về tới Sóc Trăng, rồi tỏa ra, xâm nhập các tổ chức do Nhật tài trợ, như *Thanh Niên Tiên Tuyển* ở Huế, *Thanh Niên Tiên Phong [TNTP]* hay Bình Xuyên, Hòa Hảo ở Sài Gòn. Y sĩ Phạm Ngọc Thạch— công dân Pháp và vợ Pháp— trở thành một cán bộ CSĐD, đưa đảng viên xâm nhập TNTP, và cải hóa thành phần lãnh đạo như

⁴³D’Argenlieu, *Chronique*, 1985:239-240.

Kỹ sư Kha Vạng Cân, Nha sĩ Nguyễn Văn Thủ, Luật sư Thái Văn Lung, trưởng trường Huỳnh Văn Tiêng v.. v.. Nạn nhân của nhóm Stalinist sau này là Luật sư Huỳnh Văn Phương, tân Phó Giám đốc Cảnh Sát Sài Gòn, từng phóng thích một số cán bộ cốt cán như Bùi Văn Dự, “Thắng” tức Nguyễn Chấn [Trần Văn Trà], cung cấp vũ khí cho nhóm Stalinist và tuyển dụng một số cán bộ CS trong TNTP vào ngành Cảnh Sát.⁴⁴ (36/19)

Sau một thời gian hoạt động với *Kempeitai* Nhật, Trần Văn Soái, Lê Văn “Bảy” Viễn, cùng Tô Ký, Dương Văn Hà của tổ chức tội phạm Bình Xuyên trở thành lãnh tụ chống Pháp. Tháng 10/1945, Bảy Viễn được phong làm Chi huy trưởng Mặt Trận Sài Gòn/Chợ Lớn của Lâm Ủy Hành Chính Nam Bộ. (CAOM (Aix), HCFI, CP 161)

Chiến dịch Meigo của Nhật, tưởng nên nhấn mạnh, còn mở cửa dư luận thế giới cho Việt Minh. Mặc dù từ năm 1942, các cơ quan tình báo Trung Hoa và Liên Bang Mỹ bắt đầu chú ý đến Hồ và tổ chức Việt Minh—qua Ban Chỉ Huy Ở Ngoài Đảng CSĐD, và nhóm Hội Giải Phóng chống Nhật của Nguyễn Văn Cơ, tức Lê Tùng Sơn hay Anh tại Côn Minh—nhưng họ chỉ âm thầm theo dõi. Sau đó, đồng ý cho Trương Phát Khuê, lãnh chúa Quảng Tây, thuê mượn Việt Minh thu thập tin tức về quân Nhật, qua hệ thống Hoa quân nhập Việt. Lê Tùng Sơn và một số cán bộ CS được cử vào Ban Chỉ Đạo của *Việt Nam Cách Mệnh Đồng Minh Hội* tại Liễu Châu. Ngày 2/7/1944, Tiêu Văn còn chủ tọa Đại hội các đảng phái cách mạng ở Vân Nam tại Côn Minh. [Tài liệu Pháp ghi là ngày 1/7/1944]

Nhưng các sĩ quan tình báo Mỹ không dấu sự nghi ngờ về Hồ—“một cán bộ QTCS thứ thực,” theo nhận định của Đại úy OSS Archimedes L Patti tại Hoa Nam.

⁴⁴Huỳnh Văn Tiêng, “Cổ vũ nhân dân và binh dịch vận;” Huỳnh Văn Tiêng et al., *Làm đẹp cuộc đời: Huỳnh Tấn Phát: con người và sự nghiệp* (Hà Nội: XBCTQG, 1995), tr. 113-14 [111-14]. Huỳnh Văn Phương từng du học Pháp, tại Paris. Năm 1928, do thư giới thiệu của anh rể là Lê Thành Tường, thông dịch viên tại Toà Kháng án Đông Dương, được học bổng 2,000 francs một năm; CAOM (Aix), GGI [Amiriaux] 51449.

Cuối tháng 2/1945—sau khi Việt Minh đã cứu thoát Trung úy William Shaw, một phi công Mỹ bị bắn rơi ở Cao Bằng—Tướng Claire L. Chennault, Tư lệnh Không đoàn Cọp Bay 14, vẫn chưa đồng ý tiếp kiến “ông Hoàng,” mới cùng hai thuộc hạ “đi bộ mười một ngày” từ Pác Bó sang Vân Nam đề nghị hợp tác.⁴⁵

Chiến dịch Meigo của Nhật khiến viên chức Mỹ bỗng thay đổi hẳn thái độ. Sự thay đổi này do nhu cầu tình báo về quân lực Nhật tại Đông Dương. Cuộc tổng tấn kích ngày 9-12/3/1945 đã cắt đứt hầu hết hệ thống tình báo mà trước đó người Pháp và Hoa tại nội địa cung cấp cho Bri-tên, Trung Hoa và Mỹ. Từ năm 1943, lực lượng “kháng chiến Pháp” trong nội địa Đông Dương âm thầm cung cấp nhiều dịch vụ cho Đồng Minh như tình hình quân sự, các vị trí đóng quân hay lộ trình di chuyển của Nhật. Tháng 2/1945, Trung tá Miles ở Côn Minh từng muốn khen thưởng những người Pháp góp công vào cuộc oanh tạc Sài Gòn và Cam Ranh ngày 12/1/1945, đánh đắm 50 tàu đủ loại, và phá hoại tới 150 thủy phi cơ Nhật tại Cam Ranh và duyên hải miền Trung. Pháp kêu cũng che chở, giúp đỡ hàng chục phi công của Không Đoàn 14 Cọp Bay, hay Hạm đội số 3 của Mỹ. Quân nhân Mỹ đầu tiên tử trận ở Việt Nam là Trung úy phi công E. A. Shirley, gốc Texas, thi hài được chôn trong nghĩa địa Pháp ở Sài Gòn vào tháng 1/1945. Kháng

⁴⁵Phùng Thế Tài, *Bác Hồ những kỷ niệm không quên* (Hà Nội: QĐND, 2002), tr. 57-63, 82-7; Charles Fenn, *Ho Chi Minh: A Biographical Introduction* (New York: 1973), 71-5, 76-7, 78, 81; Archimedes L. Patti, *Why Viet-Nam? Prelude to America's Albatros* (Berkeley, Cal.: Univ of California Press, 1980), tr. 29-30, 31, 46, 50, 51; Stein Tonnesson, *Vietnamese Revolution*, 238, 337 (quoted USNA ngày 19/3/1945); Chính Đạo, *Hồ Chí Minh: Con người & huyền thoại* (Houston: Văn Hóa, 1993,1997), II, 1993:356; Marr, *Vietnam 1945* (1995), pp 227-229, 241, 282-285, 288-291, 304n33, 476-479, 482-490, 498-501, 538-539; Raymond P. Girard, “City Man Helped to Train Guerillas of Ho Chi Minh;” *Evening Gazette* (Worcester, MA), 14 & 15/5/1968; dẫn trong Marr, 1995:209n189; US Congress. Senate. *Causes, Origins, and Lessons of the Vietnam War. Hearings before the Committee on Foreign Relations, 92nd Congress, 2nd Session, May 1972* (Washington: GPO, 1973), tr. 249;

chiến Pháp còn giúp giải thoát bốn năm tù binh Đồng Minh trong trại tù Sài Gòn, trại tù binh quan trọng nhất ở Đông Dương từ tháng 4/1942. Nhân viên OSS biệt phái cho Bộ Tư lệnh “lực lượng kháng Nhật” của Tướng Sabattier tại Điện Biên Phủ cũng bắt buộc phải theo Sabattier cùng tàn quân Pháp rút khỏi Đông Dương—mặc dù de Gaulle đã gửi cả Tổng thư ký Comindo là Francois de Langlade và Paul Mus tới Điện Biên, chuyển lệnh phải ở lại nội địa Đông Dương bằng mọi giá.⁴⁶

Ngày 17/3, Charles Fenn, một nhân viên OSS tại Đội Yểm Trợ Không Lực Dưới Đất (AGAS) tại Trung Hoa, được lệnh tiếp xúc Hồ [Côn], và đặt cho Hồ bí danh “Lucius,” trước khi nhờ đưa hai nhân viên AGAS vào nội địa Bắc Kỳ, thiết lập đài truyền tin. (Fenn 1973:76-80). Sau đó, Patti bay sang Liễu Châu gặp Hồ. Vì nể trọng sự lương thiện của Hồ và thái độ dửng dưng với ngân quỹ dồi dào của OSS, Patti đã tâng lờ liên hệ giữa Hồ với Quốc Tế Cộng Sản, sử dụng Hồ đồng loạt với các nhân viên Pháp, kể cả những người Pháp gốc Việt như André Trần Văn Đôn, Lê Văn Kim, v.. v.. (Patti 1980:83-87,104-105) Quyết định của Patti cực kỳ quan trọng. Những ngày sau đó, nhờ vũ khí Mỹ, thuốc men, trang cụ và đặc biệt là bề ngoài được Mỹ công nhận và yểm trợ, Đảng CSĐD—dưới chiêu bài Việt Minh—sớm hồi phục khỏi tình trạng bị đánh vỡ nát dưới tay Pháp trong giai đoạn từ 1939 tới 1944.⁴⁷

Cơ quan tuyên truyền của Việt Minh cũng ra sức tự đánh bóng như một tổ chức duy nhất đang hợp tác với phe chiến thắng Đồng Minh và gay gắt tố cáo tuyên

⁴⁶Commandant Supérieur des Forces Francaises en Extrême-Orient [FFEO], 2è Bureau, No. 2849/2, “Rapport sur les activités de la résistance française en Indochine, au profit de la cause Alliée; SHAT (Vincennes), 10H xxx [78, c. 1] (13 pages) [80] Patti 1980: 75-80; Spector 1983: 39-40; (Hong Thuy & H. N., “L’Ancien Hué: Dèes origines à 1945; *Etudes vietnamiennes* (Ha Noi): Huê, Passé et Présent, No. 37, 1973, pp. 57-58 [25-62]. Mission Militaire en Chine [MMC], BR No. 1055/50/R, ngày 1/2/1945; CAOM (Aix), AP, carton 3448, d. 4.

⁴⁷Liệu 1964; CAOM (Aix), HCFI, CP, hộp 161 và 192.

ngôn độc lập của Bảo Đại là thứ “độc lập bánh vẽ” (xem chẳng hạn Liệu 1945). Cán bộ Việt Minh còn tích cực lợi dụng nạn đói để kích động đám đông hầu tạo cơ hội thuận tiện cho một cuộc nổi dậy, dự trù khi quân Đồng Minh đổ bộ ở Trung Hoa và Đông Dương trong khoảng mùa Thu 1945 và mùa Xuân 1946.

Các toán vũ trang tuyên truyền và ám sát đoàn—dưới sự chỉ huy của cán bộ từng được tình báo Bri-tên huấn luyện như Lê Giản (Giám đốc Công An Trung Ương), Hoàng Đình Rong, Dương Công Hoạt (Bí thư Cao Bằng), Pallat Nguyễn Văn Minh (cựu Bí thư Bắc Kỳ), Nguyễn Văn Ngọc (Giám đốc Công An Trung Bộ), Vũ Văn Địch (Cục trưởng tình báo quân đội), Phan Bôi (Hoàng Hữu Nam), v.. v...—hoạt động hầu như công khai ở Hà Nội và các vùng ven thị trấn. Chu Văn Tấn và “đồng chí Văn” — tức Võ Giáp— thành lập an toàn khu ở vùng Tuyên Quang-Bắc Kạn, trải tới Cao Bằng. Tháng 5/1945, sau khi nhận lời hợp tác với tình báo Mỹ, Hồ di chuyển từ Pác Bó xuống Kim Lộng [Luông], huyện Sơn Dương, Tuyên Quang. *Toán Con Nai [Deer Team]* của Thiếu tá Thomas từng nhảy dù xuống Kim Lộng, giúp huấn luyện khoảng 100 “bộ đội Việt-Mỹ” và cứu Hồ thoát khỏi cơn bệnh mưu chết một sống. Thomas còn hành xử như Ban Ngoại Giao của Hồ, chuyển ra ngoài lập trường kháng Nhật và tranh đấu cho độc lập của Việt Minh. Việc cơ quan tình báo Mỹ và Trung Hoa chấp thuận sử dụng Việt Minh để thu thập tin tình báo về Nhật còn tạo cho Việt Minh sức mạnh tinh thần và một vũ khí tuyên truyền sắc bén. Ngày 7/8/1945, Bảo Đại từng ra Dự mời Việt Minh tham gia chính quyền, nhưng cả hai thượng thư khâm sai ra Hà Nội và vào Quảng Ngãi đều bị bắt giữ.⁴⁸

⁴⁸Lê Tùng Sơn, 1978:110-112 [Mỹ thả 2 đợt, gần 80,000 truyền đơn của Việt Minh xuống Hà Nội, Huế và Việt Bắc]; Đàm Quang Trung [Đàm Ngọc Lựu, 1921-1985], “Tùng có một đội quân hỗn hợp Việt-Mỹ tiến vào Hà Nội;” [Once there was a mixed Vietnamese-American military unit marching into Ha Noi]. *Tuoi Tre [Young Age]* (Saigon), vol. 11, no. 34-93 (514), August 29, 1993, p. 5; René Defourneaux, “Secret Encounter with Ho Chi Minh;” *Look* (NY), 8/9/1966, tr. 32-33; Robert Shaplen, *The Lost Revolution* (NY: Harper

Năm 1944-1945, cán bộ tuyên truyền [agitprop] của Đảng CSDD xâm nhập, tổ chức các nhóm thanh niên, sinh viên, trí thức. Từ tháng 8/1945, Pehznev Trần Đình Long (1904-1946)—từ Nga về năm 1931, được Văn phòng Đông Dương của Ban Phương Đông Quốc Tế Cộng Sản dự trù sẽ thay Lê Hồng Phong nếu có chuyện bất trắc⁴⁹--cuối thập niên 1930, tham gia mặt trận báo chí ở miền Bắc thực sự nắm Đảng Dân Chủ, cố vấn cho Ủy Ban Khởi Nghĩa Hà Nội. Nhân vật tích cực khác là Lê Trọng Nghĩa (Đoàn Xuân Tín), cán bộ tình báo, tham dự những cuộc thảo luận với Khâm sai Toại và Y sĩ Nguyễn Xuân Chử, Chủ tịch Ủy Ban Chính Trị Bắc Bộ. Do đề cử của những người này, Dương Đức Hiền rời Vũ Đình Hoè—linh hồn nhóm Thanh Nghị—được đại diện Đảng Dân Chủ trong chính phủ lâm thời ngày 28/8/1945. Tại Huế, từ ngày 15/8, Tố Hữu đã giao trách nhiệm cho Tôn Quang Phiệt và Hoàng Anh thuyết phục chính phủ Kim từ chức. Phiệt bèn sử dụng Phạm Khắc Hoè và Trần Đình Nam làm nội gián, gây nghi ngờ giữa Nguyễn Phước Điền và Kim, và giữa Kim với các thượng thư.⁵⁰

Các nhóm thân Nhật khác cũng chẳng coi trọng gì Nguyễn Phước Điền. Thực ra, quyết định của Nhật khiến mọi người đều ngạc nhiên, kể cả chính nhà vua. (Bao Dai 1980: 101). Nước Nhật đã từng cho Hoàng Thân Cường Để (1882-1951), bác họ của Nguyễn Phước Điền và thuộc dòng trưởng của vua Nguyễn Phước Chung

& Row, 1965), tr. 30; Báo cáo ngày 22/8/1945, William J. Donovan gửi Byrnes; Bộ Quốc Phòng, *US-Vietnam Relations, 1947-1967* (Washington, DC: GPO, 1971), Bk I, C 58-59, 67; *The Pentagon Papers* (Gravel), vol. I, pp. 17, 20, 50, 51; Lê Giản, "The Story of An Exile;" *Vietnam Courier*, 1980:17-20;

⁴⁹"Báo cáo của LHP tại Đại Hội VII QTCS (15/1/1935);" *Lê Hồng Phong*, 2002: 685 [685-697], & "Thư ngày 7/2/1932, Vera I. Vasilyeva gửi Litvinov [LHP];" *Ibid*, 2002:742-743.

⁵⁰*Độc Lập*, 4/9/1945; Vũ Đình Hoè, 2004:718, 795, 797-98. Đầu năm 1946, Long bị Việt Cách giết; Lê Tùng Sơn, 1978:186; Anatoli A. Sokolov, *Quốc Tế Cộng Sản và Việt Nam*, bản dịch Đào Tuấn (Hà Nội: CTQG, 1999), tr. 269-270). (République Démocratique du Vietnam 1959:28-48).

(1802-1820), tị nạn nhiều thập niên. Năm 1939, Nhật khuyến khích Cường Để thành lập *Việt Nam Phục Quốc Đồng Minh Hội*, thường gọi tắt là Phục Quốc. Tổng Hành Dinh Lộ Quân Miền Nam của Nhật tại Quảng Châu (Canton, hay Guangzhou) cũng từng tổ chức Việt Kiều tị nạn ở Trung Hoa thành một lực lượng võ trang, với khoảng 2,000 *Việt Nam Kiến Quốc Quân*, được trang bị từ 300 tới 400 vũ khí, và giao cho Trần Phước An (bí danh Shibata) cùng Trần Trung Lập, hai cộng sự viên thân cận của Cường Để, chỉ huy. Tháng 9/1940, Kiến Quốc Quân đã theo Sư đoàn 5 Ngự Lâm Quân Nhật tấn chiếm Lạng Sơn, một tỉnh sát ranh giới Hoa-Việt. Tháng 10/1940, sau khi Decoux chấp thuận cho quân Nhật đồn trú phía bắc Bắc Kỳ, Sư đoàn 5 Ngự Lâm Quân triệt thoái khỏi Lạng Sơn. Trần Trung Lập định duy trì vùng giải phóng được, nhưng bị quân Pháp đả bại. Lập bị bắt và xử tử vào tháng 12/1940.⁵¹

Tuy nhiên, việc Nhật bỏ rơi Kiến Quốc Quân hay hợp tác với chính quyền Pháp trong thế chiến thứ II không đủ ngăn cản một số người Việt tham gia tổ chức Phục Quốc của Cường Để: Không đủ khả năng rời nước, bị Cảnh sát Pháp truy lùng, và do áp lực kinh tế, số người Việt trên xin hợp tác với Nhật để đổi lấy sự an toàn và miếng ăn. Sau 1943, người Nhật bắt đầu đánh bóng Cường Để trở lại và tăng cường sức mạnh của Phục Quốc tại nội địa. Tháng 2/1943, Vũ Đình Dy được Hiến Binh [Kempeitai] Nhật đưa qua Đông Kinh để tổ chức Ủy ban Kiến Quốc, một loại chính phủ phiêu thai dưới trướng Cường Để.⁵² Đồng thời, tại nội địa Việt Nam, người Nhật khuyến khích các đoàn thể chính trị tham gia tổ chức của Cường Để. Trong số này có các nhóm Đại Việt ở miền Bắc, nhóm *Đại Việt Phục Hưng* (Kittô giáo) do Diệm và các anh em cầm đầu ở miền Trung,

⁵¹CAOM (Aix), INF, hộp 133, hồ sơ 1120; SHAT [Vincennes], Indochine, 10H xxx [81]. CAOM (Aix), INF, hộp 133, hồ sơ 1120. Năm 1949, tài liệu tuyên truyền của Đảng CSĐĐ hàm ý rằng Trần Trung Lập có liên hệ với Việt Minh.

⁵²Cuong De 1957: 138; *Thông Tin*, 10/6/1945; Nguyễn Xuân Chữ 1996:

cùng các giáo phái và những nhóm tự nhận là Đệ tứ (Trốt-kít) miền Nam.⁵³

Tháng 7/1943, một nhân vật Nhật Bản có uy tín là Tướng Matsui Iwane tuyên bố tại Sài Gòn rằng ông ta là bạn của Hoàng thân Cường Để và, “Tốt nhất là người Pháp nên rời Đông Dương một cách êm ả; bằng không, họ sẽ thấy người Nhật hành động.”⁵⁴ Ảnh hưởng cá nhân Matsui tại Nhật ra sao đi nữa, vào tháng 1/1945 người Nhật đã qui tụ khá nhiều người Việt đủ để điều hành một nước Việt Nam độc lập dưới quyền Cường Để, với Ngô Đình Diệm làm Thủ Tướng.⁵⁵

Nhưng Tướng Tsuchihashi không muốn đưa Cường Để lên ngôi, có lẽ hy vọng lợi dụng tối đa hệ thống hành chính hiện hữu. Khi bị Tokyo áp lực nhận Cường Để hồi hương, Tsuchihashi nóng giận tuyên bố với các thuộc hạ: “Cứ đưa hắn về đây. Ta sẽ lập tức tống cổ hắn ra Côn Đảo.” (“Let them send him here. I’ll at once put him in Poulo Condore”)⁵⁶

⁵³CAOM (Aix), INF, hộp 133, hồ sơ 1210; GOUGAL, 7F 29 và 63, và HCFI, CP, hộp 161). Nên lưu ý là có nhiều nhóm Trốt-kít. Nhóm được biết nhiều nhất là Tạ Thu Thâu, Phan Văn Chánh, Phan Văn Hùm, và Trần Văn Thạch, thực ra chỉ tả khuynh. thời gian này đã bị Pháp tập trung cải tạo. Đầu năm 1941, do sự tố cáo của nhóm Stalinist, Pháp bắt giữ nhóm Trốt-kít mới thuộc *Việt Nam Nhon Dân Cách mạng Đảng*, gồm nhiều trí thức miền nam như Võ Oanh, Phan Khắc Sửu, Dương Văn Giáo, Nguyễn Văn Nhã, Trần Văn Ân, Trần Quốc Bửu, v.. v.. Sau khi được phóng thích vào tháng 7/1941, một số tìm sự che chở của Nhật. Xem CAOM (Aix), 7F 27, và CP 161. Đa tạ Y sĩ/Giáo sư Trần Nguon Phiêu đã tặng tác phẩm về Phan Văn Hùm, và một hồi ký/ biên khảo của Ngô Văn về các phe nhóm Trốt kít. Theo Ngô Văn, ông ta từng gặp Trần Văn Giàu năm 1936 tại Khám Lớn Sài Gòn. Nhưng theo tài liệu Mật thám Pháp, Giàu bị kết án đày Côn Đảo từ năm 1935, và năm 1940, sau khi mãn hạn tù, bị đưa thẳng vào trại Tà Lài (Biên Hòa).

⁵⁴CAOM (Aix), INF, hộp 133, hồ sơ 1199.

⁵⁵ Nguyễn Xuân Chử, *Hồi ký*, (Houston: Văn Hoá, 1996), tr 243-249; Shiraishi 1982: 226-227. CAOM (Aix), PA 14, hộp I;

⁵⁶Murakami, "Japan's Thrust " (1981), p. 511.

Quyết định này—cùng với những yếu tố khác, như kế hoạch hậu chiến của các đại cường, sự phân hóa giữa các đảng phái và phe nhóm, và bầu không khí hỗn loạn—tạo nên một cuộc khủng hoảng chính phủ ở Huế. Trong tháng 3/1945, như đã lược nhắc, Nguyễn Phước Điền hai lần gửi điện mời Diệm lập chính phủ, nhưng không thấy hồi âm. Mãi sau này Yokoyama mới cho vua biết rằng người Nhật không muốn chọn Diệm.⁵⁷

Từ phía họ Ngô, mùa Thu 1945, Giám mục Thục khai với mật thám Pháp là sở dĩ Diệm không nhận lời mời của Nguyễn Phước Điền vì thấy chế độ do Nhật lập nên khó tồn tại lâu dài; hơn nữa quanh vua có những thành phần tả phái và *franc-macon* [Tam điểm]. (CAOM (Aix), CP 125) Lời chứng này khó tin. Bức công điện thứ nhất từ Huế gửi đi trước ngày Kim về nước. Công điện thứ hai gửi đi lúc Kim vừa âm thầm trở lại Sài Gòn, không được đón tiếp linh đình như báo chí Pháp hay trưởng phòng tuyên truyền Paul Mus của Leclerc truyền tụng. Có thể Thục tâng lò hoặc không biết đến quyết định của Tsuchihashi. Dù gặp Kim ở trụ sở của *Dainan Konsi* trước ngày ra Huế, Diệm cũng không nói gì về việc được Nguyễn Phước Điền mời. Ngoài ra, mục đích của Thục là biện minh cho sự hợp tác với Nhật của Diệm, một hình tội chiến tranh ở thời điểm đó.

Năm 1954, an ninh quân đội Pháp lại ghi rằng Diệm từ chối lời mời lập chính phủ vì Nhật không chịu cho thống nhất ba miền Bắc, Trung, Nam. Robert Shaplen cũng suy đoán theo chiều hướng này: Diệm từ chối không vì chống Nhật mà vì cảm thấy khó thiết lập một chính phủ tự do—trong số những yếu tố quan trọng có việc Nam Kỳ bị tách biệt với Huế. [*Diem refused, not because he objected to the Japanese but because he did not feel he would be able to establish a free government—among other things, the southernmost area of Cochinchina was initially be excluded from it. Furthermore, he now saw the handwriting on the wall and did not want to put himself in the*

⁵⁷Bảo Đại, *Le Dragon*, 1980:106. Xem thêm Nguyễn Xuân Chũ, *Hồi Ký*, 1996: 249-256.

position of being declared a collaborator when the war was over. He returned to Saigon and waited].⁵⁸

Tuy nhiên, tất cả chỉ là suy diễn nhằm mục đích tô hồng, chuốt lợc cho Diệm. Yếu tố tận dụng sức mạnh người bản xứ đang có mặt trong nước của quan tướng Nhật cho trận đánh cuối cùng mới là yếu tố chủ động. Lá bài Cường Để, cũng như Diệm và Chử, **đã bị loại bỏ trước khi** phát động chiến dịch Meigo. Riêng Nguyễn Xuân Chử được đích thân Kim và quan chức Nhật mời tham gia chính quyền, từ trung tuần tháng 8/1945 chấp thuận hợp tác. Điều Kim, Chử và ngay cả quan tướng Nhật khó ngờ là việc sử dụng bom nguyên tử của Truman và Churchill.⁵⁹

Ngày 12/7, Trung úy Kuga Michio của Hiến binh Nhật bí mật đưa Diệm vào Đà Nẵng, rồi đáp phi cơ vào Sài Gòn. Trong thời gian ở miền Nam, Diệm lui tới với Matsushita [Tùng Hạ] Mitsuhiro, Chủ công ty *Dainan Koosi* [*Đại Nam* hay *Dainan Konsi*], trưởng lưới tình báo dân sự của Nhật, tự nhận là bạn thân của Cường Để.⁽³³⁾

Một tháng sau, ngày 12/8, Nguyễn Huy Tân, Cán sự Công chính ở Quảng Ngãi, một cán bộ của Diệm, khai rằng Nhật đã chọn Diệm làm Thủ tướng, trong một chế độ quân chủ lập hiến mà người làm vua không nhất thiết phải là Cường Để. Hai ngày sau, 14/8, Paul Arnoux, Giám đốc Cảnh Sát, được lệnh bí mật khai thác Nhu và Khôi ngay tại Huế. Ngày 18/8, Arnoux báo cáo rằng **Nhu nhìn nhận việc làm tội lỗi của Diệm, nhưng Khôi không dính líu, xin “thề trên thập tự giá” là chỉ muốn duy trì “bát com” Pháp. Ngày 20/8, vì tình hình Âu Châu đang rối loạn, phe “Pháp tự do” của Charles de Gaulle đang tiến vào Paris, Decoux đồng ý với đề nghị của Arnoux là chỉ trừng trị những cán bộ hạng trung, tránh khiêu khích Nhật.**

Cuối năm 1944, đầu năm 1945, Diệm tá túc trong bệnh viện Chợ Quán, được trưng dụng làm trụ sở quân sự của Nhật, sau này đổi tên thành bệnh viện bài lao

⁵⁸SHAT (Vincennes), 10H xxx [4195]; Shaplen. 1966:110

⁵⁹Nguyen Xuan Chu, *Hoi Ky*, pp. 244-249

Hồng Bàng. Tại đây, Diệm cùng Y sĩ Nguyễn Xuân Chũ, Y sĩ Lê Toàn, Kỹ sư Vũ Văn An, Ký giả Vũ Đình Dy (1906-1945) thành lập Ủy Ban Kiến Quốc, phò trợ Cường Để. Cuối năm 1944, khi chuẩn bị kế hoạch Mago để lật đổ chế độ thân Vichy Decoux, Hiến binh Nhật đã dự trù Diệm sẽ trở thành Thủ tướng. Tuy nhiên, tình hình ngày một đổi thay mau chóng. Tướng Tsuchihashi Yuitsu, Tư lệnh Quân đoàn 38—lực lượng trách nhiệm phòng thủ Đông Dương chống lại kế hoạch đổ quân Đông Minh—dồn mọi nỗ lực cho mục tiêu quân sự hơn chính trị. Bởi thế Tsuchihashi giữ Nguyễn Phước Diễm làm vua một nước Việt Nam “độc lập trong Khối thịnh vượng chung Đại Đông Á.”⁶⁰

Thay vào đó, Nhật chọn Trần Trọng Kim (1883-1952), một học giả nổi danh và cũng một nhà giáo, lúc ấy đã lưu vong [sang Thái Lan] từ năm 1944, dưới sự che chở của Nhật.⁶¹

⁶⁰CAOM (Aix), GGI, CP 125; Nguyễn Xuân Chũ, *Hồi ký Nguyễn Xuân Chũ* (Houston: Văn Hóa, 1996), tr. 243-249, 247-248; Bảo Đại, *Le Dragon d'Annam* (Paris: Plon, 1980), tr. 106;

⁶¹Tư liệu văn khố Trường Thuộc Địa [Ecole Coloniale] Paris ghi Trần Trọng Kim sinh năm 1883, nhưng khai giám 4 tuổi (thành 1887)—khác hẳn Ngô Đình Diệm, man khai tăng 4 tuổi (từ 3/1/1901 lên 1897) để được tập ấm “cửu phẩm văn giai,” làm việc tại Musée Khải Định, Huế, năm 1915-1916. Kim bác bỏ lời cáo buộc của các Giáo sĩ về Nguyễn Phước Đám (Minh Mạng, 14/2/1820-20/1/1841) và gia đình Thái tử Nguyễn Cảnh (vợ, Tống thị Lan; con Hoàng tôn Đán [Mỹ Đường, Mỹ Thùy]; và dẫn lời một “đại thần về hưu” là không có việc Nguyễn Thân cùng Ngô Đình Khả, Lê Tựu Khiết trộm tro xác lãnh tụ Cần Vương Phan Đình Phùng với thuốc súng bắn đi theo lối trùng phạt truyền thống. (CAOM (Aix), GGI, Amiraux 22302 [22/1/1896: Lê Tựu Khiết báo cáo về kết quả cuộc khám nghiệm tử thi Phan Đình Phùng] Ngày 14/2/1896, Khâm sứ Brière báo cáo: Sau khi đánh bại dư đảng của Phùng, Nguyễn Thân và Ngô Đình Khả đào mộ Phùng, đốt thành than, rồi ném đi bốn phương “theo tục lệ An-Nam” [đối xử với các tội phạm]. (Báo cáo đề ngày 14/2/1896, Brière gửi Toàn quyền; trích in trong Vũ Ngự Chiểu, *Các vua cuối nhà Nguyễn, 1884-1945*, 3 tập (Houston: Văn Hóa, 1999-2000), II:602-603. Xem thêm Idem., *Petrus Key Trương Vĩnh Ký & Cuộc Xâm Lãng Của Pháp*, 2 tập (Fountainvalley, CA: 2019), II:238-244. Nguyễn Vũ [Vũ Ngự Chiểu], “Góp Phần Nghiên Cứu Trương Vĩnh Ký, 1837-1898;” *Ngân Năm Soi Mặt* (Houston: Văn Hóa, 2002), tr 156-269.

II. CHÍNH PHỦ TRẦN TRỌNG KIM (17/4 - 25/8/1945)

Mặc dù chính phủ Trần Trọng Kim chỉ là một thứ “tai nạn lịch sử,” được khai sinh do nhu cầu quân sự của Nhật, chính phủ được Nhật bảo trợ này soi sáng mặt trái của đồng tiền cách mạng 1945 tại Việt Nam, mà cho tới năm 2010 còn bị che phủ bởi đủ loại tài liệu tuyên truyền. Để có thể hiểu rõ tình trạng phức tạp tại Việt Nam trong giai đoạn từ tháng 3 tới tháng 8 năm 1945, ta cần khảo sát lai lịch các thành viên chính phủ Kim, các kế hoạch lớn và sự hiện thực chúng của chính phủ này — và đồng thời, tầm mức quan trọng của chúng ở thời điểm nghiên cứu.

A. NHỮNG NGƯỜI TÀI ĐỨC

Trần Trọng Kim sinh năm 1883 tại Hà Tĩnh (An Nam). Sau một thời gian ngắn làm thông ngôn ở Ninh Bình (Bắc), năm 1905 Kim theo chủ qua Pháp làm việc cho một hãng tư. Ba năm sau, Kim được học bổng của Trường Thuộc Địa để theo học trường Sư Phạm Melun (Seine-et-Marne). Hồi hương vào tháng 9/1911, Kim khởi đầu nghề giáo tại An Nam và leo dần nấc thang công chức. Năm 1927, Kim đã là một thanh tra tiểu học miền Bắc.⁶²

Trái ngược với sự thăng tiến chậm chạp trong ngành Sư Phạm, Kim nổi danh toàn quốc như một học giả qua một số sách giáo khoa tiểu học bằng quốc ngữ và, đặc biệt, những biên khảo về Nho Giáo, Phật Giáo, và lịch sử phổ thông Việt Nam. Nhờ danh tiếng trong làng văn, Kim trở thành một trong những nhân sĩ, trong các hội Phật Giáo và Khổng Giáo, và năm 1939, được bổ nhiệm làm Dân biểu miền Bắc. Sau khi Nhật ép Đông Dương

⁶²Trần Trọng Kim, *Một cơn gió bụi* (Sài Gòn: Vinh Sơn, 1969), tr. 7. Tư liệu văn khố ghi Kim sinh năm 1887. Những chi tiết dưới đây rút từ hồi ký dẫn trên và tài liệu trường Thuộc Địa Pháp; CAOM (Aix), ECOLE COLONIALE, Registres 5 và 41, Cartons 27 và 30; AMIRAUX, d. 2578.

gia nhập Khối Thịnh Vượng Chung Đại Đông Á trong hai năm 1940-1941, vài ba học giả Nhật tiếp xúc với Kim. Những cuộc tiếp xúc này, cùng việc gia nhập một tổ chức “tiến bộ” ở Hà Nội, khiến Kim bị chính phủ Decoux nghi ngờ. Khi Decoux khởi đầu cuộc thanh trừng những người Việt thân Nhật trong mùa Thu 1943, Kim có tên danh sách sở Liêm Phóng (Mật Thám). Ngày 28/10/1943, để đề phòng bắt trặc, người Nhật đưa Kim tới Sở Hiến Binh Hà Nội để bảo vệ an ninh. Tại đây, Kim gặp Dương Bá Trạc, một đồng tác giả cuốn tự điển đang hoàn tất. Theo Kim, Trạc thuyết phục Kim ký một thỉnh nguyện thư xin được qua Chiêu Nam Đảo (Singapore) tị nạn. Đầu tháng 11/1943, người Nhật đưa Kim vào Sài Gòn. Sau một thời gian ngắn tạm trú trong sở Hiến Binh, Kim và Trạc trở thành khách quý của *Đại Nam Công Ty [Dainan Konsi]*, một hãng buôn Nhật, mà chủ nhân là Matsushita Mitsuhiro [Tùng Hạ], nổi danh với những hoạt động tình báo từ thập niên 1930.

Ngày 1/1/1944, Kim và Trạc xuống tàu Nhật qua Chiêu Nam Đảo. Sau hơn một năm sống tại đảo cảng này và sau khi Trạc chết vì ung thư phổi vào tháng 12/1944, Kim được đưa lên Bangkok.

Ba tháng sau, ngày 30/3/1945, người Nhật đột ngột mời Kim về Sài Gòn tham khảo “lịch sử.” Người phụ trách hộ tống Kim cũng là viên Trung úy *Kempeitai* từng đưa Diệm rời Huế ngày 12/7/1944. Kim được yết kiến Tướng Kawamura (Saburo?), Tham Mưu Trưởng Quân Đoàn 38 Nhật, và Trung tá Hayashi Hidezumi, Trưởng phòng Chính trị vụ. Kawamura cho biết Kim có tên trong danh sách nhân sĩ được mời ra Huế tham khảo về việc thành lập chính phủ. Theo Kim, danh sách Nhật đưa ra có Hoàng Trọng Phu, Vũ Ngọc Hoàn, Trịnh Bá Bích, Cao Xuân Cẩm và Hoàng Xuân Hãn. Kim nhận lời vì danh sách này có Hãn, một bạn trẻ đồng hương, đồng nghiệp và đồng tác giả cuốn tự điển Khoa học.⁶³

⁶³Trần Trọng Kim, *Gió bụi*, tr 42-43, 48) Kim không được tiếp đón với thảm đồ như một số tác giả hoang tưởng. Không được bay qua Singapore vào mùa Thu 1943, hay được Tướng Kawamura thông báo tại phi trường Sài Gòn là được cử làm Thủ tướng. Xem

Ngày 2/4/1945, Kim rời Sài Gòn, và tới Huế ba ngày sau. Ngày 7/4, Nguyễn Phước Điền tiếp kiến Kim và, trong sự ngạc nhiên của Kim, vua "thấy có vẻ trang nghiêm và nói những điều rất đúng đắn." Nguyễn Phước Điền cũng tiết lộ đã mời cả Ngô Đình Diệm.⁶⁴

Yokoyama còn chu đáo đón vợ con Kim vào Huế cho gia đình đoàn tụ. Bởi thế, Kim quyết định ở lại Huế lâu hơn, và cuối cùng ngày 16/4 đồng ý lập chính phủ. Hôm sau, Kim đệ trình danh sách 10 Thượng thư (Bộ trưởng) mà theo ông là những người tài đức.⁶⁵

Danh sách chính phủ Trần Trọng Kim (17/4/1945)

Tổng lý (Thủ tướng): Trần Trọng Kim (1883-1953), Trung; Sư phạm, Pháp. Giáo chức

Ngoại Giao (sau thêm chức Phó Tổng lý): Trần Văn Chương (1898-1986), Nam, Pháp. Luật sư;

Nội vụ: Trần Đình Nam (1896-1974), Trung, Hà Nội. Y sĩ Đông Dương;

Tư pháp: Trịnh Đình Thảo (1901-?), Bắc, Pháp. Luật sư.

Tài chính: Vũ Văn Hiến (1910-1961), Bắc, Pháp. Luật sư

Giáo dục & Mỹ thuật: Hoàng Xuân Hãn (1908-1996), Trung, Pháp. Giáo sư,

Y tế & Cứu tế: Vũ Ngọc Ánh (1901-1945), Bắc, Pháp. Y sĩ.

Giao thông & Công chánh: Lưu Văn Lang (1880-1969), Kỹ sư (không nhận);

tiểu sử Hãn trong GGI, *Souverains*, p. 28. Giáo sư Hãn đã dành cho tôi một số cuộc phỏng vấn trong thập niên 1980. Tuy nhiên, tôi không đồng ý lời yêu cầu của ông là đừng công bố tài liệu Nguyễn Tất Thành (Sinh Côn) xin nhập học trường Thuộc Địa.

⁶⁴Kim 1969:49-50. According to one of his close associates, prior to this meeting Kim did not hold Bao Dai in high regard. My interview with Mr. Hoang Xuan Han in 1982-1983).

⁶⁵Dụ số 5, 17/5/1945 [Imperial Order [Du] No.5 (17 April 1945)]; *L'Action*, (xem thêm Phụ bản II.

Kinh tế: Hồ Tá Khanh (1908-1987), Trung, Pháp. Y sĩ;

Thanh Niên: Phan Anh (1912-1990), Trung, Hà Nội. Luật sư;

Tiếp tế: Nguyễn Hữu Thí (1899-?) Trung, Y sĩ Đông Đông Dương, Thương gia. (L'Action, 19/4 & 2/5/1945).

Ngoại trừ Lưu Văn Lang, một người có quốc tịch Pháp từ chối chức Bộ trưởng, những người còn lại tới Huế trong tháng 4 và đầu tháng 5/1945. Một tuần sau ngày lập chính phủ, Kim chọn Trần Văn Chương, một luật sư người Nam đang hành nghề ở Hà Nội, làm Phó Thủ tướng.⁶⁶

Kim cũng lập nên Phủ Khâm Sai Bắc Bộ. Ngày 27/4/1945, Phan Kế Toại, một cựu học sinh Trường Thuộc Địa và đương kim Tổng đốc Thái Bình, được đưa lên chức vụ Khâm sai đại thần Bắc bộ mới tái lập này. Ít lâu sau, Tuần vũ Khánh Hoà Nguyễn Duy Quang về làm phụ tá cho Phạm Khắc Hoè; Tôn Thất Toại, con Tôn Thất Hân (1854-1944), làm Bộ trưởng Nghi Lễ. Trừ trường hợp Bộ trưởng bộ Nghi Lễ, Tôn Thất Toại, con Tôn Thất Hân, được cử lên hai tháng sau, nhóm “người mới” này gồm toàn những chuyên gia tân học—hai giáo viên trung học, bốn luật sư, và bốn y sĩ.⁶⁷

Ngoại trừ Chương và Nam, hầu hết đã là ký giả hay văn sĩ. Đa số—ngoại trừ Phan Anh, Trần Đình Nam và Nguyễn Đình Thí—đều tốt nghiệp ở Pháp, và tất cả còn tương đối trẻ, từ 33 tới 49 tuổi, ngoại trừ Kim, năm ấy đã 62. Tất cả đều đã tiếp xúc với Nhật, cách này hay cách khác. Tất cả đều thiếu kinh nghiệm chính trị, dù có đôi chút uy tín qua liên hệ huyết thống và giáo dục.

Ba người có khuynh hướng làm chính trị là Chương, Nam và Khanh. Vì liên hệ gia đình, Chương đã chuẩn bị bước vào phe hợp tác với Pháp trước ngày Nhật chiếm

⁶⁶Dụ số 16, 24/4/1945; *L'Action* (Hanoi), 27/4/1945, 28/5/1945.

⁶⁷Dụ số 11; *L'Action*, 3 & 5/5/1945, & 19/6/1945; GGI, *Souverains*, p. 93.

đóng Đông Dương, nhưng dần dần trở thành thân Nhật trong thập niên 1940.⁶⁸ Nam thuộc nhóm *Tiếng Dân* của Huỳnh Thúc Kháng ở Huế⁶⁹—tàn dư phong trào Duy Tân của Phan Chu Trinh thập niên 1900 và *Tân Việt Cách Mạng Đảng* trong thập niên 1920.

Khanh—con một chủ hãng nước mắm ở Phan Thiết mà theo truyền thuyết đã chăm sóc Phó bảng Trinh năm 1906 khi Trinh ghé tỉnh này, rồi cho Nguyễn Sinh Côn (Tất Thành) một chỗ dạy tại Dục Thanh “nghĩa thực” từ “tháng 1 tới tháng 9 hay 10” năm 1911 [sic] —⁷⁰thường tự nhận là “vô chính phủ.”

Trong thập niên 1920, khi đang du học Pháp, Khanh (số nhập cảnh Marseille 2124) có những hành vi nghiêng về Đệ Tam Quốc Tế. Tháng 3/1930, từng hai lần xuất hiện bên Nguyễn Khánh Toàn, một giảng viên Viện Thợ Thuyền Phương Đông [KUTV], và đề nghị Công đoàn thủy thủ gốc Việt ở Havre và Marseille sửa đổi điều lệ để đón nhận các sinh viên thành một hội duy nhất, dưới sự che chở của Đảng Com-mu-nit Pháp [PCF], theo ý muốn của Nguyễn Ái Quốc (nhập cảnh số Marseille 2330) “đang ở Nga” [điều này không đúng. Côn đang ở Xiêm và Singapore].⁷¹

⁶⁸Ngày 4/10/1945, Tướng Georges Aymé, cựu Tư lệnh Lục quân Pháp ở Đông Dương trong hai năm 1944-1945, nhận định: "Yokoyama có một cánh tay mặt mà y coi như nhân tình, một người em gái họ của Hoàng đế, Bà Trần Văn [Chương], [Thân Thị Nam Trân (1906-1986)] nổi danh khắp Đông Dương về tham vọng cũng như thói quen làm tình đôi chác với tất cả những ngoại nhân có thể lực...."; SHAT (Vincennes), 10H xxx.

⁶⁹Trần Đình Phiên, thương gia ở Phan Thiết, anh Nam, quản trị Tiếng Dân.

⁷⁰Ngày 15/9/1911, từ Marseille, Nguyễn Sinh Côn sử dụng bí danh Nguyễn Tất Thành, làm việc cho hãng Messageries Maritimes ở Marseille, xin nhập học tấp vào trường Thuộc Địa; nhưng bị từ chối vì “Monsieur” Thành không được chính phủ Đông Dương gửi tới. Xem Vũ Ngự Chiêu và Nguyễn Thế Anh, *Một ngôi trường khác cho Nguyễn Tất Thành* (Paris: Văn Hoá, 1983).

⁷¹“L’Association unique de tous les Indochinois en France;” CAOM (Aix), SLOTFOM, Séries III, carton 1; trích dịch trong

Về nước, Khanh thuộc nhóm báo *Văn Lang*, gồm một số thanh niên trí thức ở Sài Gòn như Nguyễn Văn Nhã, Kha Vạng Cân và Phạm Ngọc Thạch (một cán bộ Đệ tam). Trong thời Nhật chiếm đóng, nhóm *Văn Lang* được tình báo Pháp ghi nhận là có liên hệ với tổ chức thân Nhật *Việt Nam Tân Chính Đảng*, một điều mà sau này Khanh phủ nhận. Tuy nhiên, liên hệ giữa Khanh với các nhóm thân Nhật là điều khó chối cãi. Mùa Xuân 1943, theo tình báo Pháp, Khanh tham dự ít nhất hai buổi họp của *Phục Quốc* tại Sài Gòn. (CAOM (Aix), CP, hộp 161). Sau khi Nhật thanh trừng Pháp, Khanh và bạn bè lập nên *Hiệp Hội Công Chức và Kỹ Thuật* tại Sài Gòn, đòi hỏi thay thế ngay các viên chức Pháp bằng người Việt. Một trong những người ủng hộ Khanh là Đỗ Dư Ánh, anh vợ Khanh. Khanh cũng được Trần Văn Giàu móc nối, khuyến khích nên tham dự chính phủ Kim “để có người mình tại đó.”⁷²

Chính phủ Kim, tương cần ghi nhận, có đủ đại diện ba miền. Phó Thủ tướng Chương gốc miền Nam; hai Bộ trưởng Khanh và Thảo, sinh tại Trung và Bắc, nhưng sống tại Sài Gòn khi được mời tham gia chính phủ.⁷³ Khuynh hướng ý thức hệ của họ không đồng nhất, phân

Nguyễn Vũ, *Paris, Xuân 96* (Houston: Văn Hoá, 1997), tr. 108-110; *Ibid.*, HCFI, CP, Carton 161; PA 14, Carton 2 and GOUGAL 7F 29; *Văn Lang* (Saigon), No.2 (5 Aug 1939), pp. 4-5.

⁷²CAOM (Aix), PA 14, hộp 2; phỏng vấn Hồ Tá Khanh, Đông 1982-1983.

⁷³Trịnh Đình Thảo (1901-1986), sinh tại Hà Nội. 1929: Tiến sĩ Luật; Luật sư tại Marseille. Về nước trong năm này. Hành nghề tại Sài Gòn (*Chung Một Bóng Cờ [CMBC]*, 1993:928). 22/2/1937: Tham gia Đảng Dân Chủ của Nguyễn Văn Thỉnh; nhưng sau bị áp lực phải rút ra. 9/1938: Từ chối tham gia nhóm “hợp pháp” của Đảng CSĐD (CAOM (Aix), CP 191). Sau tháng 8/1945, về Sài Gòn, không hoạt động gì. Tháng 2/1947, khi Kim từ Hong Kong về Sài Gòn, ở lại nhà Thảo, trước khi tới nhà anh vợ là Bùi Khải. 1954: Tham gia *Phong Trào Bảo Vệ Hoà Bình* tại Sài Gòn. 20/4/1968, Chủ tịch Ủy Ban Trung Ương *Liên Minh Các Lực Lượng Dân Tộc, Dân Chủ và Hoà Bình Miền Nam Việt Nam*, tức Mặt Trận II [cho tới ngày 21/4/1968]. 6/1969: Phó Chủ tịch Hội đồng cố vấn CPLT/CHMNVN (Nguyễn Hữu Thọ làm Chủ tịch).

trái từ danh lợi cá nhân của Chương tới vô chính phủ của Khanh. Nhưng ai nấy đều muốn lãnh đạo.

Tại miền nam, các giáo phái và phe nhóm chính trị—từ đệ tam tới đệ tứ CS, quân phiệt tới giáo phiệt—đều xuất hiện trên sân khấu hội trường và đường phố. Hoạt động mạnh nhất là nhóm Xứ ủy CSĐD của Giàu, nhất là các công đoàn và hiệp hội nông dân, *Thanh Niên Tiên Phong*, và các nhóm thân Nhật. Nhóm Phạm Văn Vi [Di], Nguyễn Thị Thập cũng lập nên một xứ ủy và mặt trận Việt Minh với kỳ hiệu Cờ Đỏ Sao Vàng, chống lại Giàu. Trong khi đó, hội đoàn lan mọc như nấm. Năm ba, vài chục người cũng có thể lập nên một đảng hay mặt trận. Bảng hiệu quốc cấm “hội kín,” “cách mạng,” hay “làm chính trị” trở thành một thứ thời trang.⁷⁴

B. CÁC KẾ HOẠCH CỦA TRẦN TRỌNG KIM

Tài liệu chính thức của Cộng sản Việt Nam và các học giả thường hạ thấp giá trị những kế hoạch của chính phủ Kim như “cải cách giấy,” hay độ lượng hơn, chỉ thuần là những tuyên cáo về ý định của chính phủ. Từ thời điểm này của lịch sử nhìn lại, trong bốn [4] tháng cầm quyền, chính phủ Kim chỉ có thì giờ ban hành hết dụ này qua sắc luật khác, và những cuộc cải cách ấy có rất ít ảnh hưởng đến đám đông. Tuy nhiên, các kế hoạch của Kim xứng đáng được nghiên cứu đầy đủ hơn những lời nhận định sơ sài trên. Các kế hoạch của chính phủ Kim phản ánh quan điểm tổng quát của giới thượng lưu và trí thức Việt về một nước Việt Nam không-ảnh hưởng Pháp, ở cao điểm của chủ thuyết Đại Á và tinh thần quốc gia Việt Nam. Hơn nữa, trái ngược với niềm

⁷⁴Từ tháng 4-5/1945, nhóm Trần Văn Di [Vi] (mới ở Bà Rá trốn về) và Nguyễn Thị Thập (1908-1996) lập xứ ủy riêng, biệt lập với Trần Văn Giàu (260). Giàu: Đông Dương Cộng Sản Đảng, cờ vàng sao đỏ; Di-Thập: Đảng CSĐD, cờ đỏ sao vàng (265-66). Nhóm Giàu: Bùi Công Trừng, Hoàn, Lý Chiến Thắng, Còn, v... v... có báo *Tiên Phong*. Nhóm Thập: Trần Văn Di [Vi] (Bí thư), Nhạc (Cao Lãnh), và Thập, có báo *Giải Phóng*. [Từ trong tù, Di và Giàu không ưa nhau]. Thượng tuần tháng 5/1945 [Cuối tháng 3 Ất Dậu], sau khi Lý Chính Thắng ra bắc, gặp Trương Chinh trở về, họp thống nhất hành động (266-67). Nguyễn Thị Thập, *Từ Đất Tiên Giang*, tr. 260-267.

tin phổ quát, Kim và các cộng sự viên phần nào thực hiện những chương trình trên. Bởi thế các kế hoạch của Kim xứng đáng được nghiên cứu vào sâu chi tiết, và trên vị thế lịch sử của chúng.

1. Vấn Đề Hiến Chương:

Kim và các Bộ trưởng dành khá nhiều thì giờ cho vấn đề Hiến Chương khi hội đồng chính phủ họp lần đầu tiên ngày 4/5/1945. Một trong những quyết định là đổi quốc hiệu thành Việt Nam. Vào thời điểm này, đây là một vấn đề quan trọng và, khẩn cấp. Nó hàm ý sự thống nhất lãnh thổ; “Việt Nam” là quốc hiệu do Ái Tân Giác La Ngung Diễm (1796-1820), niên hiệu Gia Khánh nhà Thanh, đặt ra từ năm 1805, sau khi Nguyễn Phước Chung thống nhất ba miền ngày 20/7/1802 và xin cầu phong. Hơn nữa, đây là lần đầu tiên lãnh đạo ba miền đồng ý chọn quốc hiệu này. Trong tháng 3/1945, chẳng hạn, giới lãnh đạo miền Bắc chỉ sử dụng tiếng “Đại Việt,” trong khi ở miền Nam sử dụng tiếng “Việt Nam,” và tại miền Trung thì “An Nam” hay “Đại Nam.” Tương nên ghi nhớ là từ năm 1925, Nguyễn Sinh Côn mời được Việt hóa, đặt tên cho hội Thanh Niên của mình là *Việt Nam Thanh Niên Kách Mệnh Đồng Chí Hội*. Trước đó, trong thỉnh nguyện thư 8 điều năm 1919, và tên gọi của đảng chính trị đầu tiên do Côn đặt ra, *An Nam Quốc Dân Đoàn*, đều chỉ dùng tên An Nam. Năm 1930, Côn bị thất sủng với Ban Phương Đông QTCS vì tự động thống nhất các chi phái Thanh Niên thành *Việt Nam Cộng Sản Đảng!* Mat-sco-va phải gửi Trần Phú về triệu tập Hội nghị Trung Ương thứ nhất ở Ma Cao để cải danh thành *Đông Dương Cộng Sản Đảng*.

Kim cũng cải danh ba miền trong nước—miền Bắc (tức Bắc Kỳ) trở thành Bắc Bộ, miền Trung (Trung Kỳ hay An Nam) thành Trung Bộ, và miền Nam (Nam Kỳ) thành Nam Bộ—dù lúc này Kim mới chỉ có thẩm quyền tại miền Trung và Bắc. Thuận Hoá, tên cũ của Huế, được dùng lại. Các cộng sự viên của Kim cũng thay từ *Annamite*, dùng để chỉ người Việt và đặc tính người Việt trong văn chương và giấy tờ, công văn thời Pháp, bằng tiếng *Vietnamien*. Những từ mới này, ngoại trừ tên

Thuận Hoá, từ đó đã được cả thế giới công nhận. Nếu lưu ý đến việc người Pháp đã cố tình phân biệt ba xứ “Tonkin,” “Annam” và “Cochinchine” — với hàm ý là thiếu nền văn hóa và chính trị quốc dân—những việc làm đầu tiên của Kim không những chỉ có tính cách biểu trưng mà là hậu quả đương nhiên của nhiều thập niên dài khủng hoảng của giới trí thức và cách mạng.

Ngày 2/6/1945, Kim còn chọn quốc kỳ mới—nền vàng, ba sọc đỏ theo hình quẻ ly [một gạch đứt quãng nằm giữa hai gạch liền] trong Dịch Kinh—và tạm lấy bài Đăng Đàn Cung làm quốc thiều. (*L’Action*, 30/6/1945). Quyết định của Kim chấm dứt cuộc tranh luận kéo dài 3 tháng về vấn đề cờ. (57)

57. *L’Action* (Hanoi), 7 May and 30 June 1945; Kim, *Gio bui*, pp. 60-1

2. Đoàn Kết:

Mặc dù đoàn kết quốc gia là một hiện tượng ngoại lệ hơn thông thường của một xã hội, người Việt thường lên án Pháp là cố tình chia rẽ đất nước và dân chúng để dễ cai trị—một lời cáo buộc hợp lý. Nước Việt Nam mới, độc lập, như thế cần chất xi-măng “đoàn kết quốc gia,” trên cả hai lãnh vực “tinh thần và chính trị” (*L’Action*, 21/7/1945), để nối kết các đảng phái và giai tầng xã hội. Cay đắng là sự kêu gọi đoàn kết mang lại nhiều nguy hại hơn lợi ích cho chính phủ Kim.

Thời gian này, xã hội Việt Nam đang ở vào tình trạng tiền-cách-mạng. Việc loại bỏ người Pháp khỏi đình tháp xã hội—sau một thời gian dài, từ 1940 tới 1945, mà uy tín và quyền lực người Pháp bị suy giảm—tạo nên một khuynh hướng vượt tiến của giới thượng lưu và trí thức Việt. Chiến tranh và nạn đói khiến tình trạng hỗn loạn ngày một gia tăng và tạo nên sự sụp đổ thế quân bình biểu kiến mà người Pháp khôn khéo duy trì được nhờ sức mạnh quân sự và hành chính. Bởi thế, Việt Nam cần nhiều hơn những chuyên viên để chuyển hướng những lực cách mạng đó. Đất nước cần sự lãnh đạo nhiệt thành, thuyết lý chính trị tốt và sức mạnh quân sự cũng như hành chính mà chính phủ Kim không có.

Sự thiếu lãnh đạo là điều quá hiển lộ. Nguyễn Phước Điện đã được huấn luyện thành một ông vua ở ngôi mà không cai trị, không thể lôi cuốn sự ủng hộ của đám đông. Kim là một nhà giáo dục được quý trọng, từng huấn luyện nhiều trí thức Việt cũng như có ảnh hưởng đạo đức với nhiều thị dân, nhưng không thích nghi với tình trạng chính trị lúc đó. Thực ra, như trong một tai nạn, Kim chỉ bị đẩy vào sinh hoạt chính trị từ cuối năm 1943; trước đó Kim đứng ngoài chính trị. Ông đã được giao chức Thủ Tướng vì là một người được nể trọng, nhưng không có đảng phái hay người ủng hộ. Trong số những người dưới quyền Kim, có những người trẻ tài năng như Hoàng Xuân Hãn, Phan Anh và Vũ Ngọc Ánh; tuy nhiên, họ chỉ là các chuyên gia hơn những nhà chính trị hay tổ chức; chính sách của Pháp đã ngăn chặn không cho những cá nhân này thu thập được kinh nghiệm hành chính.

Lớn khôn lên trong quỹ đạo văn hóa Pháp, và đã thu học kiến thức chính trị từ những tác phẩm đặc thù Pháp cùng những ý niệm bình dân về các anh hùng kháng Pháp, Kim và cộng sự viên không đủ khả năng sơ thảo một lý thuyết thực dụng. Mặc dù họ thấy chủ nghĩa Mác-Lênin quá thiên tả, và độc tài, tàn nhẫn, quan điểm chính trị của họ chỉ là sản phẩm của kinh nghiệm riêng giai tầng xã hội họ, chẳng đủ để cai trị một xã hội hỗn loạn. Họ quan niệm một mẫu quốc dân lý tưởng là người tổng hợp đầu óc “khoa học” với đức hạnh “cổ truyền” — một thí dụ của cuộc tổng hợp văn hóa Đông-Tây. (*L'Action*, 4/7/1945). Thật bất hạnh là sự tổng hợp văn hóa ấy chỉ đơn thuần là ước muốn, quá mơ hồ trong tình huống lúc đó. Đồng thời, và vượt trên khả năng họ, người Nhật đã quyết định trước loại học thuyết chính trị nào mà “Tân” Đế quốc Việt Nam phải theo — tức “hỗ tương” hay độc lập “vệ tinh.”

Cả người Nhật lẫn Kim đều không muốn thấy sự thay đổi quá nhanh trong guồng máy hành chính, nên cơ cấu thư lại do Pháp dựng lên được duy trì gần như trọn vẹn. Tuy nhiên, trong những ngày đầu sau cuộc thanh trừng của Nhật, một tình trạng hoang mang hiện hữu. Vài quan lại và công chức bỏ nhiệm sở, tị nạn tại

các thị trấn hay thành phố lớn. (*L'Action*, 27/6/1945). Trong hoàn cảnh này, cần nhiều tháng mới có thể trở lại bình thường. Nhưng thời gian không ở về phía Kim. 4 tháng sau ngày ông ta lên cầm quyền, Nhật sụp đổ, mang theo chính phủ Kim.

Trong những khu vực mà Kim có thể kiểm soát—tức các thành phố và thị trấn tại miền Bắc và miền Trung cùng các trục lộ nối liền chúng với nhau—Kim thực hiện được một số cải cách nhỏ. Vài quan viên bị mang tiếng bị cách chức, và vài người bị truy tố. (*L'Action*, 2/5/1945; Chữ 1996). Cuộc thanh lọc này không thỏa mãn những người quá khích, vì họ đòi hỏi phải đổi thay toàn bộ và nhanh chóng trên mọi lãnh vực.

Tuy nhiên, cho dù Kim muốn thực hiện điều này, cũng không đủ nhân sự có khả năng. Như thế, chính cái lý do khiến Kim được giao chức Thủ Tướng—một người không đảng phái—đã tạo khó khăn cho ông ta.

Kim chỉ còn biết hy vọng cải thiện hệ thống quan lại hiện hữu bằng cách kêu gọi tinh thần đạo đức và yêu nước trong giới này. Ông tổ chức quan lại thành công chức Tổng Hội, hy vọng biến họ thành một sức mạnh chính trị. (*L'Action*, 25/5/1945).

Thoạt tiên, giới công chức nhiệt thành đáp ứng. Nhưng niềm khích động vì mới thu hồi độc lập không đủ cải thiện thực trạng kinh tế. Trong khi đó phe Đồng Minh, cán bộ của De Gaulle và đặc biệt là Mặt Trận Việt Minh do OSS bảo trợ tiếp tục thách đố tính cách hợp pháp và uy quyền của chính phủ Kim. (Marr, 1995:145-48) Sự tổng hợp các yếu tố trên khiến nhiệt tình giới công chức suy giảm dần. Họ hừng hờ đến độ vào tháng 7/1945, Bộ trưởng Thanh Niên Phan Anh công khai chỉ trích thái độ bình chân như vại, và quyết định tập hợp các công chức trẻ thành một nhóm "**thanh niên công chức.**" (*Tinh Tiến*, 7/8/1945).

Sức mạnh quân sự—một yếu tố có thể giúp Kim ngăn chặn được sự thách thức của các phe nhóm khác thì hoàn toàn vượt ngoài sự kiểm soát của Kim. Chính phủ Kim **không có** Bộ trưởng Quốc Phòng. Một số lính khổ đỏ, thời Pháp thuộc được tổ chức thành **Việt Nam Nghĩa Dũng Quân**, nhưng trực thuộc người Nhật. Cảnh

sát được tái tổ chức, và cũng do người Nhật chỉ huy. Phải tới tháng 6, tháng 7, khi người Nhật đồng ý trên nguyên tắc trả lại Nam Bộ cho chính phủ Kim, Kim mới được quyền tổ chức một lực lượng Bảo An [khố xanh], nhưng lúc này tình thế đã bất khả phục hồi. (*IMTFE*, Exhibit 663; *Hải Phòng*, 16/7/1945; *L'Action*, 3 & 9/8/1945). Như thế, quân đội Nhật là sức mạnh quân sự duy nhất của Kim. Chính phủ Kim chỉ có thể hiện hữu khi quân Nhật còn hiện diện ở Việt Nam.

Tất cả những yếu tố trên hợp lại khiến chính sách đoàn kết quốc gia của Kim chỉ là con cọp không móng. Kim và các cộng sự viên không đủ phương tiện mang lại sự đoàn kết quốc gia hữu hiệu. Đã hẳn, để yểm trợ chính phủ Kim, Nhật bảo trợ việc thành lập *Tân Việt Nam Hội*—qui tụ nhiều nhân vật trí thức tên tuổi, được dự trù là chính đảng duy nhất của Việt Nam. Linh hồn của tổ chức này, theo tư liệu Pháp, là Luật sư Vũ Văn Hiền. Sau ngày được cử vào nội các, Hiền triệu tập một buổi họp nhóm **Thanh Nghị** và yêu cầu yểm trợ chính phủ với điều kiện “độc lập thực sự,” “dân chủ thực sự.” (Hoè, 2004:166-67) Vũ Đình Hoè và mọi người đồng ý vận động cho *Tân Việt Nam Hội*. Ngày 5/5/1945, báo *Thanh Nghị* tái bản sau hai tháng đóng cửa. Ngay trong số báo này công bố việc vận động thành lập *Tân Việt Nam Hội*, trụ sở 24 phố Hàng Da, Hà Nội. 19 trong số UVTU Lâm thời thuộc nhóm *Thanh Nghị*. (Hoè, 2004:166-167, 168-72) Đồng thời báo *Ngày Nay Kỷ Nguyên Mới* của Nguyễn Tường Bách, và *Tiểu Thuyết Thứ Bảy* của Phùng Bảo Thạch, (Hoè, 2004:169n2) cùng *Hải Phòng Nhật Báo* của Nguyễn Thế Nghiệp cũng tái bản và có đại diện tham gia *Tân Việt Nam Hội*. (Hoè, 2004:192n2)

Ngày 16/5, *Tân Việt Nam Hội* chính thức ra mắt. Trần Trọng Kim tuyên bố *Tân Việt Nam* sẽ là đảng chính trị duy nhất của nước Việt Nam, và đã cho lệnh thành lập tại mỗi tỉnh một chi bộ để đoàn kết dân tộc và củng cố nền độc lập của Tổ quốc. Nhiều trí thức ba miền đều tham gia. Ngày 2/6, chi bộ thứ nhất là chi bộ Thuận Hóa được thành lập, với Tôn Quang Phiệt làm Tổng thư ký.

Phiệt hùng dũng tuyên bố “Phục hưng tổ quốc, Ủng hộ chính phủ.”⁷⁵

Tuy nhiên vừa tròn một tháng sau ngày thành lập, *Tân Việt Nam* bắt đầu bị phân hoá. Dương Đức Hiền thuyết phục Vũ Đình Hoè gia nhập *Dân Chủ Đảng* do Việt Minh bảo trợ. Ngày 6/7/1945, Hoè vào Huế gặp Phan Anh và Vũ Văn Hiền để chuyển chỉ thị VM cho Anh và Hiền từ chức. (Hoè, 2004:188-89). Anh và Hiền hẹn sẽ ra Hà Nội hôm sau. Hoè được gặp Tôn Quang Phiệt và Phạm Khắc Hoè, nói rõ mục đích chuyển đi của mình. Ít ngày sau, Vũ Đình Hoè cùng Nghiêm Xuân Yêm, Đỗ Đức Dục gặp Anh và Hiền ở Hà Nội. Vũ Văn Hiền cương quyết không đồng ý. (Hoè, 2004:189-92) Ngày 22/7/1945, *Tân Việt Nam Hội* tuyên bố tự giải tán. (*Tin Mới*, 30/7/1945; *Hải Phòng*, 31/7/1945; *L’Opinion-Impartial*, 1/8/1945). Cuối tháng 7/1945, Hoè bí mật đi chiến khu, nhưng chỉ gặp Phạm Văn Đồng. Đồng hứa sẽ thêm tên Hoè vào chính phủ lâm thời. (Hoè, 2004:198-206) Ngày 11/8/1945, Thanh Nghị đình bản. (Hoè, 2004:206)

Dĩ nhiên, không phải tất cả những nhóm thân Nhật đều đứng sau lưng Kim. Thù nghịch nhất có nhóm Kitô giáo ở Thuận Hóa, do Khôi và Diệm cầm đầu. Phe Diệm giải truyền đơn và phao tin đồn rằng Hoàng Thân Cường Để và Diệm sẽ nắm quyền khi Nhật chính thức trao trả độc lập cho Việt Nam. Kỹ sư Vũ Văn An cũng xuất hiện ở Hải Phòng và Hà Nội, cho phổ biến hình ảnh năm [5] thành viên của Ủy Ban Kiến Quốc của Diệm. Cuộc chiến tranh tin đồn và bôi bác này khó thể kiểm soát hay phản ứng vì con cả Khôi được Cố Vấn Yokoyama dùng làm bí thư.⁷⁶

Đáng sợ hơn cả là Việt Minh. Vào mùa Hè 1945, cơ quan OSS đã hết sức ủng hộ Việt Minh. Một toán OSS

⁷⁵*Thanh Nghị*, số 107, 5/5/1945; *L’Action*, 9/6/1945; *Sài Gòn*, 12/6/1945; *Tin Mới*, 9/6/1945; Lieu, Bich and Dam (eds), *Xa hoi*, vol II. pp.174-175; Vu Dinh Hoe, *Hoi Ky*, 2004, tr. 171.

⁷⁶Chính Đạo, “Jean-Baptiste Ngô Đình Diệm (1897-1963): Thời Kỳ chưa nắm quyền;” *Cuộc thánh chiến chống Cộng* (Houston: Văn Hoá: 2004), tr. Kim, *Gio bụi*, pp. 64-65.

do Thiếu tá Allison K. Thomas chỉ huy, nhảy dù xuống mật khu tại Tuyên Quang, Bắc Bộ; đoàn OSS này giúp huấn luyện 100 du kích Việt Minh và trang bị cho họ các vũ khí hiện đại. Nhân viên OSS, và đặc biệt là những tin tức về tình hình chính trị mà họ cung cấp chẳng những gia tăng thế lực và uy tín của Việt Minh mà còn giúp Hồ kịp thời khai thác sự đầu hàng của Nhật. Thomas thủ diễn vai đặc sứ của Hồ, gửi ra ngoài tất cả những tin tức về Việt Minh, nhất là mục đích đòi độc lập, tự do trong vòng từ 5 tới 15 năm.⁷⁷

Hai tháng sau, trong báo cáo tổng kết ngày 17/9, dù ngưỡng mộ cả Hồ và Văn [Võ Giáp], Thomas nhận định họ khuynh tả, và theo Đại úy Archimedes Patti, Hồ là một cán bộ Cộng Sản chính gốc [an outright Communist]. [tr. 266] Thomas cho rằng tất cả lãnh tụ Việt Minh, kể cả Hồ và Văn, nếu không phải là Cộng Sản thuần thành [outright Communists]. thì cũng tả khuynh; một số có khuynh hướng xã hội chủ nghĩa [socialism]. Nhưng đại đa số đoàn viên chưa bao giờ nghe đến tiếng Cộng Sản, hay hiểu Cộng Sản là gì. [tr. 267] Văn theo Thomas, Pháp cho VM là CS [tr. 270] Tháng 5/1945, Tiêu Văn nói từ ngày móc nối được Mỹ, Hồ coi thường Trung Hoa, dù trước đó từng là thuộc hạ của Tiêu Văn (trong Việt Cách hay Đồng Minh Hội); nếu VM không tới gặp sẽ tiêu diệt VM [tr. 270] Với Mỹ, theo Thomas, Hồ và Văn rất thân thiện, chăm sóc tận tình. [tr. 270] (23)

Kế hoạch đoàn kết quốc gia của Kim còn mở rộng cửa nhiều văn phòng chính phủ cho cán bộ Cộng sản nằm vùng hay cảm tình viên của Việt Minh. Nguyễn Mạnh Hà, người sẽ trở thành Bộ trưởng Kinh Tế đầu tiên của Hồ Chí Minh, từng là trưởng phòng Kinh Tế Hải Phòng và sau đó là Trưởng Nha Kinh Tế Bắc Bộ. (L'Action, 9/6/1945; CAOM (Aix), 7F 29-1). Vũ Trọng Khánh, đốc lý Hải

⁷⁷Vũ Ngự Chiêu, 1984: chương 9; US Congress. Senate. *Causes, Origins, and Lessons of the Vietnam War. Hearings before the Committee on Foreign Relations, 92nd Congress, 2nd Session, May 1972* (Washington: GPO, 1973), tr. 243, 249, 266-67, 270-80; Fenn, 1973:80-2, Shaplen, 1965:18-29; Patti 1980:129; Marr, 1995:284).

(US Congress, *Hearings* [May 1972]:243-280; Patti 1980:129).

Phòng, bàn giao cho Đệ Tứ Quân Khu Việt Minh, về Hà Nội gặp Võ Giáp để nhận chức Bộ trưởng Tư Pháp, rồi gán ghép cho đảng viên Đại Việt những tội thường phạm như trộm cắp, hiếp dâm. Hoàng Minh Giám, Ngoại Trưởng tương lai, huấn luyện tại chỗ với chức Trưởng ban Liên Lạc Nhật-Việt Bắc Bộ. (*Tin Mới*, 3/8/1945).

Tôn Quang Phiệt, chủ tịch tương lai của Ủy ban Khởi nghĩa thành phố Nguyễn Tri Phương (Huế), là một cố vấn của Hội Đồng Thanh Niên Quốc Gia, Tổng Thư ký Tân Việt Nam Đảng chi bộ số 1, và đồng thời trở thành cố vấn của nhiều viên chức cao cấp, kể cả Tổng lý Ngự tiền của Bảo Đại, và Bộ trưởng Kinh Tế Hồ Tá Khanh (*Études Vietnamiennes* 1973: 58 & 60; *Hòe* 1982: 60-3; phỏng vấn Hồ Tá Khanh, Đông 1982-1983).

Tại Nam Bộ Phạm Ngọc Thạch tiếp tục đấu kỹ đảng tịch Cộng Sản, liên hệ với Nhật để cầm đầu tổ chức *Thanh Niên Tiên Phong*.⁷⁸ Phạm Văn Bạch, chủ tịch tương lai của Ủy Ban Hành Chánh Kháng Chiến Nam Bộ, đi xin ý kiến của “tổ chức” (Đảng CSĐD) trước khi nhận chức Chánh án Bến Tre (Bạch 1982).

Sự xâm nhập của các cán bộ CS nằm vùng và cảm tình viên của Việt Minh này, cùng với thủ thuật chiến tranh tâm lý, là những yếu tố quan trọng đưa đến sự sụp đổ đột ngột của chính phủ Kim trong hạ tuần tháng 8/1945.

Tệ hại hơn, nền kinh tế và ngân quỹ đều trống rỗng. Kiểm soát được Ngân Hàng Đông Dương, người Nhật tự do phát hành giấy bạc theo nhu cầu. Từ tháng 3 tới tháng 8/1945, người Nhật lấy ra 787 triệu yen (khoảng 800 triệu đồng) nhiều hơn tổng số tiền mà Pháp đã giao cho Nhật để trả quân phí từ 1940 tới 1945 (720 triệu đồng) hay hơn 1/3 tổng số tiền lưu hành.⁷⁹ Trong khi đó, giá sinh hoạt các thành phố tăng ngoài sức chịu đựng của mọi người. Vào tháng 5/1945, người ta phải trả 800

⁷⁸Trước ngày 19/8/1945, Kha Vạng Cân là Chủ tịch. Xem *Sài Gòn*, 25, 26/5/1945; *Hưng Việt* (Sài Gòn), 17, 20 và 22/8/1945; CAOM (Aix), HCIF, CP 161.

⁷⁹CAOM (Aix), Affaires Economiques [AE], hộp 182 và 289; Decoux 1949:446 n1; JOFI, 22/11/1945:14-5).

đồng 1 tạ gạo, 20 đồng 1 ký mỡ, hay 1 đồng 1 quả trứng, đắt gấp 40 lần năm 1942.⁸⁰ Nạn đói tiếp tục hoành hành ở Bắc và Bắc Trung Bộ. Tại nhiều nơi, trật tự xã hội bị đổ vỡ, và tình trạng an ninh suy giảm tại hầu hết các thành phố. Nhiều làng trống không. Trộm cướp—dù chuyên nghiệp hay do cách mạng lãnh đạo—gia tăng hoạt động. Tình trạng hỗn loạn lan tràn từ nông thôn về các thị trấn và thành phố. Kế hoạch “đoàn kết quốc gia” của Kim thiếu hấp dẫn hơn tư lợi và tinh thần cầu an.

3. Chống Đói:

Mặc dù phạm vi hoạt động rất hạn hẹp, chính phủ Kim dồn nhiều nỗ lực chống lại nạn đói. Một mặt, Kim yêu cầu và được Nhật cho phép bỏ lệ bắt buộc bán thóc ở Trung bộ, và tại Bắc bộ, miễn cho bất cứ ai sở hữu dưới ba mẫu ruộng (*L'Action*, 19/5/1945; Hải Phòng, 16/7/1945). Bộ trưởng Tiếp tế Nguyễn Hữu Thí được gửi vào Sài Gòn dàn xếp việc chuyên chở gạo từ Nam ra Trung và Bắc. Để tránh bị phi cơ Mỹ oanh tạc, các hải cảng xa Sài Gòn được dùng làm điểm khởi hành cho các đoàn thuyền buồm. Tư nhân được phép tự do chuyên chở và mua bán gạo. Tuy nhiên, để ngăn chặn các tệ nạn, Kim ra lệnh kiểm soát gắt gao giá cả và việc tồn kho lúa gạo. Người vi phạm có thể bị tử hình hay tịch biên tài sản (*Tin Mới*, 17/7/1945). Tại Bắc bộ, Kim thành lập Ty Liêm Phóng Kinh Tế, giao cho Nguyễn Duy Quế điều khiển, để ngăn chặn việc buôn lậu (*Tin Mới*, 10/7 và 3/8/1945). Một số chủ cửa hàng gạo bị bắt giữ hoặc phạt nặng. Mặt khác, Kim tập trung những người sống sót sau nạn đói cùng những người vô gia cư vào các trại đặc biệt. Một chiến dịch báo chí giúp rộ nở phong trào thành lập nạn cứu đói trên toàn quốc. Vào cuối tháng 3, tất cả các hội cứu tế miền Bắc tập hợp lại thành Tổng Hội Cứu Tế Nạn Đói do

⁸⁰*Thông Tin*, 10/6/1945; CAOM (Aix), RST 70-77. Theo số liệu thống kê của Đông Dương, từ 1942 tới 1945, ngân quỹ cho thực phẩm tăng 900% trong một gia đình trung lưu, và 1920% trong một gia đình lao động; *ASI, 1943-1946*, pp. 204-206. Tuy nhiên sự chia chác chiến lợi phẩm, theo tài liệu văn khố Pháp, là do người Pháp tự nguyện, từ Vichy tới Đông Dương.

Nguyễn Văn Tố cầm đầu, và đẩy mạnh hơn các nỗ lực lạc quyền cũng như chân tế. Từ tháng 3 tới tháng 5/1945, tổ chức của Tố quyền được 783,403 đồng (L'Action, 21/3, 27/4 và 30/5/1945). Tại Nam bộ, chỉ nội tháng 5 hơn 20 hội chân tế ra đời, và trong vòng một tháng các tổ chức trên quyền được 1,677,886 đồng, kể cả 481,570 đồng để mua và chuyên chở 1,592 tạ gạo cho nạn nhân vụ đói (L'Action, 24/5 và 22/6/1945; Hải Phòng, 23/6/1945). Vì tất cả thuyền buồm trên 30 tấn đều bị Nhật trưng dụng, và hải cảng Hải Phòng bị Mỹ đặt mìn phong tỏa, việc chở gạo từ Nam ra Bắc bị chậm trễ. Dầu vậy, các chương trình chống đói của Kim chẳng những giảm thiểu sự khổ sở của dân chúng mà còn tạo cơ hội cho đám đông, đặc biệt là giới trẻ, tham gia các sinh hoạt xã hội.

Những nỗ lực của Kim không hoàn toàn tiến triển tốt đẹp: Ngoài việc bị Việt Minh cản trở (như xúi dục dân chúng đánh phá các vựa lúa công cộng, hay lăng nhục các viên chức trách nhiệm và người cầm đầu các hội chân tế), tin tức tình báo do Việt Minh cung cấp khiến các phi vụ oanh tạc của Mỹ phá hoại thêm nữa các trục giao thông (CAOM [Aix], AE, hộp 578). Sự giao thông khó khăn đến độ Kim phải dùng xe đạp để chuyển công văn (*Tin Mới*, 15/6/1945). Ngày 23/7, một Bộ trưởng của Kim là Vũ Ngọc Ánh tử thương trong một cuộc oanh kích ở Bắc bộ. Dầu vậy, nhờ trúng mùa Chiêm vào tháng 5 và 6/1945, và nhờ nhu cầu tiêu thụ giảm hẳn xuống sau khi hơn 1 triệu người chết đói, cuộc khủng hoảng thực phẩm giảm dần. Qua tháng 6/1945, nạn đói hầu như đã qua. Tại Hà Nội và các tỉnh, giá gạo giảm từ 850 đồng một tạ (100 kg) xuống khoảng 300 đồng (*Thông Tin*, 10/6/1945). Tại vài tỉnh, vấn nạn trở thành thiếu hụt số người gặt lúa (*Dân Mới*, 6/6/1945). Khi những tàu chở gạo từ Nam cập bến miền Bắc, nạn đói cuối cùng cũng qua.

4. Cải Cách Thuế:

Giống như đối thủ là Cộng Sản, chính phủ Kim muốn giải quyết vấn đề thuế, đặc biệt là thuế thân, một loại thuế gây nhiều ta thán. Dưới thời Pháp, có 13 loại thuế, từ 750 đồng một năm (hạng 1) tới 3 đồng rưỡi (hạng thứ 13). Ngoài ra, mỗi xuất đình phải trả thêm

khoảng 60% số tiền trên như thuế chính phủ xứ (kỳ), và từ 45% tới 60% cho ngân quỹ tỉnh; điều này có nghĩa khoảng 2,300,000 xuất đinh thuộc hạng 13 phải trả tổng cộng 7.70 đồng thuế thân hàng năm. Kim thuyết phục được người Nhật giảm thuế đáng kể cho hạng thứ 13 này. Ngoài ra, họ còn được chia thành 2 hạng thuế khác nhau. Khoảng 1.8 triệu người qui định thuộc hạng 13 mới chỉ phải trả tổng số 3 đồng mỗi năm, và 500,000 người còn lại chỉ phải trả 1 đồng. Tất cả những khoản phụ thu cho xứ và tỉnh được miễn. Thực tế, việc cải cách thuế chỉ thực hiện tại miền Bắc. Tại Trung bộ, Kim miễn thuế thân cho tất cả các bạch đinh hoặc những người có lợi tức thấp. Riêng tại Nam Bộ, Nhật tiếp tục áp dụng luật thuế năm 1944 của Pháp (Nước Nam, 3/3/1945; L'Action, 19 và 30/5/1945).

5. Cải Cách Giáo Dục:

Chính phủ Kim đặt nặng vấn đề cải cách giáo dục, với trọng tâm là việc phát triển giáo dục kỹ thuật và sử dụng chữ Việt mới (quốc ngữ) làm ngôn ngữ giảng dạy (Tinh Tiến, 5/7/1945; L'Action, 4 và 13/7/1945). Lên cầm quyền chưa đầy hai tháng, Kim tổ chức khoá thi tiểu học đầu tiên bằng chữ Việt mới và dự định dùng Việt ngữ trong các kỳ thi cao hơn (Tin Mới, 13,14,23, 25/6, và 18/7/1945). Bộ trưởng Giáo dục Hoàng Xuân Hãn cũng hết sức làm việc để Việt-nam-hoá nền giáo dục trung học công cộng. Những kế hoạch này hẳn cần một thời gian dài hơn 4 tháng mới thấy rõ kết quả; nhưng chúng đủ mở đường cho Bộ trưởng Giáo Dục Vũ Đình Hoè của Việt Minh phát động chiến dịch bình dân giáo dục trong tương lai gần. Vào tháng 7/1945, khi Nhật quyết định trao trả độc lập và thống nhất lãnh thổ, chính phủ Kim đang chuẩn bị thực hiện một cuộc cải cách rộng lớn hơn, khởi đầu bằng việc thành lập một Ủy Ban quốc gia chịu trách nhiệm thành lập một nền quốc học.⁸¹

⁸¹*Tinh Tien* (Hanoi),14 (5/7/1945); *L'Action* (Hanoi), 4 & 13/7/1945 [declaration of 8 June 1945 & Imperial Order [Du] No.71 (11 July 1945)]

6. Cải Cách Tư Pháp:

Với phương vị Bộ trưởng Tư pháp, Trịnh Đình Thảo cũng khởi đầu chiến dịch cải cách hệ thống tư pháp. Tháng 5/1945, thành lập tại Huế một Ủy Ban Cải Cách và Thống Nhất Tư Pháp, do Thảo cầm đầu (*L'Action*, 2/6/1945). Ngoài ra, chính phủ Thảo xét lại các vụ án chính trị, trả tự do nhiều người hoạt động chống Pháp và phục hồi quyền công dân cho những người khác. Nhân dịp này, một số cán bộ Cộng sản trở lại với tổ chức cũ, và tích cực làm việc để phá hủy quyền lực của Kim (*L'Action*, 4/7/1945).

7. Đám Đông Tham Gia Chính Trị:

Sự đóng góp không thể từ chối được của chính phủ Kim là sự tham gia sinh hoạt chính trị của đám đông. Trong những buổi lễ, Kim vinh danh mọi anh hùng quốc dân, từ những quốc tổ huyền thoại, tức vua Hùng (2879-257 TTL), tới những anh hùng kháng Pháp như Nguyễn Thái Học, lãnh tụ Việt Nam Quốc Dân Đảng (VNQDD) đã bị xử chém cùng 12 đồng chí năm 1930. Một Ủy Ban được thành lập để lựa chọn danh sách các anh hùng sẽ được đưa vào Nghĩa Liệt Từ (*L'Action*, 26/6/1945). Tên đường phố được đặt lại. Tại Thuận Hoá (Huế), Lê Thái Tổ (1428-1433) vị vua đã dành lại độc lập từ tay nhà Minh năm 1428, thay thế Jules Ferry trên bảng tên đại lộ chính của thành phố. Tướng Hưng Đạo Đại Vương Trần Quốc Tuấn, (1229-3/9/1300), người hai lần chặn đứng sự xâm lăng của Mông Cổ năm 1285, và 1287-1288, thay cho Paul Bert. Ngày 1/8, tân Đốc lý Hà Nội là Trần Văn Lai còn đi xa hơn nữa khi cho lệnh phá bỏ những tượng đài do Pháp dựng lên tại các công viên trong chiến dịch xoá bỏ những tàn tích ô nhục (*Tin Mới*, 2/8/1945). Trong khi đó, báo chí Việt bùng nổ—tự do xuất bản những bài viết về các phong trào chống Pháp và những lời đả kích các cộng sự viên của Pháp. Những lời chỉ trích còn hướng vào cả Nguyễn Hữu Độ—người đã đóng vai trò quan trọng trong cuộc chinh phục của Pháp trong thập niên 1880 và bán rẻ cho Giám mục Paul Puginier chùa Báo Thiên và huyện Thọ Xương với giá tiền 100 quan, tức

khu nhà Chung tại Hà Nội hiện nay. (*Dân Mới*, 5-7/1945; *Hải Phòng*, 28/7/1945).

Kế hoạch đáng kể nhất là việc đoàn ngũ hoá tuổi trẻ. Bộ trưởng Thanh niên Phan Anh cố gắng tập trung và kiểm soát chặt chẽ các tổ chức tuổi trẻ đã bùng nổ từ sau ngày 9/3/1945. Ngày 25/5, một Dự ra đời đặt xuống cơ cấu tổ chức các hội thanh niên. Trên thượng tầng là một Hội Đồng Quốc Gia Thanh Niên, một tổ chức tư vấn, để cố vấn Bộ trưởng Thanh niên. Những cơ cấu tương tự được thành lập xuống tới cấp huyện (*L'Action*, 16/6/1945). Trong khi đó, thanh niên được mời tham gia các tổ, đoàn địa phương từ tỉnh tới xã. Mỗi tỉnh lỵ có một trung tâm huấn luyện, ở đó họ có thể tham dự những khoá huấn luyện kéo dài một tháng (*Tinh Tiến*, 30/6 và 7/7/1945; *Đàn Bà*, 26/7-7/8/1945; *L'Action*, 26/6/1945). Chính phủ cũng thành lập một trung tâm quốc gia cho *Thanh Niên Tiên Tuyển* tại Thuận Hoá. Khai giảng ngày 2/6, trung tâm này dự trù là tiền thân trường huấn luyện sĩ quan trong tương lai (Kim 1969:92). Vào cuối tháng 7, các trung tâm cấp bộ cho thanh niên xã hội được thành lập tại Hà Nội, Thuận Hoá và Sài Gòn. Trong khi đó, tại Hà Nội, Tổng Hội Sinh Viên và Thanh Niên bị con sốt độc lập chi phối. “Sinh viên” – có lẽ với sự trợ giúp của chính phủ – tự xuất bản tuần báo *Tự Trị* (*Tự Trị*, 21/4-26/6/1945). Cư xá Sinh viên Hà Nội trở thành một trung tâm hoạt động chính trị. Vào tháng 5, tháng 6, có dấu hiệu cán bộ Cộng sản, dưới danh nghĩa Việt Minh, đã xâm nhập sâu vào Cư xá Sinh viên, và các hiệp hội thanh niên cùng cứu đói. Đối diện sự bành trướng của Mặt Trận Việt Minh, Nhật nỗ lực tiếp xúc các lãnh tụ của tổ chức này, nhưng các sứ giả của Nhật đều bị giết. Hiến Binh Nhật bèn phản công, bắt giữ hàng trăm thanh niên Việt tại miền Bắc vào hạ tuần tháng 6 (Kim 1969:82-3).

8. Thống Nhất Lãnh Thổ:

Thành quả đáng kể nhất của chính phủ Kim là việc thương thuyết thống nhất lãnh thổ. Ngay sau khi chấm dứt chế độ Pháp, người Nhật chẳng sốt sáng gì với việc thống nhất lãnh thổ của Việt Nam. Tuy nhiên, sau khi chính phủ Kim thành lập, Nhật đồng ý trao trả Bắc Bộ,

dù còn giữ quyền kiểm soát các thành phố Hà Nội, Hải Phòng, và Đà Nẵng. Trong khi đó, Nam bộ hoàn toàn đặt dưới sự cai trị trực tiếp của Nhật, chẳng khác gì thời Pháp thuộc.

Bắt đầu từ tháng 5/1945, Ngoại trưởng Chương thương thuyết với Nhật tại Hà Nội, xin hoàn trả ba thị xã Hà Nội, Hải Phòng và Đà Nẵng cho Việt Nam, nhưng Nhật thoái thác vì Hà Nội và Hải Phòng là hai điểm then chốt của kế hoạch phòng thủ Đông Dương. Mãi tới tháng 6 và tháng 7/1945, Nhật mới đồng ý thực hiện những bước sơ khởi hướng về sự thống nhất lãnh thổ Việt Nam. Ngày 16/6, Nguyễn Phước Điện công bố Việt Nam sẽ được thống nhất trong tương lai (*L'Action*, 27/6/1945). Ngày 29/6, Tướng Tsuchihashi ký một loạt nghị định bàn giao một phần những trách nhiệm của chính phủ Liên bang Đông Dương—kể cả quan thuế, thông tin, và thanh niên, thể thao—cho ba chính phủ Việt, Miên và Lào (*L'Action*, 12/7/1945). Tiếp đó, Nguyễn Phước Điện ban hành 4 đạo Dụ: thành lập Hội Đồng Tư Vấn Quốc Gia; một ủy ban soạn thảo Hiến pháp gồm 15 người; một Ủy Ban 15 người khác nghiên cứu việc cải cách hành chính, pháp luật, và tài chính; và một Ủy Ban Cải cách Giáo dục, gồm hai [2] phụ nữ trong tổng số 18 ủy viên (*L'Action*, 13, và 17/7/1945; *Tinh Tiến*, 3/7/1945). Lần đầu tiên, các lãnh tụ miền Nam (như Trần Văn Ân và Hồ Văn Ngà) được mời tham gia các ủy ban trên.

Trong khi đó, những biến chuyển khác tại Nam bộ từ đầu tháng 7/1945 có thể coi như những bước chuẩn bị cho kế hoạch Nhật giao trả Việt Nam thống nhất lãnh thổ. Thượng tuần tháng 7, khi Nam bộ bùng bùng khí thế độc lập và đám đông tham gia hoạt động chính trị qua việc thành lập các tổ chức *Thanh Niên Tiên Phong* ở Sài Gòn cùng nhiều tỉnh lỵ, Thống đốc Minoda tuyên bố sẽ thành lập Hội Nghị Nam Bộ để giúp đỡ người Nhật cai trị. Hội nghị này có nhiệm vụ tư vấn về những vấn đề do Nhật đề xét và thanh tra các tỉnh. Mục đích chính của Hội nghị, Minoda nhấn mạnh, nhằm giúp người Việt hiểu được rằng họ cần phải hợp tác chặt chẽ với Nhật, vì “nếu Nhật bại trận, nền độc lập của Đông Dương sẽ lỗ đở” (*L'Action*, 16 & 23/7/1945). Sự hiện diện của

Trần Văn Ân cùng những nhân vật theo phò Cường Để trong Hội nghị này phản ánh sự thay đổi quan trọng trong thái độ của Minoda đối với vấn đề độc lập của Việt Nam, vì cho tới thời điểm này, viên Thống đốc Nhật nắm trọn mọi việc ở Nam Bộ trong tay. Tại buổi khai mạc Hội nghị Nam bộ ngày 21/7, Minoda gián tiếp nói đến sự thống nhất lãnh thổ của Việt Nam (*L'Action*, 24/7/1945). Sau đó, Trần Văn Ân được bổ nhiệm làm Chủ tịch Hội nghị, và Kha Vạng Cân, một lãnh tụ *Thanh Niên Tiên Phong*, Phó Chủ tịch.

Ngày 13/7, Trần Trọng Kim đến Hà Nội để thương thuyết với Toàn quyền Tsuchihashi. Tsuchihashi đồng ý trao trả ba thành phố Hà Nội, Hải Phòng và Đà Nẵng cho chính phủ Kim, hiệu lực từ ngày 20/7. Kim bèn cử Y sĩ Trần Văn Lai làm đốc lý Hà Nội, Luật sư Vũ Trọng Khánh, đốc lý Hải Phòng, và Nguyễn Khoa Phong đốc lý Đà Nẵng. Sau những cuộc thương thuyết kéo dài, hai bên còn đồng ý hoàn trả Nam bộ cho Việt Nam, và Kim sẽ lên đường vào Sài Gòn dự lễ thống nhất ngày 8/8.⁸²

Sự thành đạt lịch sử của Kim lập tức bị che phủ bởi áp lực bên ngoài và sự chia rẽ nội bộ. Ngày 26/7, từ Potsdam gần một Berlin điêu tàn, đổ nát, lãnh đạo các nước Mỹ, Trung Hoa và Bri-tên ra tuyên cáo đòi Nhật đầu hàng không điều kiện. Stalin không ký tên vì Nga Xô chưa tham chiến với Nhật. Nhật thì lúc này chẳng còn mong chiến thắng, mà chỉ muốn đạt được ngưng bắn trong danh dự. Tệ hại hơn, viên ảnh bị Đồng Minh trừng trị vì hợp tác với Nhật khiến nhiều người có thể hợp tác với Kim giữ thái độ xa cách. Các Bộ trưởng và những cộng sự viên phân tán dần. Khâm sai Bắc bộ là Phan Kế Toại—vây quanh bởi chính con trai và những người có cảm tình với Việt Minh hay cán bộ Cộng sản nằm vùng hoặc khuynh tả như Nguyễn Mạnh Hà và Hoàng Minh Giám—nạp đơn xin từ chức. Nguyễn Xuân Chữ, một lãnh tụ *Việt Nam Ái Quốc Đảng* và một trong năm thành

⁸²Kim 1969:81-88; *L'Action*, 30/7/1945; AOM INF G4; dẫn trong Marr, 1995:133n251, và 133n253. Xem thêm Vũ Trọng Khánh, "Tôi làm thị trưởng Hải Phòng (1994)," Phụ lục 9; Vũ Hoè, 2004:460-467.

viên của Ủy Ban Kiến Quốc, không đồng ý thay thế Toại (Thông Tin, 10/6/1945; Kim 1969:84, 91; Chử 1996:280). Trở lại Thuận Hoá, Kim cũng đối diện sự chống đối ngày một gia tăng giữa các Bộ trưởng. Trần Văn Chương (người đã khởi đầu thương thuyết với Nhật từ tháng 5) muốn được hưởng công về việc thu hồi ba thành phố và Nam bộ, và có thể cả chức Thủ tướng (Kim 1969:88-9). Phiên họp Hội đồng Bộ trưởng trong hai ngày 5 và 6/8 được đánh dấu bằng những cuộc cãi vã cá nhân và việc ba Bộ trưởng Nội vụ, Kinh tế và Tiếp tế. Hồ Tá Khanh, Bộ trưởng Kinh tế, còn đòi toàn chính phủ từ chức, nhường cho Việt Minh lên cầm quyền vì có thực lực (Kim 1969:166). Ngày 7/8, chính phủ Kim từ chức. Nguyễn Phước Điền yêu cầu Kim lập chính phủ mới, nhưng việc thế chiến đột ngột chấm dứt xen vào.

Ngày 8/8/1945, Liên Xô xua quân vào Manchuria (Mãn Châu) và tuyên chiến với Nhật. Hôm sau, trái bom nguyên tử thứ hai trút xuống Nagasaki, và Nhật không thể tiếp tục cuộc chiến. Thương thuyết được tiến hành, và Nhật quyết định cho Kim cùng những người Việt yêu nước những gì họ trông chờ bao năm dài—độc lập quốc gia và thống nhất lãnh thổ. Kim nhiều lần được thúc dục vào Sài Gòn chủ tọa lễ thu hồi miền Nam (Kim 1969:90). Nhưng nhiều yếu tố ngăn cản Kim rời kinh đô. Từ ngày 8/8, Phạm Khắc Hoè được Tôn Quang Phiệt cho lệnh xúi dục Bảo Đại thoái vị. Để thực hiện sứ mệnh này, Hoè tìm cách hạ uy tín Kim, đặc biệt là dèm pha việc Kim không thể mời những nhân vật nổi danh tham gia chính phủ mới ở Thuận Hoá (Phạm Khắc Hoè 1982:62-63). Trong khi đó Bộ trưởng Nội vụ Trần Đình Nam, nêu lý do những cuộc nổi dậy ở Thanh Hoá và Quảng Ngãi tại Trung bộ để ngăn cản Kim lên đường vào Sài Gòn (Phạm Khắc Hoè 1982:62-63; Kim 1969:89). Việc đón nhận chủ quyền ở Nam Bộ bởi thế phải ủy cho Hội Nghị Nam Bộ với Trần Văn Ân làm Chủ tịch từ ngày 21/7/1945. Rồi, ngày 14/8, Nguyễn Phước Điền bổ nhiệm Nguyễn Văn Sâm, cựu Chủ tịch Hội Ái Hữu Ký Giả Nam Kỳ, làm Khâm sai Nam Bộ (L'Action, 17/8/1945). Sâm lập tức rời Thuận Hoá vào Sài Gòn. Trong khi đó, Việt Minh đã lợi dụng thời cơ, tổng nổi dậy.

III. ĐOẠN KẾT KHỦNG HOẢNG

Trong tháng 8, Việt Nam trải qua một giai đoạn đầy biến động, trên bối cảnh chính trị quốc tế. Một mặt, phe Đồng Minh bắt đầu thực thi các kế hoạch hậu chiến đối với Việt Nam, từ giải giới quân Nhật tới chia chác vùng ảnh hưởng; mặt khác, ngay tại Đông Dương, người Nhật bị tê liệt không những chỉ vì lệnh đầu hàng đột ngột vô điều kiện mà còn vì viễn ảnh bị Đồng Minh trừng phạt. Với người Việt, các quan tướng Nhật bị phân chia theo yếu tố tâm lý và ý thức hệ. Một số viên chức Nhật ngả về phía Việt Minh, thả một số tù nhân Cộng Sản, cung cấp vũ khí cho Việt Minh, và một số còn phục vụ các lực lượng Việt Minh địa phương (Lieu et al 1960:I:43-4). Những người khác, kể các Tư lệnh quân đội, muốn dùng vũ lực yểm trợ chính phủ Kim và đánh dẹp Việt Minh (Etsumei) (Kim 1969:93; Dân Chủ, 12/9/1945; Chũ 1996:277-278, 288-289). Cả đất nước chìm vào cảnh hỗn loạn, mở đường cho các phe nhóm chính trị Việt chạy đua quyền lực.

Buổi tối trước ngày Nhật chính thức đầu hàng, Kim và các cộng sự viên muốn nắm lấy thời cơ để kiểm soát tình thế. Ngày 12/8, chính phủ đã từ chức của Kim được cải danh thành chính phủ lâm thời. Kim yêu cầu Bảo Đại ra một Dụ vào ngày 14/8 để hủy bỏ hòa ước 5/6/1862, và 15/3/1874, và như thế vô hiệu hoá mọi đòi hỏi chủ quyền của Pháp tại Việt Nam (Bao Dai 1980:114-115). Kim còn gửi đại diện ra Bắc, vào Nam để thống nhất các phe nhóm dưới quyền chính phủ trung ương ở Thuận Hoá, nhưng tất cả đều bị Việt Minh bắt giữ dọc đường—Hồ Tá Khanh tại Quảng Nam và Phan Anh tại Hà Tĩnh. (Kim 1969:91).

Trong khi đó, các lãnh tụ không Cộng sản tại Bắc bộ và Nam bộ cũng cố chống lại Việt Minh. Tại Bắc bộ, Y sĩ Nguyễn Xuân Chũ yêu cầu thành lập một Ủy ban Cứu quốc; Kim chấp thuận và ngày 16/8 bổ nhiệm Chũ làm Chủ tịch Ủy Ban Giám Đốc Chính trị Miền Bắc. Ủy Ban này gồm 5 người—Chũ, Toại, Thị trưởng Lai, Đặng Thái Mai, và Nguyễn Tường Long—nhưng thực tế chỉ có

mình Chử ở vào vị thế không uy quyền: Từ ngày 30/7/1945, Bảo An Bình của Đại úy Vũ Văn Thu, Giám đốc, và Thiếu úy Nguyễn Văn Yên, Phó Giám đốc, đã ngã theo Việt Minh do sự vận động của Y sĩ Trương Đình Tri. (*Hung Việt*, 2/8/1945). Chánh văn phòng Khâm Sai cưỡng lại lệnh triệt hạ cò Việt Minh mới xuất hiện ở nhà Thờ lớn [nhà Chung].⁸³

Thị trường Lai đồng ý cho tổ chức biểu tình ngày 17/8—mà trên thực tế là cuộc tổng diễn tập cho cuộc đoạt chính quyền hai ngày sau của Việt Minh, dưới sự chỉ đạo của Pezneff Trần Đình Long, thành ủy Đảng CSDD, và Đảng Dân Chủ, một giả túc mới của Việt Minh nhằm qui nạp những trí thức ngoài đảng, tức “thành phần trung gian.”

Tại Nam bộ, ngày 17/8, có thông báo tất cả những phe nhóm và đảng, kể cả các nhóm Trốt-kít và giáo phái Cao Đài, Hòa Hảo, tập hợp thành *Mặt Trận Quốc Gia Thống Nhất* (Sài Gòn, 15/8/1945). Trần Quang Vinh, một lãnh tụ Cao Đài, và Huỳnh Phú Sổ, người khai đạo Hòa Hảo, cũng ra một tuyên cáo chung thành lập liên minh để đối phó kịp thời với tình thế. (*Sài Gòn*, 15/8/1945; *L'Action*, 18/8/1945).

Ngày 19/8, tại Sài Gòn, *Thanh Niên Tiên Phong* tổ chức buổi tuyên thệ thứ hai, thề sẽ bảo vệ nền độc lập của Việt Nam bằng mọi giá. Hôm sau, Hồ Văn Ngà trở thành Quyền Khâm Sai Nam bộ, và cử Kha Vạng Cân, một lãnh tụ *Thanh Niên Tiên Phong*, làm Đô trưởng Sài Gòn/Chợ Lớn. Việc Khâm sai Nguyễn Văn Sâm về đến Sài Gòn ngày 22/8 mang lại cho *Mặt Trận Quốc Gia Thống Nhất* một kích thích, đó là bản tuyên cáo độc lập và thống nhất lãnh thổ.

Tuy nhiên, Việt Minh vẫn chiến thắng. Tại Hà Nội, ngày Thứ Sáu, 17/8, cán bộ Việt Minh thành công trong việc nắm quyền chủ động cuộc biểu tình cổ vũ độc lập và thống nhất lãnh thổ, ủng hộ chính phủ Kim, của Tổng

⁸³*L'Action*, 18/8/1945; *Hung Việt*, 2/8/1945; Kim 1969:91. Theo Y sĩ Chử, chức vụ này do Hãn đề nghị; *Hồi ký*, 1996:279-280.

hội Công chức. Hai ngày sau, Nguyễn Xuân Chữ phải trao quyền cho Việt Minh. Chiến thắng rúng động này, cộng với việc quân Nhật chính thức buông súng ngày 21/8, khiến các cộng sự viên của Kim thêm hoảng hốt. Chính phủ Kim tự tan vỡ. Ngày 23/8, Việt Minh thực sự nắm quyền. Hai ngày sau, vua ra tuyên cáo thoái vị, và Nguyễn Văn Sâm trao chính quyền cho Việt Minh tại Sài Gòn. Đế Quốc Việt Nam tàn lụn theo Khối Thịnh Vượng Chung Đông Á của Nhật.

Kết Luận

Chính phủ Trần Trọng Kim hoặc đã bị đánh giá thấp hay lãng quên. Khuynh hướng phù thịnh và sự thiếu tài liệu chính xác phần nào gây nên hậu quả này. Ngoài ra, các guồng máy tuyên truyền của các thế lực tảng lờ sự thực lịch sử, bẻ cong dữ kiện theo mục tiêu chính trị giai đoạn. Tuy nhiên, xúc động đã qua và các tài liệu vẫn khó cùng tư liệu nguyên bản khác đã được mở, chúng ta có thể đánh giá tầm quan trọng lịch sử của chính phủ Kim.

Dài theo sự hiện hữu ngắn ngủi, và trong hoàn cảnh cực kỳ khó khăn, chính phủ Kim đã tham gia vào việc phát động một cuộc cách mạng từ trên xuống, khởi phát từ cuộc thanh trừng chính quyền Decoux. Hai trong những khía cạnh quan trọng cần nhấn mạnh: Đó là sự kích thích đám đông tham gia sinh hoạt chính trị, và, hiện tượng Việt-Nam-hoá hầu hết các cơ cấu xã hội.

Sự đóng góp không thể chối cãi được của chính phủ Kim vào cuộc Cách Mạng 1945 của Việt Nam là sự bảo trợ tham gia sinh hoạt chính trị của đám đông. Dưới thời Pháp thuộc, tất cả những cuộc tụ họp đông đảo ngoài các buổi tụ họp gia đình, lễ nghi xã hội, hay thể thao đều bị cấm đoán và trừng phạt nặng nề. Qua thời Kim, việc tụ họp được khích lệ—kể cả những cuộc biểu tình ngoài đường phố, và diễn hành biểu lộ tinh thần độc lập về văn hoá cũng như chính trị. Đảng CSĐD, giống như các phe nhóm và đảng phái khác, đã lợi dụng cơ hội này để bành trướng tổ chức và tuyển mộ cán bộ. Hơn nữa, giới thanh niên 1945 không hoàn toàn thân Nhật hay liên hệ với Cộng Sản. Thực ra, giống như các tổ chức *pemuda*

(thanh niên) tại Indonesia, cả một thế hệ thanh niên Việt đã được động viên dưới sự bảo trợ của Kim cũng như quan Tướng Nhật.⁸⁴

Mặc dù không phải tất cả các tổ chức thanh niên sau này đều ngả theo Việt Minh, kế hoạch tổ chức thanh niên của Kim đã cung hiến cho mặt trận Việt Minh hàng chục ngàn người trẻ chỉ phục vụ dưới cờ Đảng CSĐD vì độc lập và thống nhất quốc gia mà không phải chủ thuyết Marxist-Leninist mà không chỉ họ xa lạ, ngay những cán bộ được huấn luyện từ Nga về cũng chỉ được huấn luyện đại cương về lý thuyết—giống như sách giảng tám ngày cho các thầy kẻ giảng Ki-tô. Tại miền Nam, chẳng hạn, thanh niên được tổ chức thành 4 sư đoàn dân quân để chống Pháp ngay sau khi Pháp, dưới bằng hiệu lực lượng chiếm đóng của Đồng Minh, tái chiếm Nam bộ trong tháng 9-10/1945.[19] Trong khi đó, lực lượng “danh dự” của Việt Minh tập trung nỗ lực vào việc thanh trừng những người họ lên án là Việt Gian—đặc biệt là phần tử Trốt-kít và lãnh tụ tôn giáo miền Nam, cùng các đảng viên Việt Nam Quốc Dân Đảng và Đại Việt ở miền Bắc và miền Trung. Dẫu vậy, sự liên kết ở thượng tầng giữa Hồ và các phe không Cộng sản chỉ bắt đầu soi mòn từ mùa Xuân 1946, sau khi Hồ đã ký với Pháp một Hiệp ước để hợp pháp hoá chế độ. Bản “Hiệp ước sơ bộ mùng 6 tháng 3 năm 1946” đây thị phi này, tưởng cần nhấn mạnh, chỉ cho Hồ tình trạng một “bang tự do” trong Liên bang Đông Dương và Khối Liên Hiệp Pháp—kém cả tình trạng một nước tự trị và, quan trọng hơn, chỉ là một lời hứa cho qua của Pháp để có thể đặt chân xuống miền Bắc một cách yên ổn (Vũ Ngự Chiêu, 1984: chương 12, 13, 14). Cuối cùng, sau khi cuộc chiến Pháp-Việt Minh bùng nổ trên toàn quốc, hiện tượng đám đông tham gia chính trị một cách tự do được lèo lái thành sự tham gia chính trị dưới sự kiểm soát của Cộng Sản. Tôi nghĩ rằng kiểu độc quyền yêu nước này dẫn đến sự tàn

⁸⁴John R.W. Smail, *Bandung in the Early Revolution, 1945-1946: A Study in the Social History of the Indonesian Revolution*. Ithaca: Cornell University, Modern Indonesia Project, Monograph Series, 1964

lụn của tinh thần cách mạng 1945 và, đưa đến hậu quả là cuộc Tam Thập Niên Chiến (1945-1975).

Diễn tiến Việt-Nam-hoá—nguồn động lực phía sau sự sinh tồn của dân Việt như quốc dân một nước độc lập trong bầu không khí bạo tàn của nền chính trị quốc tế—trở nên phức tạp hơn vì các vấn nạn độc lập và thống nhất lãnh thổ. Thoạt tiên, khi chuẩn bị cuộc hành quân Meigo, Nhật Bản không chủ trương trao trả độc lập hoàn toàn và tức khắc cho Việt Nam. Bởi thế, chẳng những Nhật không công nhận hay ký một hiệp ước nào với chính phủ Kim, ngay tên Kim cũng chẳng được nhắc nhỏ trên tờ *Nippon Times* [Nhật Bản Thời Báo]. Kim được hưởng khá nhiều tự trị ở miền Trung và Bắc, nhưng chỉ với điều kiện không ngăn cản mục tiêu chiến lược của Nhật. Đây là những điều kiện tổng quát đã ban cho chế độ Decoux trong giai đoạn cai trị gián tiếp của Nhật, hay ban cho Hồ Chí Minh trong giai đoạn quân Trung Hoa chiếm đóng Bắc Đông Dương thời hậu chiến. [20] So sánh nền độc lập có điều kiện của Kim dưới sự bảo trợ của Nhật, và sự độc lập “trên thực tế” của Hồ dưới chế độ quân quản Trung Hoa từ tháng 9/1945 tới tháng 6/1946, hay một “bang tự do” trong kế hoạch tái xâm lăng của Pháp, nền độc lập của Kim có vẻ ít “bánh vẽ” hơn chúng ta thường được nghe.

Thật vậy, vấn đề độc lập của những nước nhỏ thường phức tạp hơn ai đó có thể cả đoán: hiệp ước và thỏa ước về vấn đề “độc lập” thường tùy thuộc vào những điều kiện ưu thắng của chính trị quốc tế—đó là, “luật pháp” luôn trong tay kẻ mạnh nhất. Người ta cần lưu tâm rằng sự thực hiện những thỏa ước trên phản ánh sức mạnh tỉ đối giữa các nước hơn là thuần công pháp. Ngày 20/1/1946—ở những giờ phút cuối cùng trên ghế Thủ tướng Đệ tứ Cộng Hòa Pháp, chẳng những từ chối không cho Linh mục/Cao Ủy d’Argenlieu sử dụng hai tiếng “độc lập” trong khi thương thuyết với Hồ Chí Minh—de Gaulle còn đứng thẳng người dậy, nói với Thiếu tá Paul Mus, đặc sứ của d’Argenlieu: “Chúng ta trở lại Đông Dương vì chúng ta là những kẻ mạnh hơn”

[Nous rentrons en Indochine parce que nous sommes plus forts].⁸⁵

Viên chức sử nhà nước tại Hà Nội, và những người khác, thường lập đi lập lại rằng Việt Minh đã thống nhất đất nước dưới lá cờ cách mạng nền đỏ sao vàng. Tài liệu chứng minh rằng Kim đã thu hồi quyền thống nhất lãnh thổ trước ngày Nhật đầu hàng, và quan trọng hơn, nhiều bước chuẩn bị đã thực hiện ở Thuận Hoá và Nam Bộ để thực thi sự thống nhất ấy. Dụng tâm của người Nhật ra sao đi nữa khi thỏa mãn đòi hỏi thống nhất lãnh thổ của Kim, đây vẫn là một sự thực. [21] Một sự thực khác là Kim từ chối đề nghị của các Tướng Nhật để dùng quân Nhật đàn áp Việt Minh. Nếu Kim không giữ trung lập, Hồ và các cộng sự viên hẳn gặp nhiều khó khăn hơn trong việc đoạt chính quyền. Hơn nữa, nếu không có sự hoàn trả miền Nam từ 14/8 tới cuối tháng 9/1945, đòi hỏi thống nhất lãnh thổ của Hồ tại các bàn hội nghị hẳn thiếu cả tính cách pháp lý [22] cùng sự đáp ứng nồng nhiệt của người miền Nam. Những người làm công tác sử Cộng Sản Việt Nam—hoặc vì thiếu tư liệu, hoặc vì có chỉ thị—thường lướt qua quan điểm chính phủ Hồ bị coi như một “chính phủ sinh ra trong hỗn loạn” của cả Bri-tên lẫn Trung Hoa trước tháng 3/1946. Mountbatten còn lạnh lùng bịa đặt ra ngày tuyên bố độc lập “17/9/1945” để biện minh cho chủ trương dùng tù binh Nhật giúp Bri-tên và Pháp tái chiếm phía nam vĩ tuyến 16 từ cuối tuần 22-23/9/1945—công khai vi phạm các qui ước về tù binh trong công pháp quốc tế đương thời.⁸⁶

⁸⁵L’Institut Charles de Gaulle [ICG], *Le Général de Gaulle et l’Indochine, 1940-1946* (Paris: Plon, 1982), tr. 73; D’Argenlieu, *Chronique*, 1985:131-33. Chính Đạo, *VNNB, I-A: 1939-1946*, 1996:301. [Tài liệu văn khố ghi nhận ngày 7/1/1946, de Langlade thông báo với d’Argenlieu là Mus gặp Bộ trưởng Hải Ngoại Soustelle; rồi ngày 20/1/1946, de Langlade cho biết Mus sẽ gặp de Gaulle, Soustelle và Tướng Juin]; SHAT (Vincennes), Indochine, 10 H xxx [140]

⁸⁶Tài liệu số 1, “Extract from the Report to the Combined Chiefs of Staff by the Supreme Allied Commander, South-East Asia, 30 June, 1947;” Great Britain, *Parliamentary Debates, 1945-1946*; Jordan J. Paust, et al., *International Criminal Law: Cases and Materials* (Durham, N. Carolina: Carolina Academic Press, 1996), pp. 967-968.

Mặc dù Việt Nam chỉ được độc lập có điều kiện dưới chế độ quân quản Nhật, và dù đất nước chỉ được thống nhất gần cuối cuộc chiến, diễn tiến Việt-Nam-hoá của Kim rất hệ trọng. Kim đã loại bỏ ảnh hưởng của người Pháp—từ việc chọn chữ viết theo mẫu tự La-tinh làm quốc ngữ tới sự đổi tên các đường phố, thị xã và miền; từ việc tự do lập đảng tới việc thay công chức Pháp bằng công chức Việt. Trên các báo địa phương, các danh từ “Annam,” “Tonkin,” “Cochinchine,” và “Annamite” dần dần được thay thế bằng những từ mới có hàm ý tốt đẹp hơn. Sự việc đám đông chấp nhận sự thay đổi này có thể thấy trong sự duy trì những từ trên của chính phủ Hồ. Nếu xét đến sự sâu xa của việc người Pháp làm chủ người Việt—về văn hoá cũng như tinh thần—sự thay đổi của Kim rất quan trọng. Khảo sát những kế hoạch của Hồ từ sau ngày 2/9/1945, người ta thấy—ngoại trừ chế độ Cộng Sản và chủ trương độc quyền yêu nước của Hồ—hầu hết những điểm chính phủ Việt Nam Dân Chủ Cộng Hoà đưa ra vào cuối năm 1945 và đầu năm 1946 đều giống với các chương trình mà chính phủ tiền nhiệm đề ra: chữ Việt với mẫu tự La-tinh được dùng trong các lớp học và văn phòng; cải danh thị xã và đường phố; hủy bỏ việc ép bán thóc dư và thuế thân. Ngay trong buổi chiều ngày 2/9/1945, Hồ dấu kín đòi hỏi một bang tự trị trong Liên bang Đông Dương do Pháp kiểm soát, tuyên bố đã lấy lại Việt Nam từ tay Nhật, yêu cầu thị dân Hà Nội tuyên hứa 4 điều không làm: “thề: không đi lính cho Pháp, không làm việc cho Pháp, không bán lương thực cho Pháp, và không đưa đường cho Pháp,” nếu quân Pháp tái xâm lăng Việt Nam (Cứu Quốc, 5/9/1945; Giáp 1974:32).

Hẳn nhiên, sự giống nhau trên chỉ biểu kiến hơn thực chất. Sự khác biệt, nếu không phải đối nghịch, giữa Hồ và Kim ăn rễ sâu trong thân thế và ý thức hệ.

Xem thêm *List of War Crimes prepared by the Responsibilities of the Paris Conference in 1919* (members USA, British Empire, France, Italy, Japan, Belgium, Greece, Poland, Roumania, Serbia); *Ibid.*, pp. 24-25, 1017-1020.

Kim là một học giả thành công và một thị dân yêu nước trung dung. Hồ thiếu may mắn trên đường học vấn, năm 1911 không thành công trong việc xin vào trường Thuộc Địa mà Kim vừa tốt nghiệp; Hồ sống trọn tuổi thanh xuân trên các hải cảng xa lạ như một phụ bếp hay lao công; và, cuối cùng tìm thấy con đường cách mạng nhờ những bài viết của Lenin và sự yểm trợ của Liên Xô (Vũ Ngự Chiêu & Nguyễn Thế Anh, 1983). Cuộc phiêu lưu chính trị của Kim chỉ đột xuất vào tháng 10/1943; trong khi Hồ trải qua hơn hai thập niên tại quê người, nhà tù, rừng rậm và trường huấn luyện của Liên Xô—với đầy đủ ngọt, bùi, chua, cay của hoạt cảnh chính trị mà có lẽ chính Hồ cũng cảm nhận được rằng tiểu đồng Quốc Tế Cộng Sản khó vượt qua những đại dị như quyền lợi và an ninh quốc gia, và ngay cả tinh thần kỳ thị chủng tộc. Hồ từng thoát một âm mưu ám sát của Pháp tại Quảng Châu năm 1927, bị triều Huế qua tòa án Vinh lên án tử hình năm 1929, và trên đại thể có kinh nghiệm về sự tàn bạo của nền chính trị quốc tế.⁸⁷ Thật khó hiểu nếu sống thọ thêm 15 tuổi, Hồ sẽ nghĩ gì về “bài học Đặng Tiểu Bình” năm 1979 và tham vọng bành trướng đất đai và lãnh hải của Trung Nam Hải.

Kim là một thầy giáo có nhân sinh quan Khổng giáo; với quan niệm phổ chúng về sự tham gia xã hội—đó là, nhập hay xuất thế đúng thời cơ, và làm hết sức mình. Ngược lại, Nguyễn Sinh Côn—trẻ hơn Kim khoảng 10 tuổi—là một cán bộ cách mạng Cộng sản chuyên nghiệp [agitprop] có sự tháo vát của những người thông minh dưới phố. Côn giành đoạt uy quyền bằng một quyết tâm, và bằng mọi giá. Đề nghị cho Mỹ khai thác Cam Ranh năm 1946, hay lá thư Phạm Văn Đồng gửi Chu Ân Lai ngày 14/9/1958—chấp nhận tuyên cáo ngày

⁸⁷Xem những thư từ và khiếu nại của Hồ gửi tứ cường trong *US-Vietnam Relations, 1945-1967*, Book 1, tr. C 66-100. Xem thêm báo cáo của Abbot Moffat, trong Leon B. Blum, *The United States and Vietnam, 1944-1947*, (Washington: GPO, 1972).

4/9/1958—chỉ là vài thí dụ về bản chất Nguyễn Sinh Côn.⁸⁸

Về ý thức hệ, Kim tin ở sự tiến hoá của xã hội: Sự thay đổi, bởi thế, cần tuần tự và dưới sự điều giắt của những người tài đức hầu tránh sự sụp đổ đột ngột của trật tự xã hội và đạo lý. Ngược lại, bị xã hội hiện hữu chối bỏ, Côn chủ trương lật đổ toàn vẹn các biểu tượng và tàn dư của phong kiến và thực dân hầu xây dựng một xã hội và nhà nước “xã hội chủ nghĩa.” Ngoài đặc tính có khả năng thu phục lòng người, niềm tin vững mạnh vào chủ thuyết Marxist-Leninist đã được đơn giản hóa thành tinh thần Lương Sơn Bạc (giống như Mao Nhuận Chi tức Trạch Đông thuở thanh niên), một đảng tổ chức chặt chẽ và kỷ luật thép, một quân đội riêng, thân thể Côn và những liên hệ với hai đại siêu cường ở thời điểm chấm dứt Thế chiến thứ hai đã cho Côn thế ưu thắng trong cuộc chạy đua quyền lực vào tháng 8/1945. Tuy nhiên, trong hai năm 1945-1946, giống như người tiền nhiệm, Côn đã bị ngoại cảnh chi phối sâu xa. Quyết định giải tán Đảng CSDD (ngày 11/11/1945) cùng chính sách mềm dẻo với Trung Hoa và Pháp phản ánh rõ ràng ảnh hưởng sâu đậm của chính trị thế giới trên Việt Nam ở giờ phút đất nước sắp bị *quốc-tế-hoá*. Vì thế, chẳng có gì ngạc nhiên khi năm 1946 Côn đành tạm lùi một bước trên tiến trình *Việt-Nam-hoá*. Chẳng những bí mật thương thuyết với Pháp, Côn còn ký với Jean Sainteny Hiệp ước Sơ bộ ngày 6/3/1946—với những điều kiện mà ví thử người Pháp tôn trọng chúng, quân Pháp vẫn tiếp tục trú đóng tại “Việt Nam tự do” và chuyên gia Pháp vẫn nắm giữ các chức vụ tại xứ này, trong khi vấn đề thống nhất lãnh thổ và độc lập chỉ được mơ hồ giải quyết bằng điều khoản “trung cầu dân ý.”⁸⁹

⁸⁸Vũ Ngự Chiêu Hoàng Đỗ Vũ, *Kiện hay Không Kiện*, 2015-2016, tập 3, tr 71, 99-102.

⁸⁹Vũ Ngự Chiêu, “Social and Cultural Change,” 1984, chap 12; Idem., “Hiệp ước sơ bộ 6/3/1946,” *Hợp Lưu* (Fountain Valley, CA), số 88, 4-5/2006, tr. 95-148.

Vai trò lịch sử của chính phủ Kim quả quan trọng hơn người ta thường đánh giá. Sự thực, có thể giống như Võ Giáp viết, là trong tháng 8/1945, Việt Minh

đã nhổ những lá cờ quẻ ly vàng úa, một sản phẩm của thời kỳ Nhật thuộc ngấn ngủi, như bút đi những chiếc lá sấu. (Giáp 1974:22).

Guồng máy chế độ Kim tự vữa nát, biến dạng, từ Hà Nội tới Huế và Sài Gòn. Vòn vẹn trong vòng mười ngày ngấn ngủi, cả một giải giang sơn đổi chủ. Dầu vậy, những thành quả của Kim chẳng phải “chìm nhanh vào sự lãng quên không để lại một dấu vết” (Ibid.) Ở phân tích cuối cùng, ít nữa cho tới chuyển đi Bắc Kinh và Mat-sco-va năm 1950 bí mật cầu viện khối tân QTCS, Côn là người thụ hưởng chính, trong số những việc khác, sự thành tựu của Kim trong “giai đoạn cách mạng dân tộc tự sản,” bước đầu tiên của cuộc phiêu lưu vô định từ một hành tinh nửa phong kiến, nửa thực dân đã chết, tới một xã hội “công hữu nguyên thủy” chưa ai được tri nghiệm, và có thể chẳng bao giờ có khả năng chào đời.

Madison, Wisconsin, 6/10/1984

Houston, Texas, 4/8//2020

Vũ Ngự Chiêu, Ph.D., J.D.

Phụ Bản I:
QUỐC HIỆU VIỆT NAM

1/6/1802 [2/5 Nhâm Tuất]: Nguyễn Chung lên ngôi vua, đặt niên hiệu là Gia Long. (*ĐNTLTB*, I, 11-12, 1962:230-264, & *ĐNTLCB*, I, I, 2:1778-1802, 1963:27, & XVII, 3:1802-1809, 1963:23-24)

Ban chiếu: Kinh Xuân Thu trọng nghĩa nhất thống là đế chính danh nghĩa khi mở đầu. Từ tiên thái vương ta dựng nền ở miền Nam, thần truyền, thánh nối đã 200 năm. Gần đây Tây Sơn nổi loạn, vận nhà Lê đã hết, hơn vài mươi năm trong nước không có chính thống. Năm Canh Tí [1780] ta mới ở thành Gia Định, được các tướng sĩ suy tôn, đã lên ngôi vương để giữ lòng người. Duy đô cũ còn chưa phục, nên còn theo niên hiệu cũ [nhà Lê] (*ĐNTLCB*, I, XVII, 3:1802-1809, 1963:23-24)

Tháng 5-6/1817 [5 Đinh Sửu, 15/5-13/6/1817], Nguyễn Phước Chung lại tuyên bố: Lấy được cơ nghiệp từ Tây Sơn, không phải nhà Lê. [Việc Lê Duy Hoán mưu với con Nguyễn Văn Thành là] phản nghịch. (*ĐNTLCB*, I, LV, 4: 1809-1820, 1963:321-322)

Sai Trịnh Hoài Đức, Thượng thư Bộ Hộ, đi Quảng Đông trao trả ấn tín nhà Thanh đã phong cho Tây Sơn. Phái đoàn có Ngô Nhân Tĩnh (Tham tri bộ Binh), và Hoàng Ngọc Uẩn (Tham tri bộ Hình) (*ĐNTLCB*, I, XVII, 3:1802-1809, 1963:29-30; *Khâm Định Đại Nam Hội Điển sự lệ*).

[Tháng 11 Nhâm Tuất, lại sai Lê Quang Định đi sứ, xin lấy quốc hiệu là *Nam Việt*. Nhưng năm 1804, Ngung Diễm, tức Thanh Nhân tông Gia Khánh [Jiaqing] chỉ cho quốc hiệu *Việt Nam* để khỏi lầm lẫn với Mãn Việt và Đông Việt (Quảng Đông và Quảng Tây). (*ĐNTLCB*, I, XXIII, 3:1802-1809, 1963:91, 157-158)]

Dẫn đại quân thủy bộ đánh ra Bắc.

Ngày 16/6/1802 [17/5 Nhâm Tuất] Lê Văn Duyệt dẫn bộ binh, Nguyễn Văn Trương cầm đầu thủy binh xuất phát. Ngày 20/6/1802 Nguyễn Phước Chung rời Huế ra Bắc, ngày 26/6/1802 thủy binh phá đồn Hoàn Sơn, ngày 27/6/1802 Hà Trung, ngày 30/6/1802 chiếm Vĩnh Dinh Nghệ An, ngày 16/7/1802 bộ binh tới chân thành Thăng Long; dân Kinh Bắc bắt được Nguyễn Quang Toàn, giao nộp.

Ngày 20/7/1802 [21/6 Nhâm Tuất] Nguyễn Phước Chung vào Hà Nội. Trong vòng một tháng, thu phục tất cả 14 trấn, 47 phủ, 187 huyện, 40 châu. *ĐNTLCB*, I, XVII, 3:1802-1809, 1963:37, 42-43; *ĐNCBLT*, XXX: 55AB, (Sài Gòn: 1970), tr 222-225 [ghi là ngày 22/7/1802, tức 23/6 Nhâm Tuất])

23/2/1804 [Ngày Quý Mão, 13/1 Giáp Tý]: Hà-Nội: Sứ nhà Thanh là Tề Bố Sâm, án sát Quảng Tây, làm lễ tuyên phong Nguyễn Phước Chung làm Việt Nam Quốc Vương.

Dụ của *Ái Tân Giác La Ngung Diêm* (niên hiệu Gia Khánh [*Jiaqing*], tức Thanh Nhân Tông, 1796-1820)

"Đặt chữ Việt lên trên, tỏ ý vẫn theo cương thổ đời trước, đặt chữ Nam ở dưới để biểu dương phiên quốc mới được sắc phong." [mà đối với với tên gọi cũ của Luỹng Việt lại phân biệt hẳn]; (*ĐNTLCB*, I, XXIII, 3:1802-1809, 1963:157-158; *Bừu Cầm*, tr. 108)

Sai bọn Lê Bá Phẩm, Trần Minh Nghĩa, Nguyễn Đăng Đệ đi sứ tạ ơn và cống lễ. 2 năm cống một lần. Bốn năm gom lại đi sứ một lần. (*ĐNTLCB*, I, XXIII, 3:1802-1809, 1963:157-158;

28/3/1804 [Đinh Sửu 17/2 Giáp Tý]: Huế: Nguyễn Phước Chung làm lễ Thái Miếu, tuyên bố quốc hiệu là Việt Nam. (*ĐNTLCB*, I, XXIII, 3:1802-1809, 1963:169-170)

Ra Chiếu về quốc hiệu Việt Nam (Việt Thường), không được xưng An Nam nữa.

Báo tin cho các nước lân bang Xiêm La, Lữ Tống cùng các thuộc quốc Chân Lạp, Vạn Tượng]; (*ĐNTLCB*, I, XXIII, 3:1802-1809, 1963:169-170; *Bừu Cầm*, tr. 108; *QTCBTY* 1971:58-59).

2 [3?]/3/1804 [Tân Hợi, 21/1 Giáp Tý]: Nguyễn Phước Chung rời Hà Nội. *ĐNTLCB*, I, XXIII, 3:1802-1809, 1963:161;

6/3/1804 [Ất Mão, 25/1 Giáp Tý]: Nguyễn Phước Chung về tới Thanh Hóa. *ĐNTLCB*, I, XXIII, 3:1802-1809, 1963:161;

?4/3/1804 [22/1 Giáp Tý]: * Thanh-Hoa: Nguyễn Phước Chung ban chỉ dụ về 5 điều lệ hương đảng cho các xã dân Bắc Hà. "Nước là hợp các làng mà thành. Từ làng lên nước, dạy dân nên tục, vương chính lấy làng làm trước." *ĐNTLCB*, I, XXIII, 3:1802-1809, 1963:162-169;

1. Về tiết ăn uống.
2. Về lễ vui mừng.
3. Về lễ giá thú

Lễ cưới chằm chước trong 6 lễ; tùy khả năng, không được viết giấy khế cầm cố ruộng đất.

Hương trưởng thu tiền *cheo* 1 quan, 2 tiền nhà giàu; 6 tiền, nhà vừa, 3 tiền nhà nghèo. Làng khác, gấp đôi.

Chùa hoang, gian phụ phật 30 quan; cha anh 3 quan để giữ phong hoá.

4. Việc tang tế:

5. *Việc thờ thần, thờ Phật*: Không được sửa chữa các nhà thờ, chùa chiền v.. v.. nếu không được phép của các quan địa phương. Nếu vi phạm, xã trưởng phải bị đày đi xứ xa, dân thì sung làm dịch phu, nhẹ thì đánh roi hay trượng, "để bớt tổn phí cho dân, mà giữ phong tục thuần hậu." (ĐNTLCB, I, XXIII, 3:1802-1809, 1963:166-269. Tài liệu truyền giáo ghi ngày 4/3/1804, khi Nguyễn Phước Chung đang trên đường từ Hà Nội vào Thanh Hóa; Phan Phát Huồn 1960, I:267-268).

Về đạo Ki-tô:

"Lại như đạo Gia tô là tôn giáo nước khác truyền vào nước ta, bịa đặt ra thuyết thiên đường địa ngục khiến kẻ ngu phụ ngu phụ chạy vạy như điên, tiêm nhiễm thành quen, mê mà không biết. Từ nay về sau, dân các tổng xã nào có nhà thờ Gia tô đồ nát thì phải trình quan trấn mới được tu bổ, dựng nhà thờ mới thì đều cấm."

Mục đích nhằm "cố đổi tệ cũ, kính giữ giáo điều. Nếu cứ quen theo thói làng, can phạm phép nước, có người phát giác thì xã trưởng phải đồ lưu đi viễn châu, dân hạng, nặng thì sung dịch phu, nhẹ thì xứ roi hay trượng, để bớt tổn phí chi dân, mà giữ phong tục thuần hậu." (ĐNTLCB, I, XXIII, 3:1802-1809, 1963:168-169)

Phụ Bản II:

CƯỜNG ĐỂ (1882-1951)

Sinh năm 1882 ở Sài Gòn.

Dòng dõi Thái tử Cảnh, được Phan Bội Châu và các đồng chí như Nguyễn Hàm [tức Thành], Đỗ Tuyên, Châu Thơ Đồng ở Quảng Nam, ông đạo Trần Nhật Thị ở Thất Sơn, cùng

một số giáo dân Ki-tô từ Quảng Bình tới Nghệ An chọn làm Minh Chủ lo việc chống Pháp.

27/1/1906 [Mồng 3 Tết Bính Ngọ], Cường Để rời Huế, vào Quảng Nam, rồi xuống tàu ở Đà Nẵng ngày 4/2/1906 [11 Tết] cùng Đặng Tử Kính và Đặng Thái Thân, ra Hải Phòng. Vào Nam Định ít ngày, rồi trở lại Hải Phòng, xuống tàu của Lý Tuệ chạy đường Hong Kong. Người hộ vệ là Đặng Tử Kính (CĐCMCD 1957: 20-2).

26/11/1906: Levecque báo cáo về tình trạng những người có thể kể vị Thành Thái: Phải loại bỏ Cường Để (GGL, 9577).

1908: Rời Nhật qua Trung Hoa, rồi Xiêm.

1909: Ở Trung Hoa. 1913: Có mặt tại Singapore. Vợ con bị bắt ở Nghệ-an. 9/1913: Có mặt tại Gênes, rồi Berlin, Charlottenburg và London.

5/9/1913: Hội Đồng Đề Hình (Commission Criminelle) tuyên án tử hình khiếm diện Cường Để (còn được biết như Hoàng Thực, Vong Xóc Kỳ Ngoại Hầu).

Ngoài ra, còn có:

- **Phan Bội Châu** (1868-1940), bí danh Sào Nam Tử;

- **Nguyễn Quỳnh Chi** (1874-?): Túc Thường Sinh, Thạc Chi, Hai Thạc, Trọng Thường, Trọng Thường, Tư Thanh, Thày Tư Thanh (Con thứ hai Tán Thuật; gốc thôn Xuân-dục, xã Xuân-đào, tổng Bạch-sam, huyện Mỹ-hào, tỉnh Hưng Yên. Anh của Cả Sinh, đã bị chém ở Bần Yên Nhân năm 1903, con nuôi Nguyễn Thiện Hiếu, tức Quang Phủ hay Tiêm Quì, anh của Tán Thuật và Hai Kế. Lấy con gái Cử nhân Nguyễn Tịnh, Tri phủ Tòng Hoá, gốc làng Bình-lao, huyện Cẩm-giàng, tỉnh Hải Dương. Đặc điểm: Teint noir, marques légères de varirole, grand et fort. *Quelques brins de moustache, cheveux coupés.*

- **Nguyễn Cẩm Giang** (1877-1959): Tự Nguyễn Hải Thần, Hải Thần, Tú Đại-từ. Sinh tại làng Đại-từ, huyện Thanh-trì, tỉnh Hà Đông. (Em Nguyễn Bá Nhuân, nho tại Tòa công sứ Lào-kay. Anh em họ của Nguyễn Bá Hoạt, ở Quảng Tây. Trước khi xuất ngoại, ở Hà Nội, số 20 phố Hàng Quạt, nhà của các cô, như Nguyễn Thị Phúc).

- **Nguyễn Văn Thúy** (1882-1913): Tự Hàn Minh, hay Tài Xế. Gốc thôn Mỹ-thanh, xã Lương-quan, tổng Quỳnh-hoàng, huyện An-đương, tỉnh Kiến An. Thợ máy của công ty Hoả Xa Đông Dương và Vân Nam [cho tới tháng 12/1910]. Sống tại Gia Lâm, nhà người anh là Nguyễn Văn Tư, nhân viên của cùng hãng hỏa xa nói trên. Theo một nguồn tin, chết vào đầu tháng 6/1913, chôn tại núi Lang Đông, phủ Kinh-môn, Hải Dương.

- **Nguyễn Bá Trác:** Túc Cử Trác. Gốc làng Bảo-an, phủ Điện-bàn, tỉnh Quảng Nam. 8/7/1913: Bị bắt ở Hong Kong, được tạm thích với tiền thế chân 2,000\$.

- **Nguyễn Thiện Kế** (1849-?): Túc Nguyễn Văn Vân, hay Trung Khả, Đương Dân, Hai Kế. Sinh ngày 11/8/1849 (28/6 Kỷ Dậu). Anh Nguyễn Thiện Thuật. Có 2 vợ. 1. Phạm Thị Sinh, cùng làng Bạch-sam, Mỹ-hào, Hưng Yên. Sinh ra Thống Chi. 2. Trần Thị Thìn, làng Dương-xá, huyện Cẩm-giàng. Sinh ra 1 gái (Yên Thư), 1 trai (Kỷ Chi). Cao khoảng 1.65 mét. *Visage plein, teint foncé, cheveux noirs, yeux grands injectés de sang, barbe noir, fournie, longue de 10cm environ, moustaches longues, noires, grand nez busqué, dents jaunatres, ongle long.* Trong thời kháng chiến Bãi Sậy, cạo đầu như các sư và thường ngụy trang làm hòa thượng. Đầu hơi nghiêng về phía vai trái và khi đi phải di động vai để lấy thăng bằng. Lý do là từng bị thương nặng ở đầu.

- **Đặng Hữu Bằng** (1883-?) Túc Đặng Trọng Hồng, Đặng Han, hay Cả Bằng, Cậu Thông, Xung Hồng. Gốc làng Hành-thiện, Nam định. 1905: Qua Nhật. Tốt nghiệp trường võ bị Nhật. 1908: Giáo quan Trung Hoa. 1913: Có mặt ở Long Châu. Án: Đày.

- **Nguyễn Văn Đông** (1885?-?) Túc Đương, hay Nghĩa Phương. Gốc làng Phương-liệt, ngoại ô Hà Nội. Liên lạc viên của các nhà cách mạng, giữa Sài Gòn và Long Châu. Án: Đày.

- **Văn Thiên:** Túc Quán Tiên, hay Cai An. Gốc huyện Bình-lục, Nam Định. Từng làm "cai" cho Linh mục Duhamel tại Hoàng-xá, phủ Quốc-oai, tỉnh Sơn Tây. Sau đó làm tại đồn điền Courret, tại Phúc Yên. Án: Đày.

- **Nguyễn Hảo Vĩnh** (1891?-?): Tự Xương Chi, Sư Chi, Sư Ông, Hai Vĩnh. Gốc Sa-đéc. Con Nguyễn Hảo Văn, cựu thư ký de l'inspection ở Cần Thơ. 1908: Qua Hong Kong. Nói khá thành thạo tiếng Mỹ và Pháp. Án: Đày.

- **Đặng Bình Thành** (1891?-?): Tự Hoàng Bình Sinh, Huỳnh Bình Sanh, tự Joseph Thành, tự Nông Hoang. Gốc Vĩnh Long. 6/1913: Bị bắt ở Hong Kong. Tự khai là chế bom, chuyển về Nam Kỳ. Bị án 6 tháng tù ở, phạt vạ 250\$. Án: Đày.

Mùa Thu 1913: Từ Berlin (Đức), Cường Để ủy Trương Duy Toàn cầm hai lá thư gửi cho Phan Châu Trinh và Toàn Quyền Albert Sarraut. Trinh dẫn Toàn tới gặp Pierre Guesde, Phụ tá Chánh Văn Phòng Bộ Thuộc Địa.

3/1914: Trở lại Trung Hoa. 4/1914: Đi Bắc Kinh. 1915: Trở lại Nhật.

1919: Viết một loạt thư ngỏ đòi tự trị cho An-Nam. Một số báo Trung Hoa đăng thư Cường Để.

1923: Có phong trào vận động ủng hộ Cường Để tại Nhật.

2/1939: Thành lập *Việt Nam Phục Quốc Đồng Minh Hội* ở Hong Kong. Sau đó qua Đài Loan cầm đầu một chương trình phát thanh tiếng Việt về nội địa.

1940: Tổ chức của Cường Để thành lập *Việt Nam Kiến Quốc Quân*, do Trần Phước An, Trần Trung Lập và Hoàng Lương chỉ huy.

9/1940: Kiến Quốc Quân vào Lạng Sơn. Tuy nhiên, sau đó được lệnh Nhật phải rút qua Quảng Châu.

11-12/1940: Trần Trung Lập và 2,000 quân quyết định ở lại đánh nhau với Pháp. Ngày 26/12, bị Pháp bắt cùng hơn 20 thuộc hạ. Sau bị Pháp giết.

11/1/1944: Cường Để viết bài "Kỳ Ngoại Hầu Khuyển cáo Quốc dân." Bài này chỉ đăng trên báo *Nước Nam* vào mùa Xuân 1945 (NN, 14/4, 28/4, 5/5 và 12/5/1945).

16/1/1945: Hai con là Tráng Cử và Tráng Liệt được Nhật đưa qua Bangkok, ở chung với Đặng Văn Ký, Trần Trọng Kim (Kim 1959:34,38,40).

3/1945: Nhiều nhân vật thế lực ở Tokyo vận động cho Cường Để về nước, nhưng Tướng Tsuchihashi, Tư lệnh Quân Đoàn 38, không đồng ý. Bị áp lực, có lần Tsuchihashi tuyên bố với thuộc hạ: "Cứ đưa hắn về đây. Ta sẽ tống cổ hắn vào Côn-lôn."

20/7/1945: Cường Để họp báo, cảm tạ những người bạn Nhật. Hứa là khi về nước sẽ hợp tác trung thành với Nhật.

30/7/1945: Làm tiệc chia tay để về nước giữ chức Cơ Mật Viện trưởng của Bảo Đại. Tuy nhiên, không có phi cơ, và rời Nhật đầu hàng.

5/7/1946: Cường Để viết thư cho Tổng Lãnh sự Pháp, yêu cầu trả tự do cho Việt Nam.

13/8/1946: Mật thám Pháp báo cáo về Cường Để.

17/8/1946: D'Argenlieu viết thư cho BHN, nói Cường Để không đáng chú ý. CAOM (Aix), HCFI, CP 255.

10/8/1948: Viết thư cho Chủ tịch Quốc Hội Pháp, yêu cầu thương thuyết với Bảo Đại để cứu Việt Nam khỏi họa Cộng Sản (7F 29, p. 15).

8/1950: Gặp Ngô Đình Diệm và Ngô Đình Thục khi hai người này ghé Nhật, trên đường qua Mỹ và Roma. Mưu định thành lập một chính phủ chống Cộng.

1951: Chết tại Nhật. Được truy điệu linh đình ở Việt Nam.

Kim's historic achievement was promptly overshadowed by external pressure and internal schism. On July 26, the leaders of the United States, China and Great Britain issued a declaration demanding Japan's unconditional surrender. Japan's position was no longer to win the war but simply to search for an honorable cease-fire. Worse still, the possibility of future punishment by the Allies for collaboration with the Japanese discouraged many who might have sided with Kim. Kim's ministers and collaborators fell away. The Imperial Commissioner of Bac Bo, Phan Ke Toai—flanked by his own son and other Viet Minh sympathizers or underground Communists like Nguyen Manh Ha and Hoang Minh Giam—submitted his resignation. Nguyen Xuan Chu, a leader of the Vietnamese Patriotic Party and one of the five members of Cuong De's National Reconstruction Committee, could not be persuaded to replace Toai. (93)

93. Nguyen Xuan Chu, *Hoi Ky* [Memoirs] (Houston: Van Hoa, 1996), pp. 271-73. It should be noted that during this period, rumors of Cuong De's homecoming began to spread around the country. Thông điệp đề ngày 11/1/1945 của Hoàng thân được đăng trên ruyền báo Nước Nam ở Hà Nội, số 264, 266-268, ngày 28/4 đến 12/5/1945. Đại diện VN tham dự Hội Thảo Đại Đông Á tại Kudan (Nhật) vào tháng 5/1945, dưới sự bảo trợ của Tổng Nha Phát Triển Á Châu của Hội Trợ Giúp Hoàng triều của Tướng Matsui. Ngày 21/5, Kỹ sư Vũ Văn An, một người ủng hộ Cường Đế, từ Tokyo trở lại Sài Gòn, tuyên bố sẽ có thay đổi lớn trong tương lai gần (Hải Phòng, 1/6/1945). Ít ngày sau, báo Thông Tin ở Hà Nội đăng hình năm người thuộc Ủy Ban Kiến Quốc (Ngô Đình Diệm, Nguyễn Xuân Chữ, Vũ Văn An, Vũ Đình Dy và Lê Toàn). (Thông Tin, 10/6/1945) Ngày 28/5, Trần Văn Ân, lãnh tụ Phục Quốc miền Nam, rời Singapore về Sài Gòn. Sau đó, được cử làm Chủ tịch Hội Nghị Nam Bộ. Ngày 30/7/1945, Nippon Times đi tin Cường Đế đăng lời cảm tạ của Cường Đế với Hoàng gia Nhật, và tiết lộ Hoàng thân đang chờ phi cơ về nước giúp Bảo Đại, coi Cơ Mật Viện. (Nippon Times, 30/7/1945). Nhưng Cường Đế không về nước, và tình trạng thiếu phi cơ có lẽ là lý do chính đáng. Sau này, Cường Đế viết thư cho Pháp, nhưng Pháp không đánh giá cao Hoàng thân. Năm 1950, trên đường qua Mỹ, Diệm gặp Cường Đế bàn việc lập chính phủ chống Cộng, nhưng Hoàng thân chết ít lâu sau. (CAOM (Aix), HCFL, CP 255)

[*The Prince's message to his citizens, dated January 11, 1944, was published in a weekly magazine in Hanoi in April 1945 (Nuoc*

Nam, Nos. 264, 266-268, 28 April -12 May 1945). Vietnamese representatives reportedly attended the Greater East Asia Conference held at Kudan (Japan) in May, under the auspices of General Mitsui's Asian Development General Headquarters of the Imperial Rule Assistance Association. On May 21, Vu Van An, one of Cuong De's followers, returned to Saigon from Tokyo and declared that there would be an important change in Vietnamese politics in the very near future (Hai Phong, 1 June 1945). A few days later, the Hanoi weekly *Thong Tin* [Information] published a photograph of five patriots belonging to the Committee for National Reconstruction [Uy Ban Kien Quoc], including Vu Van An, Vu Dinh Dy, Ngo Dinh Diem, Nguyen Xuan Chu and Le Toan—all of whom had been rumored to be members of Cuong De's exile government prior to March 9, 1945. (*Thong Tin*, 10 June 1945) Meanwhile, on May 28, Tran Van An—known as one of the two leaders of the Phuc Quoc in Nam Bo—was brought back to Saigon after nearly two years in exile in Singapore. According to Shiraiishi ("La presence japonaise," pp. 239-240), in a meeting with Bao Dai on June 11, Tsuchihashi brought up the issue of Cuong De and obtained Bao Dai's approval for his return to Viet-Nam as president of the Privy Council. Not much more than this, however, is known about the Tsuchihashi-Bao Dai meeting. What we can be certain of is that there was a tentative plan to bring Cuong De back to Viet Nam. On July 20, 1945, General Matsui declared in Japan that the Prince was to return to Viet-Nam to assist his nephew, Bao Dai, in state affairs. Five days later, Cuong De also issued a statement stressing his gratitude to Japan and pledging his sincere collaboration with Japan after his home return. (*Nippon Times*, 30 July 1945) Cuong De, however, did not return to Viet Nam. The sudden end of the war might be a plausible explanation].

Trần Văn Chương (1898-1986)

Sinh ngày 2/6/1898 tại Phủ Lý. Con Trần Văn Thông, Tuần phủ Hải Dương (sau này lên tới Tổng đốc), và Bùi Thị Lan, em gái Bùi Quang Chiêu.

1922: Lấy Thân Thị Nam Trân, con gái Thân Trọng Huề. (Sinh được 1 trai, 2 gái). 1913: Học ở Algeria và Pháp. Tiến sĩ Luật năm 1922. 24/3/1922: Về nước. 16/9/1924: Vào quốc tịch Pháp. 1925-1933: Luật sư ở Nam Kỳ. 1933-1945: Luật sư ở Bắc và Trung Kỳ.

1936: Tham dự việc thành lập Đại Hội Đông Dương. 1938: Phó Chủ tịch Thượng Hội Đồng Kinh Tế và Lý Tài

Đông Dương. 1941-1943: Hội viên Thượng Hội Đồng Đông Dương.

Từ 1942 có liên lạc với Yokoyama, Tashiko, Kowagaya và Minoda. 4-8/1945: Ngoại trưởng, và rồi Phó Tổng lý chính phủ TTK.

21/12/1946: Bị VM bắt, dẫn qua Hà Đông. Sau được tha, ở Phủ Lý, rồi Thái Bình. Cuối cùng trốn vào Phát Diệm. 6/7/1947: Trở lại Hà Nội. 1/8/1947: Bị Pháp chỉ định cư trú ở Hòn Gay. 23/11/1947: Được phép trở lại Sài Gòn. 27/11/1947: Lên tới Đà Lạt. 23/10/1948: Được miễn chỉ định cư trú. 9/9/1949: Qua Pháp.

5/7/1954: Quốc Vụ Khanh (10H 4195). 1955-1963: Đại sứ tại Mỹ.

[14/6/1962], 21G00-24G30: Trần Văn Chương nói chuyện với Valeo, cộng sự viên của Mansfield.

Nói Diệm đang gặp nhiều khó khăn. Do tình gia đình, sự cô lập với thực tế. Hàm ý đảo chính sẽ xảy ra. (II:457) Muốn biết ý kiến Mansfield về trường hợp có đảo chính. Trước đây Mansfield tuyên bố hoặc Diệm, hoặc cắt viện trợ. Vì vậy Pháp và Bảo Đại chịu thua. Quan điểm hiện tại của Mansfield ra sao? Valeo khẳng định là Tổng thống Kennedy quyết định. (II:458) Theo Chương nếu có đảo chính, đó là sự phối hợp giữa quân sự và trí thức bất mãn. Sẽ giống như Park ở Đại Hàn. (II:458) Chương sợ rằng khối CS sẽ dùng lá bài trung lập để xâm chiếm Đông Nam Á. Chương muốn nhắc với Mansfield là còn nhiều người có khả năng ngoài Diệm. (II:459) (Memo ngày 15/6/1962; FRUS, 1961-1963, II:457-459 [TL 218]).

Thứ Sáu, 8/3/1963: Forrestal ăn trưa với Đại sứ Chương. Thảo luận về báo cáo Mansfield. Chương nói đáng lẽ đã từ chức từ lâu, nhưng không biết làm gì khi trở lại VN. Chương không dám viết thư cho cả em trai (cựu ngoại trưởng Trần Văn Đỗ). Chương biết rõ con rể mình. Nhu chẳng bao giờ chịu từ bỏ quyền lực. Vì Nhu mà chính phủ VN mất đi sự phục vụ của nhiều người có tài. Có kế hoạch nhằm đưa những người có khả năng ra khỏi chức vụ và lưu vong. *Trong vòng 6 tháng nữa, thực trạng cho thấy chính phủ Diệm không thể thắng Cộng Sản.*

Tuy vậy, Mỹ không thể triệt thoái khỏi Đông Nam Á.
 Chương có vẻ tin ở những gì mình nói. (III:142-143)

[1/8/1963]- Trong cuộc phỏng vấn với đài truyền hình Mỹ CBS, Lê Xuân tố cáo các lãnh tụ Phật giáo đang âm mưu lật đổ chính phủ. Theo Lê Xuân, tất cả những gì Phật tử đã làm chỉ có "nướng chả sừ" (*barbecue a bonze*) với xăng nhập cảng (*imported gasoline*). (Tel 190, 8 Aug 1963, Nolting gửi BNG; quoted in Memo ngày 9 Aug 1963, Forrestal gửi TT; *FRUS, 1961-1963*, III:559n6 [559-560] [TL 249]) [Xem 8/8/1963]

Thứ Bảy, 3/8/1963: Lê Xuân tuyên bố như trên trong một lớp miễn khóa huấn luyện bán quân sự cho Thanh Nữ Cộng Hoà: Phật tử là thành phần phản loạn đang sử dụng các thủ thuật Cộng sản để phá hoại quốc gia. [She denounced the Buddhists as seditious elements who use the most odious [xảo quyết, khả ố] Communist tactics to subvert the country]. (Tel 173, 3 Aug 1963, Nolting gửi BNG; III:553)

- Trong một cuộc phỏng vấn của Reuters, Nhu tuyên bố: Sẽ xuống tay với chùa Xá Lợi vì nuôi dưỡng âm mưu đảo chính. Nếu vấn đề Phật giáo không giải quyết được, sẽ có một cuộc đảo chính chống Mỹ và Phật giáo. [Ngày 5/8, *NY Times* đăng lại tin này của Reuters]. (Tel 160, 5 Aug 1963, Ball gửi Nolting; III:553 [TL 245]) [Xem 9/8/1963]

Thứ Ba, 6/8/1963: Đài VOA phát thanh buổi phỏng vấn Đại sứ Trần Văn Chương về những lời tuyên bố của Lê Xuân. Chương lên án con gái là "vô lễ và hỗn hào" (*impertinent and disrespectful*). (Tel 190, 8 Aug 1963, Nolting gửi BNG; III:561n4)

[Tâm Châu trích lời Đại sứ Chương: "*Bà Ngô Đình Nhu đã tỏ ra vô lễ, không có tư cách, khi tuyên bố về Phật Giáo.*" (HS 8541)]

21/8/1963: Bị cách chức Đại sứ vì phản đối việc đàn áp Phật Giáo.

6/9/1963: Lên án con gái là "vô lễ và hỗn hào."

9-10/1963: Theo chân con gái khi Lê Xuân qua Mỹ giải độc, bị Nhu đe dọa sẽ "treo cổ tới chết tại bùng binh Sài Gòn."

24/7/1986: Bị giết ở Washington, DC cùng vợ.

Người bị cáo buộc giết hai vợ chồng Chương là Trần Văn Khiêm (1926-?), con trai duy nhất. Khiêm cũng hành nghề Luật sư ở Việt Nam. Năm 1954, Khiêm được cử làm Phát ngôn viên của chính phủ Diệm. Từ năm

1963, Khiêm ngả theo vợ chồng Nhu, trong khi Chương và Nam Trân chống lại. Từ đầu thập niên 1970, Khiêm sống lang thang khi ở Mỹ, lúc Italia, lúc ở Pháp. Một thời gian, vợ chồng Chương coi Khiêm như “một tên bất lực, vô tài,” mỗi tháng trợ cấp 300 Mỹ kim, nhưng không cho Khiêm hưởng gia tài trị giá khoảng 650,000 Mỹ Kim. Năm 1986, Khiêm trở lại Oat-shinh-tân sống với vợ chồng Chương. Vài tháng sau, ngày 24/7/1986, vợ chồng Chương chết vì nghẹt thở trong phòng ngủ. Trước đó vài giờ, Nam Trân điện thoại cho con gái lớn là Lê Chi ba lần (lúc 21G19, 21G30 và 21G56), thông báo Khiêm và Chương gây gỗ với nhau, và Nam Trân “sợ hãi cho Chương.” Theo Etienne Oggeri, một người Pháp, từ Roma, Lê Xuân muốn vợ chồng Oggeri và Lê Chi thay đổi lời khai với Cảnh sát, và tin rằng cha mẹ mình chết tự nhiên. Nhưng vợ chồng Oggeri nghĩ rằng Khiêm đã phạm tội giết cha, giết mẹ [matricide and patricide] vì tức giận không được hưởng gia tài. Luật sư của Khiêm muốn xin tòa đình hoãn phiên tòa vì lý do Khiêm bệnh thần kinh, nhưng Khiêm không chịu.

Trong thời gian bị giam cứu, Khiêm viết rất nhiều thư và hoàn tất một bản thảo dày khoảng 800 trang, với tựa đề “Âm mưu của Do Thái chống lại Ngô Đình Diệm, Ngô Đình Nhu, John Kennedy, Robert Kennedy và tôi” [“The Israeli Plot Against Ngo Dinh Diem, Ngo Dinh Nhu, John Kennedy, Robert Kennedy and Me.”] Khiêm còn cảnh giác Reagan là coi chừng sẽ bị ám sát. Sandra Saperstein and Elsa Walsh. “A Murder in the Family: Behind the tragic death of a prominent Viet couple.” *Sunday Punch*, Nov 8, 1987, p. 3.

PHAN ANH (1912-1990)

Con Phan Điện, đờ ở Hà Đông; anh Phan Mỹ (Luật sư, chánh văn phòng của HCM sau này)

Sinh ngày 1/3/1912 tại Hà Tĩnh. (INF, c.360/d.2814). Học ở trường Bưởi, rồi Đại học Luật Hà Nội.

1/12/1937-1940: Qua Pháp tu nghiệp. Định làm luận án về công điền, công thổ, nhưng chiến tranh bùng nổ, chưa kịp trình luận án. 1940: Về nước; kết hôn với một dược sĩ VN [Đỗ Thị Thao]. Luật sư tập sự, văn phòng Bùi Tường Chiêu. Dạy tại trường Gia Long và Thăng Long.

1941: Cố vấn Hội Ái hữu Trường Cao Đẳng Luật. Gia nhập Đảng Xã Hội Pháp (SFIO).

Một trong 5 sáng lập viên nhóm Thanh Nghị: Vũ Văn Hiền, Phan Anh, Hoàng Phúc Tấn (chủ xưởng dệt Tấn Thanh), Lê Huy Vân. (Hoè, 2004:19) Thực ra, người được giấy phép xuất bản là **Doãn Kế Thiện (1/9/1939)**, từng hợp tác với Trung Bắc Tân Văn, mua lại với giá 300 đồng. (Hoè, 2004:19) [xuất bản ngày 15/5/1941 mục trẻ em; 6/1941: phần người lớn]. (Hoè, 2004:60)

24/3/1945: Phan Anh, Vũ Văn Hiền theo Hoàng Xuân Hãn vào Huế. (Hoè, 2004:166)

17/4/1945: Bộ trưởng Thanh Niên chính phủ Trần Trọng Kim. Theo tài liệu Pháp, là "lãnh tụ" của Đảng *Tân Việt Nam*. [Xem Vũ Đình Hoè, 166ff]

20[?]/4/1945: Hợp nhóm Thanh Nghị ở nhà Vũ Văn Hiền. Yêu cầu Thanh Nghị yểm trợ chính phủ với điều kiện "độc lập thực sự," "dân chủ thực sự." (Hoè, 2004:166-167) Đồng ý vận động *Tân Việt Nam Hội*.

5/5/1945: Báo Thanh Nghị tái bản sau 2 tháng đóng cửa. [Đồng thời báo Ngày Nay Kỷ Nguyên Mới của Nguyễn Tường Bách, và Tiểu Thuyết Thứ Bảy của Phùng Bảo Thạch. (Hoè, 2004:169n2)] Nhóm này còn báo Hải Phòng Nhật Báo của Nguyễn Thế Nghiệp. (Hoè, 2004:192n2)]

Công bố thành lập Tân Việt Nam Hội. Trụ sở 24 phố Hàng Da, Hà Nội. 19 trong số UVTU Lâm thời thuộc nhóm Thanh Nghị. (Hoè, 2004:168-72)

6/7/1945: Hoè vào Huế. Gặp Phan Anh và Vũ Văn Hiền. Anh và Hiền nói sẽ ra Hà Nội hôm sau. Hoè gặp Tôn Quang Phiệt và Phạm Khắc Hoè, nói muốn chuyển chỉ thị VM cho Anh và VV Hiền từ chức. (Hoè, 2004:188-89)

7/1945: Hoè, Yêm, Đỗ Đức Dục gặp Anh và Hiền ở Hà Nội. Vũ Văn Hiền cương quyết không chịu. (Hoè, 2004:189-92) 30 hoặc 31/7/1945, Hoè đi chiến khu. Gặp Đồng. Cho biết sẽ thêm tên Hoè vào chính phủ lâm thời. (Hoè, 2004:198-206)

11/8/1945: Thanh Nghị đình bản. (Hoè, 2004:206)

17/8/1945: Phan Anh reportedly carried with him Royal Decree 105 [of 7 Aug 1945], authorizing the Viet Minh to form a new government, but he was arrested in Hà Tĩnh for several days and was later converted to the Viet Minh by his younger brother, Phan My, the future Office Director of Ho Chi Minh. After Aug 19, 1945 (on Aug 29, Giap told Hoè about Anh's release; Hoè, 2004:210-11) [He secretly met with Giap and Dong at Hoè's residence] Tối 31/8, Hoè mời Phan Anh ăn cơm

tại nhà, có Đồng và Giáp tham dự. Phan Anh nói từ Huế ra tới Hà Tĩnh thì bị bắt. Ngày còn học ở trường Bảo hộ, từng bỏ ra ba tối đọc Le procès de la colonisation française trong nhà cầu. (Hoè, 2004:737)

2/3/1946: Bộ trưởng Quốc phòng [làm vì]. (Hoe, 2004:211-12) 19/7/1947: Bộ trưởng Kinh tế. 1950: Ủy viên Hội Bảo Vệ Hoà Bình VN. Sáng lập viên Hội Thân Hữu Việt-Trung. 1951: Trong Ban Thường vụ Liên Việt. (10H xxx [621]).

11/1/1959: Theo phái đoàn Lê Thanh Nghị, Bộ trưởng Bộ Công nghiệp, qua thăm TH. 1959: Bộ trưởng Ngoại thương.

1982: Phó Chủ tịch Quốc Hội. 1984: Chủ tịch Ủy Ban Bảo Vệ Hoà Bình Thế Giới. (ND, 19/12/1984). 1990: Chết.

TRỊNH ĐÌNH THẢO (1901-1986)

Sinh ngày 20/7/1901 tại Hà Nội. 1929: Tiến sĩ Luật; Luật sư tại Marseille. Về nước trong năm này. Hành nghề tại Sài Gòn (CMBC, 1993:928).

22/2/1937: Tham gia Đảng Dân Chủ của Nguyễn Văn Thỉnh; nhưng sau bị áp lực phải rút ra.

9/1938: Từ chối tham gia nhóm "hợp pháp" của Đảng CSĐD (CP 191). 4-8/1945: Bộ trưởng Tư pháp (trong chính phủ Trần Trọng Kim). Sau tháng 8/1945, về Sài Gòn, không hoạt động gì. Tháng 2/1947, khi Kim từ Hong Kong về Sài Gòn, ở lại nhà Thảo, trước khi tới nhà anh vợ là Bùi Khải.

1954: Tham gia Phong Trào Bảo Vệ Hoà Bình tại Sài Gòn.

1966-1967: Ngã theo Bắc Việt.

Thứ Bảy, 20/4/1968, Đại hội ra mắt Ủy Ban Trung Ương Liên Minh Các Lực Lượng Dân Tộc, Dân Chủ và Hoà Bình Miền Nam Việt Nam, tức Mặt Trận II [cho tới ngày 21/4/1968].

Chủ tịch: Trịnh Đình Thảo. *Phó Chủ tịch:* Lâm Văn Tết, Hoà thượng Thích Đôn Hậu. *TTK:* Tôn Thất Dương Kị; *Phó TTK:* Dương Quỳnh Hoa, Thanh Nghị, Lê Hiếu Đằng. *Ủy viên thường trực:* Nguyễn Văn Kiệt, Huỳnh Văn Nghị, Trần Triệu Luật.

Theo tài liệu CS, tham dự có: Mười Cúc Nguyễn Văn Linh, Phó Bí thư TUCMN; Nguyễn Hữu Thọ.

6/1969: Trịnh Đình Thảo làm Phó Chủ tịch Hội đồng cố vấn (Nguyễn Hữu Thọ làm Chủ tịch) CPLT/CHMNVN.

Ủy viên: Y Bih Aleo, Huỳnh Cương, Thích Đôn Hậu, Huỳnh Văn Trí (sinh 1908), Nguyễn Công Phương, Lâm Văn Tết, Võ Oanh, Lê Văn Giáp, Huỳnh Thanh Mừng (1915-1970), Phạm Ngọc Hùng, Bà Nguyễn Đình Chi. (CMBC 1993:967)

1969: Di tản ra Hà Nội.

31/3/1986: Chết.

Hồi ký:

Suy nghĩ và hành động (Sài-gòn: NXB TPHCM, ?)

PHAN BÔI (- 1947)

x Hoàng Hữu Nam

Người Điện Bàn, Quảng Nam. Anh Phan Thanh. Em họ Phan Khôi. Từng bị đày đi Madagascar.

1942: Một trong 7 tù nhân chính trị tại Karianga (Madagascar) Việt Nam được cơ quan tình báo Bri-tên tuyển mộ (trong số 27 tù) để đưa về Đông Dương hoạt động. [Hoàng Đình Rong, Lê Giản, Dương Công Hoạt, Phan Bôi [Hoàng Hữu Nam], Pallat Nguyễn Văn Minh, Nguyễn Văn Ngọc và Vũ Văn Địch]

Rong, Dương Công Hoạt là hai người đầu tiên qua Madagascar. Rồi đi thủy phi cơ qua Mumbasa (Kenya), đáp tàu đi Bombay. Năm người khác cũng liên tục tới Bombay. Rồi chuyển tới Calcutta. Qua lớp huấn luyện tình báo tại đây. Cuối 1942, mãn khóa huấn luyện, Rong được đưa về Côn Minh mở đường giây với nội địa. Liên lạc được tình ủy Cao Bằng. Trở lại Calcutta.

Hoạt động ở vùng Cao Bằng.

Cuối 1944, Lê Giản và Rong nhảy dù xuống cách Cao Bằng khoảng 2 cây số. Một tháng sau, Hoàng Hữu Nam và Dương Công Hoạt nhảy xuống Khau Tòng, quê Hoạt. Tháng 5/1945 : Ba người cuối được thả xuống Tiên Lữ, Chương Mỹ, Hà Đông.

1945: Rong trực tiếp chỉ huy cướp chính quyền Cao Bằng, Bí thư Cao Bằng. Chỉ huy đoàn quân Nam tiến, trở thành Tư lệnh Khu 9 [Vũ Đức]. Chết trận.

Lê Giản : Giám đốc Công An Trung Ương. Vũ Văn Địch : Cục trưởng tình báo quân đội. Dương Công Hoạt : Bí thư Cao Bằng. Nguyễn Văn Ngọc: Giám đốc Công An Ttrung Bộ. (CAND.com.vn., 2/9/2005)

5/1945: Đón HCM từ Tỉnh Tây về Pác Bó. Tham dự mật đàm với Pháp [nhân vật sau lưng Hoàng Minh Giám]. 3-12/1946: Trưởng đoàn Liên Kiểm Việt-Pháp. 11/1946: Thứ trưởng Nội vụ. Trưởng đoàn liên lạc Pháp-Việt. 4/1947: Chết đuối (?) ở Tuyên Quang. (Lê Văn Hiến, 2004, I:135-136).

TRẦN VĂN ÂN (1903- 2002)

Sinh ngày 28/1/1903 tại Long Xuyên. Gốc Triều Châu.

1923-1928: Học Đại học Văn Khoa Aix-en-Provence Pháp. Xuất bản tờ *L'Annam scolaire*, có nhiều bài chống Pháp.

(Trong một thư riêng cho tác giả năm 1983, Ân nói từng qua TH trước ngày sang Pháp).

1928: Hợp tác với *Đuốc Nhà Nam* của Dương Văn Giáo (cùng trụ sở với *La Tribune indochinoise*) (*La Tribune indochinoise*, 12 & 14/2/1941). 1935: Liên lạc nhóm *La Lutte* của Tạ Thu Thâu. 1941: Đại lý gạo ở Thốt Nốt, Cần Thơ.

2/1941: Bị câu lưu điều tra về *Việt Nam Nhơn Dân Thống Nhất Cách Mạng Đảng*. Đảng này thành lập từ tháng 10/1940, có khuynh hướng Trốt-kít. 16-17/4/1941: Ân và 3 người khác được tha bổng. 18/4/1941: Bị nhốt ở Bà Rá cho tới tháng 6/1941.

5/1942: Móc nối với *Kempeitai* và làm việc cho cơ quan này (14PA, Carton 2). Hoạt động cho *Việt Nam Phục Quốc Đồng Minh Hội* của Cường Để. Đứng hàng thứ ba trong danh sách Pháp muốn Nhật phải giải giao (dưới Huỳnh Phú Sổ và Lương Trọng Tường). 9/1943: Di tản qua Chiêu Nam Đảo [Syonan, tức Singapore]. 1/1944: Cùng Đặng Văn Ký đến thăm Trần Trọng Kim và Dương Bá Trạc tại Quốc tế Phú Sĩ Bình Trại trên đường Grame Road.

24/3/1945: Báo *The Syonan Shimbun* đăng một bài về Trần Văn Ân, có đoạn:

Ông ta bị gửi qua Pulau Kondor [Côn Đảo] từ đó ông ta được các giới chức Nhật cấp cứu. Hiện nay ông ta đang ở Syonan, trên đường trở lại quê ông ta (was sent to Pulau Kondor where he was rescued by the Nippon authorities. He is now in Syonan, en route to his homeland). Trong một cuộc phỏng vấn, ông ta tuyên bố: "**Hiện nay, khẩu hiệu của chúng tôi là 'Chết và sống với Nhật Bản'.**"

Có lần, Ân tự xưng, hoặc được giới thiệu, là **Tổng Tư lệnh Phục Quốc tại Đông Nam Á**. [Năm 1983, trong thư gửi tác giả, Ân cho rằng "không có" việc này. Có lẽ Trần Văn Ân quen bài phỏng vấn trên báo *The Syonan Shimbun*]

28/5/1945: Về tới Sài Gòn, cùng Nguyễn Văn Sâm thành lập *Việt Nam Quốc Gia Độc Lập Đảng* (*L'Action*, 4/6/1945). 21/7/1945: Chủ tịch **Hội Nghị Nam Bộ**.

1/8/1945: Xuất bản báo *Hưng Việt*.

9/1945: Biến khỏi Sài Gòn. Gia nhập *Việt Nam Dân Chủ Xã Hội Đảng*. 1/10/1947: Bộ trưởng Tuyên truyền chính phủ Xuân. 11/1947: Tham gia phái đoàn 24 người qua Hong Kong gặp Bảo Đại. 30/3/1948: Qua Pháp. 1/4/1948: Bị cách chức.

1948-1949: Thành lập *Việt Đoàn*. Thập niên 1950: Theo Bình Xuyên. 9/1954: Qua Pháp vận động cho Bảy Viễn làm Thủ Tướng nhưng không thành công.

22/3/1968: Bộ trưởng Thông tin của chính phủ Nguyễn Văn Lộc (Tôn Thất Thiện thay khi Trần Văn Hương lập chính phủ ngày 25/5/1968).

Sau 1975, chết ở Rennes, Pháp.

Trần Văn Giàu (1911-2007),

tức Nguyễn Ngọc Minh, sinh năm 1911 tại Tân An. Từng du học Pháp và rồi Viện Thợ Thuyền Đông Phương [KUTV] từ 1930 tới 1932. Xuất hiện ở Nam Kỳ từ năm 1933, tích cực tái tổ chức Đảng CSĐD. Năm 1934 bị khai trừ khỏi ban lãnh đạo, được qua Macao phụ giúp soạn thảo tài liệu cho Đại Hội Kỳ I, nhưng không được bầu vào Ban Chấp Ủy Trung Ương. Bị Pháp bắt sau khi từ Macao trở lại Sài Gòn, kết án 5 năm tù, đày ra Côn Đảo. Bị tập trung ở trại Tà Lài Biên Hòa sau khi mãn hạn tù, nhưng trốn trại vào tháng 3/1941 cùng 17 người khác, kể cả Rémy Trần Văn Kiết hay Lê Văn Kiết. Từ năm 1943, tái tổ chức Xứ ủy Nam Kỳ, nhưng không móc nối được với miền Bắc hay hải ngoại. Năm 1944, ấn hành hai tài liệu kêu gọi liên minh với Pháp tự do chống phát xít Nhật. Từ tháng 3/1945, bị nhóm Phạm Văn Vi (hay Di), Nguyễn Thị Thập, v.. v.. chống đối, thành lập một xứ ủy khác và mặt trận Việt Minh khác. Sau khi nhóm Vi-Thập liên lạc được với miền bắc, hai nhóm tạm thời hợp nhất để hoạt động. Tháng 8/1945, phe Trần Văn Giàu cướp chính quyền Sài Gòn/Chợ Lớn ngày 25/8/1945. Đầu tháng 9/1945, khi Nguyễn Thị Thập cùng Hoàng Quốc Việt và Cao Hồng Lãnh từ bắc vào tới Biên Hòa, còn thấy hai loại cờ vàng sao đỏ của phe Trần Văn Giàu và cờ đỏ sao vàng của nhóm Vi-Thập. Ngày 8/9/1945, Hoàng Quốc Việt cử Luật sư Phạm Văn Bạch làm Chủ tịch Ủy Ban Lâm Thời Hành Chính và Kháng Chiến; Giàu chỉ còn giữ ghế ủy viên quân sự. Sau ngày liên quân Bri-tên, tù binh Nhật và Pháp tự do cướp chính quyền ở Sài Gòn trong dịp cuối tuần 22-23/9/1945, Giàu cùng Phạm Ngọc Thạch bị gọi ra Bắc tham khảo. Khoảng 1800 tù chính trị Côn Đảo được đưa về đất liền ngày 23-24/9/1945 lập tức được phân bổ cho các địa phương khiến thế lực Đảng CSĐD đủ sức cầm cự với cả Pháp lẫn các tổ chức không Cộng Sản. Sau đó, Hồ còn gửi một số cán bộ chỉ huy quân sự như Hoàng Đình Rong (bí danh Vũ Đức), Vũ Nam Long, Đàm Quang Trung, v.. v.. và khoảng 70 tân sĩ quan tốt nghiệp trường quân chính vào tăng cường cho mặt

trận phía nam vĩ tuyến 16. Sau đó, do áp lực của Trung Hoa, Hồ điều động Nguyễn Bình, tức Nguyễn Phương Thảo, tư lệnh chiến khu Đông Triều, vào Nam Bộ thay Giàu làm ủy viên quân sự, kiêm Tư lệnh khu 7. Giàu được gửi qua Bangkok và Yangon (Myanmar) làm đại diện, phụ trách việc thu mua vũ khí. Lâm Ủy Hành Chánh và Kháng Chiến Nam Bộ phiêu giạt ra tận Tuy Hòa, Quảng Ngãi. Chỉ từ sau ngày ký Hiệp ước sơ bộ 6/3/1946, Lâm Ủy Hành Chánh Kháng Chiến và rồi Xứ Ủy Nam Kỳ mới được cải tổ dưới sự chỉ đạo của Lê Duẩn và Phạm Văn Đồng, đại diện chính phủ trung ương. Rồi chính thức trở lại miền nam từ cuối năm 1946, đầu 1947.

VŨ VĂN HIỀN (1910-1961)

Gốc Thổ Cầu, Kim Động, Hưng Yên. Nhà nghèo, con nuôi một thông phán tòa Đốc lý Hải Phòng. (Vũ Đình Hoè, 2004:22) Từng du học Pháp, Tiến sĩ Luật (1937-1939). Phụ tá cho Cousin, Tổng Giám đốc Tài chính Đông Dương. Thời Decoux, tập sự với Trần Văn Chương; rồi hành nghề Luật sư ở Hà Nội. (Vũ Đình Hoè, 2004:26)

Một trong 5 sáng lập viên báo *Thanh Nghị* [xuất bản ngày 15/5/1941 mục trẻ em; 6/1941: phần người lớn]. (Hoè, 2004:60): Vũ Văn Hiền, Phan Anh, Hoàng Phúc Tấn (chủ xưởng dệt Tấn Thanh), Lê Huy Vân. (Hoè, 2004:19) Thực ra, người được giấy phép xuất bản là Doãn Kế Thiện (1/9/1939), từng hợp tác với Trung Bắc Tân Văn, mua lại với giá 300 đồng. (Hoè, 2004:19)

24/3/1945: Vũ Văn Hiền, Phan Anh, Hoàng Xuân Hãn vào Huế. (Hoè, 2004:166) 17/4/1945: Bộ trưởng Tài Chính chính phủ Trần Trọng Kim.

20[?]/4/1945: Hợp nhóm *Thanh Nghị* ở nhà Vũ Văn Hiền. Yêu cầu Thanh Nghị yểm trợ chính phủ với điều kiện “độc lập thực sự,” “dân chủ thực sự.” (Hoè, 2004:166-167) Đồng ý vận động ***Tân Việt Nam Hội***.

5/5/1945: Báo *Thanh Nghị* tái bản sau 2 tháng đóng cửa.

Công bố thành lập *Tân Việt Nam Hội*. Trụ sở 24 phố Hàng Da, Hà Nội. 19 trong số UVTV Lâm thời thuộc nhóm *Thanh Nghị*. (Hoè, 2004:168-172)

[Đồng thời báo *Ngày Nay Kỳ Nguyên Mới* của Nguyễn Tường Bách, và *Tiểu Thuyết Thứ Bảy* của Phùng Bảo Thạch. (Hoè, 2004:169n2)] Nhóm này còn báo *Hải Phòng Nhật Báo* của Nguyễn Thế Nghiệp. (Hoè, 2004:192n2)]

6/7/1945: Hoè vào Huế. Gặp Phan Anh và Vũ Văn Hiền. Anh và Hiền nói sẽ ra Hà Nội hôm sau. Hoè gặp Tôn Quang Phiệt và

Phạm Khắc Hoè, nói muốn chuyển chỉ thị VM cho Anh và VV Hiền từ chức. (Hoè, 2004:188-189)

7/1945: Hoè, Yên, Đỗ Đức Dục gặp Anh và Hiền ở Hà Nội. Vũ Văn Hiền cương quyết không chịu. (Hoè, 2004:189-192) 30 hoặc 31/7/1945, Hoè đi chiến khu. (Hoè, 2004:198-206)

11/8/1945: *Thanh Nghị* đình bản.

12/8/1945: Phan Anh reportedly carried with him Royal

Decree 105 [of 7 Aug 1945], authorizing the Viet Minh to form

a new government, but he was arrested in Thanh Hoa for

several days and was later converted to the Viet Minh by his

younger brother, Phan My, the future Office Director of Ho

Chi Minh. After the Aug 19, 1945 revolution, he secretly met

with Giap and Dong at Hoe's residence and on March 2, 1946

was appointed as Minister of Defense. (Hoe, 2004:211-212)

Hiền không tham gia chính phủ. Năm 1954, di cư vào

Nam. Chết năm 1961.

Tác phẩm:

Luận án : « La propriété communale au Tonkin. »

"Les institutions annamites depuis l'arrivée des français; l'impôt personnel et les corvées de 1862 à 1936." Trong *Revue indochinoise juridique et économique* (1940).

12/8/1945: *Phan Anh reportedly carried with him Royal*

Decree 105 [of 7 Aug 1945], authorizing the Viet Minh to form a

new government, but he was arrested in Thanh Hoa for several days

and was later converted to the Viet Minh by his younger brother,

Phan My, the future Office Director of Ho Chi Minh. After the Aug

19, 1945 revolution, he secretly met with Giap and Dong at Hoe's

residence and on March 2, 1946 was appointed as Minister of

Defense. (Hoe, 2004:211-212)

VŨ ĐÌNH HOÈ (1913 [1912]-)

Sinh ngày 1/6/1913 tại Hải Dương [tuổi thực, 1912].

1936: Cử nhân Luật. Giáo sư trường Hoa kiều, Thăng Long (1933-1936), Gia Long (1936-1945). Cha vợ là Tuần phủ Thái Nguyên, sau Tổng đốc Sơn Tây. Nhờ vậy, được cấp đồn điền ở Thái Nguyên. (Vũ Đình Hoè, 2004:20)

Tham gia các hoạt động xã hội với Nguyễn Tường Tam, Hoàng Thúc Tấn [em Hoàng Thúc Trâm, 1902-1977], Lê Huy Vân [1914-1986], v.. v...), tức Hội Ánh Sáng. Cuối 1940, đầu 1941, được mời tham gia Đại Việt Duy Dân [?] của anh em Nguyễn Tường Tam, Khái Hưng. Không nhận lời, nhưng duy trì liên hệ. Sau khi ra báo Thanh Nghị khoảng nửa năm, Vũ Văn Hiền hỏi còn liên lạc với nhóm Ngày Nay hay sao? Sau vụ nổi dậy của Trần Trung Lập, nhắn tin cho NTTam là đã ở trong nhóm Thanh Nghị. Tham gia Đảng Xã Hội Pháp [SFIO].

5/1941: Chủ nhiệm báo Thanh Nghị. (Vũ Đình Hoè, 2004:63-4)

Tuần báo Thanh Nghị [xuất bản ngày 15/5/1941 mục trẻ em; 6/1941: phần người lớn]. Chủ nhiệm, một trong 5 sáng lập viên báo. (Vũ Đình Hoè, 2004:60)

Một trong 5 sáng lập viên báo Thanh Nghị [xuất bản ngày 15/5/1941 mục trẻ em; 6/1941: phần người lớn]. (Vũ Đình Hoè, 2004:60): Vũ Văn Hiền, Phan Anh, Hoàng Phúc Tấn (chủ xưởng dệt Tấn Thanh), Lê Huy Vân. (Vũ Đình Hoè, 2004:19) Thực ra, người được giấy phép xuất bản là Doãn Kế Thiện (1/9/1939), từng hợp tác với Trung Bắc Tân Văn, mua lại với giá 300 đồng. (Vũ Đình Hoè, 2004:19)

30/6/1944: Dương Đức Hiền được Việt Minh cử làm Tổng thư ký Việt Nam Dân Chủ Đảng.

24/3/1945: Vũ Văn Hiền, Phan Anh, Hoàng Xuân Hãn vào Huế. (Vũ Đình Hoè, 2004:166) 17/4/1945: Vũ Văn Hiền Bộ trưởng Tài Chính; Phan Anh, Thanh Niên; Hoàng Xuân Hãn, Quốc Gia Giáo Dục, chính phủ Trần Trọng Kim.

20[?]/4/1945: Họp nhóm Thanh Nghị ở nhà Vũ Văn Hiền. Yêu cầu Thanh Nghị yểm trợ chính phủ với điều kiện “độc lập thực sự,” “dân chủ thực sự.” (Vũ Đình Hoè, 2004:166-67) Đồng ý vận động Tân Việt Nam Hội.

5/5/1945: Báo Thanh Nghị tái bản sau 2 tháng đóng cửa.

Công bố thành lập Tân Việt Nam Hội. Trụ sở 24 phố Hàng Da, Hà Nội. 19 trong số UVTU Lâm thời thuộc nhóm Thanh Nghị. (Vũ Đình Hoè, 2004:168-172)

[5/5/1945: báo Ngày Nay Kỷ Nguyên Mới của Nguyễn Tường Bách, và Tiểu Thuyết Thứ Bảy của Phùng Bảo Thạch. (Vũ Đình Hoè, 2004:169n2)] Nhóm này còn báo Hải Phòng Nhật Báo của Nguyễn Thế Nghiệp. (Vũ Đình Hoè, 2004:192n2)]

6/7/1945: Hoè vào Huế. Gặp Phan Anh và Vũ Văn Hiền. Anh và Hiền nói sẽ ra Hà Nội hôm sau. Hoè gặp Tôn Quang Phiệt và Phạm Khắc Hoè, nói muốn chuyển chỉ thị VM cho Anh và VV Hiền từ chức. (Vũ Đình Hoè, 2004:188-189) 7/1945: Hoè, Yêm, Đỗ Đức Dục gặp Anh và Hiền ở Hà Nội. Vũ Văn Hiền cương quyết không chịu. (Vũ Đình Hoè, 2004:189-92)

30 hoặc 31/7/1945, Hoè đi chiến khu. (Vũ Đình Hoè, 2004:198-206) 11/8/1945: Thanh Nghị đình bản.

29/8/1945: Bộ trưởng Giáo dục chính phủ lâm thời VNDCCCH.

2/3/1946: Bộ trưởng Tư pháp chính phủ Liên hiệp Kháng chiến.

1948-1949: Bị loại dân khỏi quyền lực.

1948: Nguyễn Văn Huyền xin từ chức.

(Vũ Đình Hoè, 2004:900-901, 911-916). “Hồng hơn chuyên.” (Vũ Đình Hoè, 2004:899-905).

SL số 13, ngày 24/1/1946: khẳng định sự độc lập của tòa án. Điều 69 của Hiến Pháp 1946: tái khẳng định quyền độc lập của tòa án; các cơ quan khác không được can thiệp vào. (Vũ Đình Hoè, 2004:900-1).

Sắc lệnh 156-SL ngày 17/11/1950: Thống nhất các “tòa án nhân dân.” Bổ sung Hội thẩm nhân dân, cử thẩm phán vào Tòa án nhân dân. (Vũ Đình Hoè, 2004:899-901).

Sắc lệnh 85-SL ngày 22/5/1950: “cải cách bộ máy tư pháp”: “dân chủ hóa” bằng cách thiết lập “Hội thẩm nhân dân” thay cho Phụ thẩm nhân dân [Điều 65 Hiến pháp 1946] Những Hội thẩm Nhân Dân này do HĐND bầu ra. Như thế, không còn mâu thuẫn và tranh chấp giữa tư pháp và hành chính. Tư pháp sẽ đứng trên lập trường công nông. (Vũ Đình Hoè, 2004:902-903).

“Các quyền dân sự chỉ được hành xử và bảo vệ nếu phù hợp với quyền lợi nhân dân.”

Trần Công Tường, Thứ trưởng Tư Pháp, còn muốn hủy bỏ cả vai trò Luật sư thay bằng “bào chữa viên nhân dân.” (Vũ Đình Hoè, 2004:904-905).

(Vũ Đình Hoè, 2004:911-916). 1950: Hoè từ chức, Hồ không đồng ý, khuyên theo gương Nguyễn Văn Huyền. Huyền tặng Hoè cuốn *Le chemin des tourmentes* của Alexis

Tolstoi [Con đường khổ ải], nói về thân phận trí thức trong chế độ CS. [916]

Sau Đông Khê, Vũ Đình Hoè được cử làm đại diện HCM đi ủy lạo thương binh tại Long Châu. Lê Quảng Ba [Đàm Văn Mông] bị thương nặng trong trận Thất Khê. Hoè từng gặp Lê Quảng Ba, người Tày, vì cha vợ là tri huyện Thất Khê, mẹ vợ người Tày [Thất Khê]. (Vũ Đình 2004: 916-20)

1960: Về hưu [47 tuổi].

Hồi ký: Hồi ký Vũ Đình Hoè (Hà Nội: NXB Hội Nhà Văn, 2004).

NGÔ ĐÌNH KHÔI (?-1945)

Con cả Ngô Đình Khả, và vợ chính (mất sớm). Sinh không rõ năm tại Đại Phong Lộc, Lệ Thủy, Quảng Bình. Học trường Quốc Tử Giám. Con rể Nguyễn Hữu Bài. 1910: Tùng sự tại Bộ Binh của Bài; 1916: Chủ sự [chánh lục phẩm] tại Phủ Phụ Chính. 1917: Tri huyện Phù Cát [tòng lục phẩm; Bài lên làm Thượng thư Bộ Lại năm này]. Tri phủ Tuy An (Phú Yên); 1919: Án sát [chánh ngũ phẩm tới tứ phẩm]] Phú Yên; 1920: Bố Chánh Bình Định. 1926: Tuần vũ [tam phẩm] Quảng Ngãi. 1930: Tổng đốc [nhị phẩm] Quảng Nam. 1933: Tổng đốc Kinh lược các tỉnh miền Nam Trung Kỳ (*Souverains* 1943:42).

Khôi, theo các viên chức Thuộc Địa Pháp, không dấu sự ganh ghét với Phạm Quỳnh. Khôi cũng cảm thấy bị mất mặt, khi Khâm sứ Maurice Grandjean lên nhiệm chức năm 1941, Khôi viết thư, nhưng Grandjean không hồi âm. Càng bi phần hơn nữa khi Grandjean không đưa Khôi lên làm Thượng Thư trong cuộc cải tổ triều đình vào tháng 5/1942 (*Báo cáo của Arnoux, 20/8/1944; CAOM [Aix], 14 PA, c.2).*

1943: Bị Grandjean ép về hưu không được hàm Thượng Thư [nhị phẩm]. 8/1945: Bị Việt Minh bắt cùng con trai là Huân, thư ký riêng của Yokoyama Masayuki, giết tại làng Hiền Sĩ, Phong Điền, Thừa Thiên.

Đầu năm 1943, Y sĩ Trương Kế An, thủ lĩnh Liên Đoàn Ái Quốc Việt Nam, gặp Diệm ở Hà Nội. Pierre Đệ, anh rể hụt của Nhu, cũng có mặt.

Trong khi đó, Khôi cho Diệm dùng dinh thự Tổng đốc Nam-Ngãi của mình để tiếp xúc với những cá nhân thân Nhật. Khôi còn che chở cho tín đồ Cao Đài (đang bị nghi ngờ thân Nhật, ủng hộ Cường Để) trong vùng cai trị. Mật thám Pháp tìm thấy trong nhà một người cháu họ Khôi ở Quảng Nam, Ngô Đình Dậu (Đấu?), tài liệu liên quan đến Việt Nam Phục Quốc Hội của Cường Để. Vì việc này, tân Khâm sứ Grandjean (6/1941-8/1944) chẳng những không hồi âm thư

chúc mừng của Khôi, mà trong buổi gặp mặt trên đèo Hải Vân, bắt Khôi về hưu không được hàm Thượng thư. Tháng 1/1944, Grandjean còn cho lệnh Bảo Đại bí mật trực xuất Diệm khỏi Huế, chỉ định cư trú ở Quảng Bình. Anh em Diệm thêm một lần trút mọi hòn oán lên Quỳnh, đương kim Tổng lý [Tể tướng] triều đình.

Mùa Hè 1944, Mật thám Pháp khám phá ra tổ chức Đại Việt Phục Hưng của Diệm, gồm khoảng 50 đảng viên tích cực, kể cả một số giáo sĩ; nằm ngay trong đội lính khố xanh (Garde indochinoise), cảnh sát, công chức, v.. v... Một trong những lãnh tụ là Trần Văn Lý, Tuần vũ Hà Tĩnh. Pháp bèn cho lệnh khám xét tư thất Diệm, nhưng Diệm đã sớm tẩu thoát.

ĐÀM NGỌC LỰU (1921-1995)

x Đàm Quang Trung (1921-1995)

Sắc tộc Tày. Sinh năm 1921 tại Sóc Giang, Hà Quảng, Cao Bằng. 1937, bắt đầu hoạt động. 2/1939: Vào đảng. 5/1940: Bị bắt ở Cao Bằng. 3/1941: Ra tù, qua Qùng Tây huấn luyện du kích. 9/1944: Về nước, xây dựng chiến khu vùng biên giới. 22/12/1944: Trung đội trưởng đoàn võ trang tuyên truyền.

1945-1954: Thủ trưởng đặc khu Hà Nội, Trung đoàn trưởng, Chỉ huy trưởng MT Quảng Nam-Đà Nẵng, Khu phó LK 5, Đại đoàn phó 312.

3/1955: TL Đại đoàn 312, rồi TL/QK Đông Bắc, kiêm TL Đại đoàn 332. 4/1958: Phó TL QK Tả Ngạn, TL QK Việt Bắc, TL QK 4, Bí thư QK ủy. 1974: Thiếu tướng.

7/1976: TL kiêm Bí thư QK 1. 12/1976 & 3/1982: UVTWĐ. 1980: Trung tướng; 1984: Thượng tướng.

ĐBQH khoá V, VI & VIII. 1981: UV HĐNN.

12/1986: Bí thư TWĐ, phụ trách các vấn đề dân tộc. (QH, HS 5865) 1987-1992: Phó Chủ tịch NN.

Đàm Quang Trung [Đàm Ngọc Lựu, 1921-1985], "Từng có một đội quân hỗn hợp Việt-Mỹ tiến vào Hà Nội;" [Once there was a mixed Vietnamese-American military unit marching into Ha Noi]. *Tuoi Tre* [Young Age] (Saigon), vol. 11, no. 34-93 (514), August 29, 1993, p. 5;

5/8/1944: India: Sở Công Tác hay Hành Động (Service d'Action) của Pháp chính thức thành lập.

Thực tế, đã bắt đầu hoạt động từ 19/11/1943 khi Alger gửi nhân viên qua India nhờ Force 136 của Bri-tên huấn luyện; và bắt đầu những công tác bí mật tại Đông Dương từ 1/5/1944 (SHAT, 10H xxx [85]). Trung tá Crèvecoeur, Chỉ huy

trưởng, làm việc bên cạnh Bộ Chỉ huy Force 136 ở Kandy. Có nhân viên tại Kandy, Calcutta và Côn Minh. Sau ngày Đồng Minh đổ bộ Normandie và Provence, cơ quan DGER gửi chuyên viên sang điều khiển Sở Hành động.

Theo Lê Giản, một năm 1942 cơ quan tình báo Bri-tên đã bắt đầu tuyển mộ bảy trong số 27 tù nhân chính trị Việt Nam bị Jean Decoux đưa sang nhốt tại Karianga (Madagascar) để đưa về Đông Dương hoạt động.

Hoàng Đình Rong, Dương Công Hoạt là hai người đầu tiên được đưa qua Madagascar. Rồi đi thủy phi cơ qua Mumbasa (Kenya), đáp tàu đi Bombay. Năm người khác— Lê Giản, Phan Bôi [Hoàng Hữu Nam], Pallat Nguyễn Văn Minh (cựu thư ký Bắc Kỳ), Nguyễn Văn Ngọc và Vũ Văn Địch— cũng liên tục tới Bombay. Rồi chuyển qua Calcutta, huấn luyện tình báo tại đây. Cuối 1942, mãn khóa huấn luyện, Rong được đưa về Côn Minh mở đường giây với nội địa. Liên lạc được tình ủy Cao Bằng. Trờ lại Calcutta. Cuối 1944, Lê Giản và Rong nhảy dù xuống cách Cao Bằng khoảng 2 cây số. Một tháng sau, Hoàng Hữu Nam và Dương Công Hoạt nhảy xuống Khau Tòng, quê Hoạt. Tháng 5/1945, ba người cuối được thả xuống Tiên Lữ, Chương Mỹ, Hà Đông.

Rong trực tiếp chỉ huy cướp chính quyền Cao Bằng, rồi chỉ huy đoàn quân Nam tiến, trở thành Tư lệnh Khu 9 [Vũ Đức]. Dương Công Hoạt : Bí thư Cao Bằng. Vũ Văn Địch : Cục trưởng tình báo quân đội. Lê Giản : Giám đốc Công An Trung Ương. Nguyễn Văn Ngọc : Giám đốc Công An Trung Bộ. (CAND.com.vn., 2/9/2005)

NGUYỄN THẾ NGHIỆP (1906-1945)

x Trương Nguyên Minh

Sinh ngày 3/6/1906 tại làng Đồng Tu, huyện Duyên Hà, tỉnh Thái Bình. Bố là Chánh quản trong quân đội Pháp. Đậ bằng Thành chung, thư ký cho Pháp. Sáng lập viên VNQDD.

12/1928: Chủ tịch Ban Hành Pháp VNQDD.

2/7/1929: Bị kết án 10 năm cấm cố; nhưng được Jules Bride phóng thích vào đầu tháng 8/1929 để đi bắt Nguyễn Thái Học và Xứ Nhu. 7/1929: Trốn qua Hồ [Hà] Khẩu, Vân Nam, đối diện Lào Cai. Nhờ một cơ quan Tin lành giới thiệu lên Côn Minh (Vân Nam Phú), nhưng vì không biết tiếng Trung Hoa, Mục sư Woods không sử dụng được.

- Trờ lại Hồ Khẩu, gặp Nguyễn Kim Ngũ và Dương Tự Thành (Thành đã qua Vân Nam mua súng, nhưng không thành công).

- Lập Ban Hải Ngoại VNQĐĐ ở Vân Nam. Nòng cốt có Ngũ và Đào Chu Khải (lúc đó đang ở A-mi Châu).

3/1930: Dương Tự Thành trở lại Hồ Khẩu, ở nhà Ngũ. Thời gian này, VNQĐĐ hải ngoại có Nghiệp, Ngũ, Khải và Thành. Khoảng 300 cán bộ.

9/1930: Vũ Văn Giảng (Vũ Hồng Khanh) qua tới Trung Hoa.

15/9/1930: Nghiệp rời Vân Nam qua Bhamo, Miến Điện, gồm 15 người.

5/1931-4/1933: Bị tù vì vụ ám sát Nguyễn Kim Ngũ.

22/6/1935: Xin ra đầu thú với Pháp ở Thượng Hải.

1/7/1935: Có một người TH của toà lãnh sự Thượng Hải tiếp xúc. 29/9/1936: Được khoan hồng (INF, c. 370/d.2967).

1936: Cùng Lê Thành Vị toan tổ chức VNQĐĐ tại Bắc Kỳ, nhưng không thành công.

1939-1940: Sống tại Tuyên Quang. 26/6/1940: Catroux ký nghị định an trí tại Tuyên Quang (JOIF, 52:53, 3/7/1940, tr. 1905).

2/1945: Cùng nhóm Nguyễn Xuân Tiếu, Nguyễn Tường Long, Trương Tử Anh, Ngô Thúc Địch, Bùi Như Uyên, Nguyễn Ngọc Sơn, Nhưộng Tống, Nguyễn Đăng Đệ, Nguyễn Xuân Dương tức Lạc Long thành lập Đại Việt Quốc Gia Liên Minh ở miền Bắc.

5/5/1945: Ra Hải Phòng Nhật Báo. 9/1945: Bị Việt Minh bắt giữ. Sau đó, mất tích. Có tin là bị cắt cổ, rồi ném xác xuống sông.

PHẠM QUỲNH (1892-1945)

Sinh năm 1892 tại Hà Nội. 1908: Tốt nghiệp trường Thông Ngôn. 1908-1917: Thừa phái (secrétaire) tại Trường Viễn Đông Bác Cổ. 1917-1920: Thừa phái hạng 5 tại Nha Hành Chánh và Chánh Trị Bản Xứ (Direction de l'Administration et Politique indigènes).

1917-1932: Chủ bút nguyệt san Nam Phong.

8/1918: Bộ Thuộc Địa hỏi ý kiến Hà Nội cho Quỳnh làm phụ giảng (répétiteur) tại Trường Sinh Ngữ Đông Phương. (Aix, Amiraux, 19065).

1920-1924: Nghị viên Hà Nội.

1922: Tháp tùng Khải Định qua Pháp; có cả Nguyễn Văn Vĩnh.

1925-1926: Thành lập Đảng Jeune Annam. 24/12/1925: Nhóm Jeune Annam viết thư cho Toàn quyền Alexandre Varenne yêu cầu ân xá cho Phan Bội Châu nếu không muốn

phải cai trị Đông Dương bằng bạo lực (Aix, F03-68). 1926: Cùng nhóm Trần Đình Nam thành lập Việt Nam Tiến Bộ Dân Hội, cử người xin gặp Varenne, nhưng Varenne không tiếp (GGI, Contribution, I:18). Sau đó, Nam bị chuyển khỏi Huế, và trở thành tử thù của Quỳnh.

1925-1928: Chủ tịch Hội Tương Trợ Giáo Dục Bắc Kỳ. 1926: Nghị viên Viện Dân Biểu Bắc Kỳ. 1929-1931: Phó Chủ tịch Đại Hội Đồng Đông Dương. Sáng lập viên và Tổng Thư Ký Hội Khai Trí Tiến Đức. 1931-1932: Phó Chủ tịch Hội Địa Lý Hà Nội. 1931-1932: Tổng Thư ký Hội Từ Thiện Bắc Kỳ.

11/11/1932: Ngự tiền Tổng lý của Bảo Đại. 2/5/1933: Thượng thư Bộ Học. 5-8/1939: Thập tùng Bảo Đại qua Pháp. 12/5/1942: Thái Tử Thiếu Bảo, Thượng Thư Bộ Lại. (Souverains, 1943:71-2).

Thứ Sáu, 9/3/1945 [25 tháng Giêng Ất Dậu], chiều tối: Chiến dịch Meigo. Nhật đảo chính Pháp. Chiến dịch này đã được Nhật chuẩn bị từ mùa Xuân 1944, nhưng mãi tới nay mới thực hiện. Trên đường ra Quảng Trị sẵn đêm, Bảo Đại được đưa về Huế. Thấy lính gác điện, tự hỏi chuyện gì đang xảy ra ["Je m'interroge: que s'est-il passé?"] (1980:99-101; Phạm Khắc Hoè, 1987:13) [Đầu tháng 3/1945: Đã nhờ Antonin Drapier, Đại diện Vatican ở Huế, liên lạc với phe de Gaulle].

Thứ Bảy, 10/3/1945: Khoảng 10G00, Phạm Quỳnh cùng Yokoyama Masayuki, Cố vấn tối cao Nhật ở Huế, vào gặp Bảo Đại. Sau đó qua gặp Từ Cung, khoảng 11G30 mới về. (Phạm Khắc Hoè, 1987:15) [Theo tác giả Le Dragon d'Annam, tức hồi ký của Bảo Đại], lúc 11G00 Chủ Nhật, 11/3/1945, Yokoyama vào gặp Bảo Đại. Nói chuyện bằng tiếng Pháp (1980:101). Chi tiết này không đúng].

Chiều đó, Phạm Quỳnh gọi điện thoại triệu tập phiên họp Cơ Mật vào sáng hôm sau. Hoè không được thông báo. (Phạm Khắc Hoè, 1987:16)

Chủ Nhật, 11/3/1945: Theo báo Nhật, Bảo Đại tuyên bố độc lập, hủy bỏ Hoà ước 1884 và hứa hợp tác toàn diện với Khối Thịnh Vượng Chung Đại Đông Á.

11/3/1945, 7G00: Phạm Khắc Hoè (1901-?), Ngự tiền văn phòng tổng lý, vào Đại Nội.

Bảo Đại đang "tàng" [ngủ]." Vào cung Diên Thọ gặp Từ Cung. Đã có mặt: Phạm Quỳnh, Hồ Đắc Khải (Hộ), Bùi Bằng Đoàn (Hình), Ứng Úy (Lễ), Trần Thanh Đạt (Học), và Trương Như Đính (Công). (Phạm Khắc Hoè, 1987:14)

08G00: Họp Cơ Mật ở Điện Kiến Trung. Bảo Đại cho lệnh Phạm Quỳnh bắt đầu nói. Quỳnh tuyên bố mục đích buổi

họp là để tuyên bố độc lập. Chiều qua, Yokoyama đã vào gặp Bảo Đại, đề nghị tuyên bố độc lập, và Yokoyama sẽ giữ chức Tối Cao Cố Vấn. (Phạm Khắc Hoè, 1987:16-7)

Bảo Đại hỏi ý kiến, mọi người đều đồng ý. Bùi Bằng Đoàn đề nghị phải tuyên bố hủy bỏ các hiệp ước với Pháp. Phạm Quỳnh cho biết đã soạn sẵn dự thảo. Khải và Đình tấm tắc khen hay. Không ai có ý kiến gì thêm. Bảo Đại cho lệnh Hoè mang bản thảo ra ngoài hoàn tất thủ tục.

10 phút sau, Hoè trở lại, Bảo Đại đang hăng say thuật chuyện bán được một con bò tốt ở Cam Lộ hai ngày trước. Đợi Bảo Đại dứt chuyện, Hoè mới đưa Bảo Đại ký Tuyên Ngôn Độc Lập.

Sau khi Bảo Đại và 6 thượng thư ký xong, Ứng Úy (Lễ) đề nghị ngày 14/3 [1/2 Ất Dậu] tiến hành lễ báo cáo độc lập với Liệt Thánh. (Phạm Khắc Hoè, 1987:17-8) Ngày 12/3/1945: Bảo Đại cho lệnh Hoè thảo Dự cử Phạm Quỳnh làm đại diện liên lạc với Nhật. Hoè tìm cách dèm xiểm Quỳnh là “người xấu, bị mọi tầng lớp nhân dân oán ghét và giới nhân sĩ, trí thức khinh bỉ”, nhưng Bảo Đại vẫn cho lệnh thi hành. Hoè bèn thảo một “Chi” [lệnh ở hàng thấp nhất, dưới Dự và Sắc]. (Phạm Khắc Hoè, 1987:19)

Tối 14/3, Hoè đến gặp Tôn Quang Phiệt (1900-1973), người cùng Nghệ Tĩnh đồng châu phố” bàn việc hạ Phạm Quỳnh. Cựu lãnh tụ Phục Việt, rồi Bí thư Trí Kỳ của Tân Việt Cách Mạng Đảng năm 1928, nhưng đã bí mật gia nhập Đảng CSDD, Phiệt tán thành, đồng ý đưa người ra lập nội các. (Phạm Khắc Hoè, 1987:20; Chử, 1996:141-42)

15/3/1945: Hoè đi thuyết phục Bùi Bằng Đoàn và Ứng Úy. Cả hai đồng ý loại Phạm Quỳnh, nhưng tuyên bố sẽ về hưu.

Chiều 15/3, Bảo Đại sai Hoè mời Huỳnh Thúc Kháng vào bái kiến, nhưng Kháng không đồng ý. (Phạm Khắc Hoè, 1987:21)

17/3/1945: Bảo Đại trao cho Hoè một bản ghi chú nói muốn xuống chiếu đích thân cầm quyền, theo tinh thần “dân vi quý.”

Theo Hoè, chẳng hiểu Phụ Đạo Lê Nhữ Lâm hay Yokoyama mớm ý cho Bảo Đại. Nhưng dựa vào ý kiến mới mẻ này—lấy từ sách Mạnh Tử—Hoè thảo Dự số 1 ngày 17/3/1945. (Phạm Khắc Hoè, 1987:22) Chiều đó, Hoè mang bản dịch Dự số 1 gặp Kháng. Kháng đang ngồi nói chuyện với Ngô Đình Khôi. Thấy Hoè, Khôi bỏ đi bằng cửa sau. Kháng vẫn chưa muốn gặp Bảo Đại, đề nghị Bảo Đại miễn

thuế một năm. Khi Hoè tường thuật việc này, Bảo Đại không trả lời.

Tối 17/3, Hoè gặp các Thượng thư, thuyết phục họ đồng loạt từ chức. (Phạm Khắc Hoè, 1987:24-5)

19/3/1945: Bảo Đại cho Phạm Quỳnh biết muốn tự nắm quyền. Quỳnh từ chức (Le Dragon d'Annam, 1980:106).

10 giờ sáng: Triều đình cũ [Phạm Quỳnh (Lại), Hồ Đắc Khải (Hộ), Bùi Bằng Đoàn (Hình), Ứng Úy (Lễ), Trần Thanh Đạt (Học), và Trương Như Đính (Công)]. (Phạm Khắc Hoè, 1987:14)] xin từ chức. Bảo Đại chấp thuận. (Phạm Khắc Hoè, 1987:25).

2 giờ chiều: Phạm Khắc Hoè, Ngự tiền văn phòng Tổng lý, nộp cho Bảo Đại danh sách 14 "nhân sĩ" đã có sự bàn bạc của Bùi Bằng Đoàn, Ứng Úy, Tạ Quang Bửu và Tôn Quang Phiệt ("Nghệ tinh đồng châu phổ" [1987:20] với Hoè): Huỳnh Thúc Kháng (Huế), Tôn Quang Phiệt (Huế), Trần Đình Nam (Đà Nẵng), Lê Ấm (Qui Nhơn), Hồ Tá Khanh (Phan Thiết?), Lưu Văn Lang (Sài Gòn), Vương Quang Nhường (Sài Gòn), Ngô Đình Diệm (Sài Gòn), Hoàng Xuân Hãn (Hà Nội), Vũ Văn Hiến (Hà Nội), Phan Anh (Hà Nội), Trịnh Văn Bính (Hà Nội [Hải Phòng]), Hoàng Trọng Phu, Trần Văn Thông.

Bảo Đại chọn 8 người: Nam, Khanh, Lang, Phu, Thông, Hãn, và Anh hoặc Hiến, tùy Hãn chọn. (Phạm Khắc Hoè, 1987:25-6). [Xem thêm 28/3/1945]

Tối 21/3/1945: Trần Đình Nam đề nghị sử dụng những lá bài "thân Nhật," vì Nhật chưa hẳn đã đứng lâu. Thí dụ như Ngô Đình Diệm. Hoè dẫn Nam vào gặp Bảo Đại. Bảo Đại đồng ý. Hoè bèn viết điện tín triệu tập Diệm, lúc ấy đang ở Sài Gòn. (Phạm Khắc Hoè, 1987:26).

[12/3/1945: Ngô Đình Diệm và Nguyễn Xuân Chử rời chỗ trú ẩn [bệnh viện Hồng Bàng sau này], tới công ty Đại Nam của Matsushita [Tùng Hạ] Mitsuhiro trên đường Arras.[1996:250] 20/3/1945: Chử rời Sài Gòn ra Bắc. 27/3/1945: Tới Nam Định. (Chử, 1996:258)

28/8/1944: Chử rời bệnh viện Yersin vào ty Hiến Binh Nhật. 22/9/1844: Vào Sài Gòn.

27/3/1945: Hoàng Trọng Phu, Trần Văn Thông, Hoàng Xuân Hãn, Vũ Văn Hiến và Phan Anh từ Hà Nội vào. 28/3/1945: Sau khi tiếp mọi người, Bảo Đại đồng ý với Hoàng Xuân Hãn, Vũ Văn Hiến và Phan Anh mời Diệm về cầm quyền; Phạm Khắc Hoè, 1987:26-7).

Hai lần yêu cầu Diệm về Huế, nhưng Nhật không muốn (Bao Dai, 1980:106).

29/3/1945: * Bangkok: Trung úy Michio Kuga từ Sài Gòn qua Bangkok đón Trần Trọng Kim về nước (Kim 1969:41-2; Shiraishi, p. 236). 30/3/1945, 13G15: Trần Trọng Kim từ Bangkok về tới Sài Gòn. Gặp Đại tá Hayashi Hidezumi (Kempeitai; Shiraishi, tr. 235), và rồi Trung tướng Kawamura, Tham Mưu Trưởng của Nhật (Kim 1969:42). Kawamura cho Kim coi danh sách những người được mời về Huế tham khảo ý kiến: Hoàng Trọng Phu, Vũ Ngọc Oánh, Trịnh Bá Bích, Hoàng Xuân Hãn, Cao Xuân Cẩm, Trần Trọng Kim, Hoàng Xuân Hãn, v.. v... (Kim 1969:42-3). Sau đó, Kim được Matsushita (Tùng Hạ) dàn xếp cho ở tại trụ sở đảng Quốc Xã Việt Nam, đối diện Đại Nam Công Ty. Tại đây, Kim gặp Ngô Đình Diệm (Kim 1969:44). 17/4/1945: Kim làm Thủ tướng.

Cuối tháng 7/1945, Trần Đình Nam, Bộ trưởng Nội Vụ, đề nghị bắt giữ Phạm Quỳnh. Bảo Đại không thuận. (Phạm Khắc Hoè, 1987:46-7)

8/1945: Phạm Quỳnh bị Việt Minh bắt giữ rồi thủ tiêu, cùng với hai kẻ thù của Quỳnh là cha con Ngô Đình Khôi và Huân, thư ký riêng của Yokoyama Masayuki, tại làng Hiền Sĩ, Phong Điền, Thừa Thiên.

Quỳnh là một trong những người có công lớn trong việc cải thiện chữ Việt mới tại miền Bắc. Quỳnh cũng là người có công quảng bá *Đoạn Trường Tân Thanh* (truyện Kiều) của Nguyễn Du.